

Truyện ngắn hậu hiện đại

LÊ HUY BẮC
Tuyển chọn và giới thiệu

Nhà xuất bản Hội nhà văn
Trung tâm văn hóa ngôn ngữ đông tây

MỤC LỤC

NGƯỜI KHÔNG MUỐN NHỚ	14
LỜI CUỐI CỦA HÀNH TRÌNH PHOENIX, ARIZONA.....	29
TIỀN SĨ FORKHAMMER ĐƯA BẠN GÁI VỀ PHÒNG.....	46
NHỮNG CÁI KẾT HẠNH PHÚC	52
LỚP HỌC.....	58
KHÓI THỊ THÀNH.....	63
CUỘC PHIÊU LƯU CỦA NGƯỜI LÍNH	83
CHÚ NGỰA SAN HÔ	95
CƠN BÃO	110

NHỮNG NGƯỜI DỊCH

Ba Khuynh Hướng
Truyện Ngắn Hậu Hiện Đại¹

Chủ nghĩa Hậu hiện đại trong văn học ra đời từ những năm 1950, là khuynh hướng tiếp nối Chủ nghĩa Hiện đại, gắn với sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghệ thông tin của sự phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật vượt bậc, của thành tựu đô thị hóa... được thể hiện ở cả ba phương diện thơ, kịch, văn xuôi (chủ yếu là văn xuôi hư cấu) với các đặc điểm chính: đa trị, huyền ảo, lắp ghép, mảnh vỡ, cực hạn, độ căng; hạn chế tối đa vai trò thống trị của người kể chuyện, không quan tâm đến cốt truyện, kịch và văn xuôi mang nhiều đặc điểm của thơ.

Riêng về truyện ngắn, do đặc trưng cơ bản của thể loại (ngắn) nên giống thơ là đặc điểm dễ nhận thấy nhất. Mặc dù, đây cũng là thuộc tính chung của văn xuôi thế kỷ XX.

Có thể phân chia truyện ngắn Hậu hiện đại theo nhiều kiểu khác nhau. Dựa vào tiêu chí hình thức thể hiện, chúng tôi phân tích ba khuynh hướng tiêu biểu nhất.

1. Truyện ngắn huyền ảo (*Magical Short Stories*)

Khuynh hướng này phát triển mạnh mẽ ở khu vực Mĩ-Latinh vào những năm 1960. Tuy nhiên, dấu vết huyền ảo thì đã xuất hiện sớm hơn trong văn học phương Tây, rõ nhất là ở thế kỉ XIX với các tác phẩm của Balzac, Hoffmann, Poe, Hawthorne... Nhà văn sáng tác theo khuynh hướng này thường sử dụng yếu tố hoang

¹ Phê bình văn học và văn hóa hậu hiện đại là một lĩnh vực nghiên cứu mới, đang phát triển mạnh mẽ trong giới nghiên cứu văn học và văn hóa. Tuy nhiên, do tính chất đa ngành và liên ngành của nó, nên việc phân định ranh giới giữa nghiên cứu văn học và nghiên cứu văn hóa là một vấn đề còn nhiều tranh cãi. Trong bài viết này, tôi chỉ giới thiệu một số nghiên cứu tiêu biểu về văn học và văn hóa hậu hiện đại, không đi sâu vào phân tích và đánh giá.

đường trong phản ánh hiện thực. Điểm khác nhau cơ bản giữa huyền ảo Hậu hiện đại và huyền ảo Cổ điển là ở chỗ yếu tố ma, yếu tố kinh dị bị giảm thiểu đến mức tối đa. Thay vào đó, các nhà Hậu hiện đại thường sử dụng các hình ảnh siêu nhiên gắn với các thành tựu khoa học kỹ thuật, gần gũi hơn với đời sống con người. Cách các nhà văn thường sử dụng là nâng một sự việc, một hiện tượng... lên tầm huyền thoại và xếp đặt một cách bình thường các yếu tố siêu nhiên bên cạnh các yếu tố thực của đời sống. Gabriel Garcia Marquez, Mighen Asturias, Leslie Marmon Silko... là những bậc thầy trong lĩnh vực này. Đọc tác phẩm của họ, ta thấy các yếu tố siêu nhiên không hề gây cho nhân vật và cho cả độc giả chút ngạc nhiên, kinh hãi nào. Mĩ học của Chủ nghĩa Hậu hiện đại cho phép con người thoải mái sinh hoạt, giao tiếp qua những môi trường và hoàn cảnh mà trong đời sống thực thì không thể nào tương thông. Biển của thời đã mất của Marquez với cuộc sống khô cằn xác xơ của các ngôi nhà bên bờ biển và ngôi nhà trồng đầy hoa hồng ngát hương dưới đáy đại dương là huyền thoại về việc đánh mất thiên đường trên mặt đất. Thêm vào khung cảnh đó là hình ảnh một bà lão đã chết, xác được ném xuống biển theo phong tục của dân làng, hóa thành thiếu nữ xinh đẹp bởi trong làn nước huyền thoại và cả những người đang sống lặn xuống đại dương bắt rùa ăn cho đỡ đói theo cách “bơi chéch xuống” đáy biển... vừa gợi cho ta nhớ về các nhân vật trong câu chuyện cổ vừa khiến ta liên tưởng đến những con người Hậu hiện đại thám hiểm đại dương bằng những trang thiết bị cực kì tối tân.

Điểm khác giữa Huyền ảo Hậu hiện đại Marquez và Huyền ảo Hiện đại Kafka là: nhân vật của Kafka vẫn còn chút ít trần trở khi tiếp xúc với yếu tố hoang đường (chẳng hạn như Grego Samsa biến thành con bọ trong *Biến dạng*); nhân vật của Marquez thì坦然 nhiên chấp nhận việc mình có khả năng bơi xuống đáy đại dương hay sẵn sàng sống cùng ông lão có đôi cánh khổng lồ trong gia đình... Bình thường hóa những điều kì lạ và xóa bỏ khoảng cách giữa bình thường và dị biệt, dị biệt và dị biệt là một trong những nguyên tắc thẩm mĩ chính của Chủ nghĩa Hậu

hiện đại. Sở dĩ, họ làm được điều đó là do chịu ảnh hưởng của công nghệ truyền thông computer.

Truyện viết theo khuynh hướng huyền ảo thường được thể hiện theo cảm hứng thơ với những tiếp nối, liên tưởng bất chợt không theo quy luật tư duy logic và lí trí. Đây là kết quả từ quan niệm thẩm mĩ của Chủ nghĩa Hậu hiện đại trong việc đả phá tư duy lý trí, đầy tinh táo của thi pháp cũ. Linh hồn muốn gì (Helen Garner), Tấm khăn (Cynthia Ozick), Chú ngựa san hô (Onelio Cardoso)... là những bài thơ - văn xuôi, khai thác cái hiện thực bên kia hiện thực, hiện thực trong ẩn ức, kí ức và cả sức tưởng tượng đến mức phi phàm: “Tôi không thể đi tìm chàng. Tôi không thể theo chàng. Tôi không thể viết cho chàng. Chàng không tồn tại. Nhiều ngày trôi đi và khi nhiều ngày nối tiếp theo nhau, máu và cơ thể giải phóng ý tưởng chàng, khi nhiều ngày qua đi không ngừng qua đi. Dần dần chàng biến thành ma, chỉ là một linh hồn, xám và vô hình. Chàng chưa từng tồn tại. Chàng là ảo ảnh. Tôi tạo ra chàng” (Linh hồn muốn gì).

Bởi chàng là linh hồn nên dấu cho tôi khao khát được bên chàng và chàng rất gần với tôi nhưng tôi không thể có chàng. Giữa tôi và chàng luôn tồn tại khoảng cách. Khoảng cách của sự sống và cái chết. Cái chết của người không muốn sống hay không ý thức được giá trị hoặc vô giá trị của sự sống lẫn cái chết. Đối với họ, sống hay chết đều vô nghĩa. Sống là một cuộc chơi và chết cũng là một cuộc chơi nốt. Chủ nghĩa Hậu hiện đại không chỉ đa trị hóa trần thuật mà còn đa trị hóa cái nhìn về cuộc đời. Cuộc đời là nghiêm túc nhưng cũng là một cuộc chơi, cuộc thử nghiệm của những cái tôi nhỏ bé. Song không vì thế mà nó không đề xuất vấn đề xã hội. Một xã hội phồn thực về vật chất, về kĩ nghệ thì nỗi ám ảnh của cái phi lý, cái bi đát của kỉ nguyên hiện đại vẫn tiếp tục gia tăng. Không chỉ riêng nhân vật tôi của Helen Garner mà nhân vật người - đàn - ông - cô - độc và Chikako trong Cửa chim và thú (Yasunari Kawabata) cũng có tâm trạng này. Họ không chấp nhận thực tại bởi thực tại không còn nguyên những giá trị đạo đức truyền thống hoặc là những giá trị hoàn toàn mới mà đây chỉ là sự

lai ghép thảm hại, đánh mất thuần chủng, tinh khiết trong đời sống tình cảm, vật chất của con người.

2. *Truyện ngắn mảnh vỡ (Fragment Short Stories)*

Nhà văn tiêu biểu nhất cho khuynh hướng này là Donald Barthelme. Ông từng tuyên bố truyện ngắn hay hiện nay phải là truyện được xây dựng từ những mảnh vỡ của hiện thực. Nguyên tắc sáng tạo của kiểu truyện này là sử dụng những motif đồng dạng xếp cạnh nhau nhưng khác với những nhà hiện đại, người thường hướng đến một chủ đề nhất định, thì các nhà Hậu hiện đại lại hướng đến nhiều chủ đề khác nhau. Lớp học là truyện ngắn đặc sắc của Barthelme. Học sinh được dạy thực hành: trồng cây thì cây chết, nuôi rắn rắn chết, nuôi cá cá chết, nuôi chó chó chết, nhận bảo trợ một em bé Triều Tiên thì em bé này cũng chết và sau cùng là các bạn Matthew và Tony chết do bị gỗ công trường đè phải. Bọn trẻ rất hoang mang và buồn. “Ngày nọ, chúng tôi thảo luận ở lớp. Chúng hỏi tôi (người kể chuyện và là thầy giáo), chúng đã đi đâu? Đám cây, con kì nhông, cá nhiệt đới, cún Edgar, ba và mẹ, Matthew và Tony, họ đã đi đâu? Và tôi nói tôi không biết, tôi không biết. Và chúng nói, ai biết? Và tôi nói, chẳng ai biết. Và chúng nói, có phải cái chết mang lại ý nghĩa cho sự sống? Và tôi nói, không, chính cuộc sống mang lại ý nghĩa để sống”. Rồi chúng đề nghị tôi làm tình với cô trợ giảng Helen vì “chúng em đòi hỏi sự xác định giá trị”. Tôi không đồng ý vì việc đó “không bao giờ được làm như một sự biểu diễn.” Tôi chỉ hôn Helen. Chỉ cần hôn nhau, một con thú lạ xuất hiện, “bọn trẻ reo hò ầm ĩ”.

Dựa vào cái nhìn của trẻ con, Barthelme bình đẳng hóa nhiều vấn đề không cùng bình diện như: trò chơi, cái chết, làm tình... Những vấn đề này đặt bên nhau đã góp phần hạ bệ hoặc tôn vinh nhiều yếu tố đã được xác định giá trị. Bọn trẻ được dạy. Nhưng tất cả những điều được dạy đó đối với chúng đều mơ hồ, đáng hoài nghi. Không phải ngẫu nhiên mà tác phẩm lại có nhiều câu hỏi và cũng không phải thầy giáo dốt đến mức không thể trả lời các câu hỏi của chúng, có điều người thầy ấy nhận thức rõ rằng, việc trả lời cũng như mọi câu trả lời khác đều là chủ quan, phiến diện. Do vậy, nhân vật tôi muốn chúng tự tìm lấy câu trả lời. Và

độc giả đọc đến đây cũng tham dự vào cuộc tìm kiếm lời đáp ấy. Chủ nghĩa Hậu hiện đại mở ra tới đa những con đường để người đọc tự đi vào văn bản.

Lớp học tạo được độ căng bởi tác giả chộp đúng thời điểm nỗi lo âu đã lên đến tột đỉnh. Từ những mảnh vỡ đa dạng của cuộc đời, ắt hẳn nhà văn ghép lại để đề xuất vấn đề "xác định giá trị". Đối tượng tham gia "xác định giá trị" không chỉ là học trò mà còn cả bạn (xuất hiện khi người kể chuyện ở ngôi thứ hai để độc giả trở thành một nhân vật của truyện), cả tôi và cô Helen. Và có lẽ, tác giả đi đến kết luận: giá trị chỉ có được khi con người thực sự có tình yêu. Tuy nhiên, đây chỉ là một cách hiểu đồng sáng tạo chứ kết luận này không hề được phát biểu trực tiếp trong tác phẩm.

Cùng viết theo kiểu mảnh vỡ song nhà văn Italy, Italo Calvino lại có cấu trúc của riêng mình. Cuộc phiêu lưu của người lính là tên của một truyện ngắn Hậu hiện đại tiêu biểu của ông. Truyện kể về anh lính Tomagra trên chuyến tàu trong lần nghỉ phép đầu tiên (chứng tỏ hãy còn rất trẻ) phiêu lưu tình dục với một quả phụ. Truyện được kể từ ngôi thứ ba nhưng điểm nhìn chủ yếu được chuyển sang cho Tomagra khi nhân vật này liên tục phân tích tình hình để bàn tay tấn công hay không tấn công lên cơ thể của người đàn bà (xuất hiện yếu tố mĩ mai: anh lính chiến thuật, tấn công... bóp đùi phụ nữ). Còn người đàn bà sau khi hành khách trong toa xuống hết vẫn lặng im như từ đầu, "vẫn giữ vẻ điềm tĩnh, trong trắng, đoan trang, cái mũ kiêu hãnh vẫn đội trên đầu" bình thản để "cơn cuồng điên" của anh lính "ôm chằm lấy cái vật thể câm lặng của nó: nàng".

Khi cuộc mây mưa kết thúc, "Tomagra đứng dậy và, bên dưới anh, góa phụ vẫn nằm với cái nhìn bình thản, nghiêm trang, trong sáng (mắt nàng xanh) với cái mũ và mạng che vẫn ngay ngắn trên đầu, và con tàu không ngửi thấy tiếng rít của nó qua cánh đồng".

Đọc truyện ta chỉ biết xúc cảm của Tomagra chứ không hề biết chút gì về tâm trạng của người đàn bà, ta chỉ biết ngoại hình nàng qua cái nhìn của anh lính và phần nào đó qua người kể chuyện. Đây là nét đặc trưng của tự sự Hậu hiện đại: không suy

diễn, không nhảy vào nội tâm nhân vật như cách các nhà hiện đại vẫn làm. Vì cách tự sự này nên quan hệ giữa hai nhân vật ấy là mảnh vỡ, là chấp nối, là những phiến đoạn chia cách của cuộc đời. Người phụ nữ hiện lên như một manơcanh (hay là kiểu hình nhân nữ bằng nhựa dẻo biết làm tình đang được bày bán ở nhiều nơi ở Mỹ, Tây Âu, Nga và cả Thái Lan...). Một vật thể nhưng lại biết (và có vẻ muốn) ân ái. Câu chuyện thật lạ, thật hấp dẫn, nhưng để cắt nghĩa nó: chúng tôi xin nhường cho các bạn (hẳn Calvino muốn nói như thế).

Shiloh của Bobbie Ann Mason cũng thuộc về khuynh hướng này. Leroy Moffitt, làm nghề lái xe tải đường trường sau mười lăm năm, bị tai nạn quay về sống cùng vợ Norma Jean. Norma đã quen với cảnh sống xa chồng nên khi Leroy trở về nhà với tình cảm "âu yếm dịu dàng khác thường đối với vợ và hối hận về lỗi lầm do những chuyến đi xa lâu ngày của mình" thì Norma "thường hơi giật mình khi thấy Leroy trong nhà". Khoảng cách giữa họ cứ thế tiếp tục nới rộng. Leroy muốn dựng một ngôi nhà gỗ cho vợ nhưng Norma không hề quan tâm đến ước muốn đó. Cuộc sống của họ do vậy ngày một ngột ngạt hơn, đến mức "khi anh và cô cùng ngồi làm việc bên bàn bếp, Leroy thầm hi vọng họ đang chia sẻ một điều gì đó, nhưng anh biết chỉ là một gã ngớ ngẩn mới nghĩ như vậy. Norma Jean đã ở xa anh". Mabel, mẹ Norma gợi ý hai vợ chồng đến Shiloh, chiến địa xưa để "có một chút thay đổi", "một chút khuấy động trong cuộc sống". Norma miễn cưỡng đồng ý đi với chồng. Trên đường đi, Norma lái xe, Leroy ngồi ở bên cạnh "cảm thấy mình giống như một người khách nhạt nhẽo cô cho đi nhờ xe". Di tích lịch sử cũng không thể hàn gắn được tình cảm của họ. Điều này có lỗi từ Leroy khi anh nhận thức ra rằng: "anh đã bỏ rơi nội hàm của lịch sử. Lịch sử đối với anh luôn chỉ là những cái tên và những con số. Anh bỗng nhận ra rằng dựng một ngôi nhà gỗ cũng trống rỗng như vậy - cũng quá đơn giản. Còn động lực nội tại thực sự của một cuộc hôn nhân cũng như phần lớn động lực nội tại của lịch sử, đã lìa bỏ anh".

Câu chuyện được dựng theo kiểu ghép mảnh. ở góc độ nhân vật, không chỉ Norma được ghép bên Leroy, Mabel ghép bên

Norma (hay Leroy) mà bản thân Lịch sử (hiện diện qua Shiloh) cũng được ghép bên đôi vợ chồng. Giữa họ không có kết nối mà nếu có thì chúng được thực hiện bằng lối so sánh đầy mai mỉa: "Anh chỉ có thể nghĩ tới chiến tranh như một trò cờ bạc lớn, chơi với những người lính bằng nhựa". Anh thâm so sánh trận tấn công của quân đội Liên bang vào trại lính Đồng minh với chiến dịch của thanh tra Mathis tấn công vào ngôi nhà chứa thuốc phiện; hay là việc Mabel so sánh chuyện hai vợ chồng Leroy để mất đứa con "do sơ ý" như người ta sơ ý để chó Dachshund cắn chết một đứa trẻ... Ngay cả tình cảm vợ chồng cũng chỉ là ghép nối: Leroy muốn hàn gắn, muốn làm lại từ đầu song Norma lại muốn chia tay; rồi đến cả ước muốn chia tay của Norma cũng được ghép bên sự ân hận không muốn xa lìa chồng... Những ghép nối chiều sâu này được thể hiện qua các tiểu đoạn đứt khúc, ghép quá khứ với hiện tại, tâm cảnh và ngoại cảnh, lịch sử và phi lịch sử... Trên đó nổi bật lên các chi tiết: đứa con bị chết, bà Mabel cô độc, Norma ngột ngạt trong các quan hệ, Shiloh không được thấu hiểu, đôi chân của Leroy muốn đi theo vợ nhưng "bên chân còn lạnh thì mệt mỏi, bên chân bị thương thì vẫn còn đau"... Những ghép nối trên đây rất cuộc càng làm cho tính mảnh vỡ tăng thêm.

Truyện mảnh vỡ (hay có thể gọi là phân mảnh, ghép mảnh) thường đề cập đến yếu tố tình dục nhưng không đi vào miêu tả chuyện chăn gối mà hướng đến kiểu tình dục bất lực (mảnh vỡ) để cho thấy sự trống vắng, cần cỗi, không tái sinh của đời sống tình cảm, đời sống vật chất của con người.

3. *Truyện ngắn cực hạn (Short Stories of Minimalism)*

Chủ soái của khuynh hướng này là Raymond Carver. Như tên gọi của nó, Chủ nghĩa Cực hạn hạn chế tối đa khả năng hư cấu, khả năng tự sự chủ quan, khả năng bao quát hết mọi vấn đề... mà theo cách gọi của Jean - François Lyotard là đại tự sự (grand narrative). Ông xem đây là "hiện tượng cực đoan" của trần thuật kiểu cũ. Ông xác định văn chương Hậu hiện đại cần "đơn giản hóa" hiện tượng ấy và yêu cầu nó phải hoài nghi đối với đại tự sự. Chủ nghĩa Cực hạn đã đáp ứng yêu cầu này. Đây là điểm khác biệt cơ bản giữa khuynh hướng cực hạn và hai khuynh hướng trên.

Truyện của các nhà cực hạn không phản ánh thực tại bằng ẩn dụ, biểu tượng mà bằng hoán dụ. Cách làm của họ là kể một câu chuyện bình thường, rất bình thường trong cuộc sống, chẳng hạn một cuộc đi săn (Những người thợ săn trên tuyết của Tobias Wolff), một đứa trẻ bị tai nạn ô tô (Điều tốt lành nho nhỏ của Carver) hay kỉ niệm về Ngôi nhà sa thạch của John Updike... theo sự quan sát hay trải nghiệm hẹp của nhân vật hoặc của người kể chuyện nhưng lại có khả năng thay thế rất lớn. Cách trần thuật của các nhà cực hạn rất dung dị. Truyện của họ tựa lát cắt rất thực của đời sống, nhưng tài năng của họ là biết khai thác những khoảnh khắc nào đó mang trong đó những tương quan với các phương diện khác của đời sống xã hội mà chưa được nói đến trong tác phẩm. Do vậy, sức gợi, sức lan tỏa của những áng văn này là rất lớn. Sự thấu hiểu văn bản phụ thuộc rất nhiều từ phía độc giả.

Khác với các nhà văn cổ điển như Hugo, Balzac... những người luôn xây dựng hình tượng nghệ thuật theo lối tương phản, các nhà cực hạn đặt các tình huống, hình tượng theo lối song song, cùng hướng nhau. Thảm họa của vợ chồng Ann và Howard trước việc cậu con bị hôn mê (trong Điều tốt lành nho nhỏ) được đưa vào bệnh viện và việc tiếp xúc giữa Ann và gia đình của chàng thanh niên Franklin, vô tình bị chém tử thương trong cuộc xô xát tại vũ hội cho thấy sự bấp bênh của cuộc sống con người thời kĩ trị. Trong lúc vợ chồng Howard đau khổ vì cái chết của cậu con Scotty thì tiếng chuông điện thoại vẫn bình thản reo và ai đó ở đầu dây đang kia nhắc nhở về Scotty. Thoạt tiên vợ chồng Howard cứ nghĩ kẻ độc ác nào đó cố trêu đùa với nỗi mất mát của họ và phần uất muốn trả thù. Ann nhận ra đó là người làm bánh, người mà cô đã đặt chiếc bánh định mệnh vào sáng sinh nhật hôm ấy của con trai. Hai vợ chồng tìm đến xưởng bánh để trả thù nhưng khi hiểu hết mọi chuyện, người làm bánh thành thật xin lỗi và động viên đôi vợ chồng trẻ.

Điều tốt lành nho nhỏ vừa là nhan đề vừa hàm chứa quan niệm sáng tác của tác giả. Cũng như nhiều nhà Hậu hiện đại khác, Raymond Carver không phát biểu trực tiếp chủ đề truyện mà thông qua hệ thống hình tượng, ông giúp người đọc tự nhận ra

điều tốt lành ấy là gì. Câu chuyện tái hiện nhiều kiểu bất hạnh của con người (người thì con chết, người thì không có con nhưng phải làm quần quật suốt ngày để kiếm sống...) Những bất hạnh này gặp nhau một cách tình cờ. Có thể nói, cái tình cờ vốn dĩ là đặc trưng của đời sống thường nhật bây giờ lại luôn xuất hiện trong tác phẩm của những nhà cực hạn. Trong câu chuyện này, nhờ việc đi đặt bánh sinh nhật và những cú điện thoại vô tình nhắc nhở về chuyện cái bánh đã khiến các tâm hồn cô đơn gặp gỡ nhau. Người làm bánh cũng là một cô độc. Mọi niềm vui và nỗi buồn của ông chất đầy cả không gian chật hẹp của xưởng bánh nhỏ. Đây là nhân vật mang tính thức tỉnh. Người làm bánh già ấy am hiểu cuộc đời. Hai vợ chồng vừa mất con ấy lắng nghe khi “ông bắt đầu đề cập đến nỗi cô đơn, sự hoài nghi và những giới hạn đã đến với ông trong những tháng năm ở độ tuổi trung niên này. Ông kể cho hai vợ chồng nghe về cuộc sống không con cái của mình. Tháng ngày cứ lặp đi lặp lại với những lò bánh hết đầy ắp rồi lại trống rỗng”. Rồi ông biết đôi vợ chồng kia cần được ăn uống chút ít để phục hồi sức lực sau nỗi mất mát vô bờ. Việc ăn bánh và uống cà phê được xem là điều tốt lành nho nhỏ. Nó giúp cho Howard và Ann đang tuyệt vọng bỗng ý thức ra rằng: suy cho cùng, con người đau khổ đến đâu thì cũng cần phải sống. Để giúp cho họ ý thức được chân lý của tồn tại thì cần phải có sự thông cảm, chân tình. Người làm bánh đã thực hiện được sứ mạng này. Thì ra điều tốt lành nho nhỏ có lẽ là cách nói khiêm tốn ngầm chỉ cái tình người kia. Chút tình ấm áp giữa bao trớ trêu của cuộc đời xuôi ngược.

Nhan đề truyện được đặt tình cờ trong lời khuyên của người làm bánh với vợ chồng Howard. Đây là kiểu nhan đề hiếm khi thấy xuất hiện trong truyện ngắn trước Chủ nghĩa Hậu hiện đại nhưng lại thường xuyên xuất hiện trong sáng tác của Carver. Ngoài nhan đề trên, ông còn có: *Mình đang gọi từ đâu*, *Cuộc đối thoại nghiêm túc*, *Nhà của Chef...* đều là lời của nhân vật trong truyện. Các nhà văn cùng thời với Carver, như Tim O'Brien (*Hành trang của họ*), Leslie Marmon Silko (*Người đàn bà da vàng*)... cũng có chung cách đặt tiêu đề. Qua thao tác này, các nhà văn nhằm giảm thiểu tối đa ý đồ nghệ thuật chủ quan của mình. Người đọc,

khi tiếp xúc với kiểu nhan đề ấy thì chẳng đọc được gì nhiều hơn về văn bản ngoài chính nhan đề.

Ba khuynh hướng truyện trên là những diện mạo tiêu biểu của truyện ngắn Hậu hiện đại. Đặc điểm chung giữa chúng là làm sao trong một dung lượng câu chữ hạn hẹp phải đề xuất được một nội dung rộng lớn. Điều đáng chú ý là sau bao nhiêu cách tân táo bạo của các trường phái trước, các nhà Hậu hiện đại lại có xu hướng quay về với những cái giản dị, bình thường, ngỡ như rất ít tính nghệ thuật, ít dấu ấn chủ quan. Bởi họ ý thức được rằng chính cuộc sống mới là nhà cách tân vĩ đại nhất trong mọi khả năng cách tân.

Hà Nội, 11.2001 - 7.2002.

Khuagia Amet Abat
(Ấn Độ)

NGƯỜI KHÔNG MUỐN NHỚ

Vậy là các ông muốn biết tại sao tôi lại cười? Các ông muốn biết làm sao một kẻ sắp chết lại cười không?

Bác sĩ Xahép, bác sĩ đừng lo lắng làm gì, bác sĩ nên quay về bệnh viện của mình mà bán thuốc kinin, aspirin đi thì hơn. Bác sĩ không cứu được tôi nữa đâu. Chẳng ai có thể cứu tôi được. Là vì tôi bị hai vết thương rất sâu. Một ở lưng, xuyên qua xương sườn, vào tận gan. Một ở bụng. Các ông không thấy ruột lòi cả ra ngoài sao?

Vậy là tất cả các ông đều muốn biết tại sao tôi cười. Các ông thắc mắc không hiểu sao có cái thứ hài hước gì lạ lùng khiến một kẻ sắp chết lại cười vào lúc trút hơi thở cuối cùng. Tôi sẽ xin kể các ông nghe. Lý do là vì tôi vừa mới nhớ ra tôi là ai...

Sao, ông bạn bảo sao? Rằng cái đó thì có gì đáng buồn cười ấy à? Xin ông bạn hãy nghe tôi đã. Rồi ông bạn sẽ hiểu tại sao sắp chết đến nơi mà tôi lại cười...

Đã hơn hai tháng nay tôi cố nhớ ra mình là ai: theo đạo Hồi hay theo Ấn Độ giáo hay theo đạo Xích? Một người Bà La Môn hay một “pa-ri-a”¹? Giàu hay nghèo? Quê miền Đông Pungiáp hay miền Tây? Sống ở Laho hay ở Amrítxa? ở Raoanpindì hay Giulundun? Tôi đã cùng nhiều người khác cố gắng tìm ra thân phận mình, đẳng cấp, tôn giáo, tên tuổi mình, nhưng chẳng một ai khám phá ra được điều bí mật đó. Ngay cả tôi, tôi cũng chẳng nhớ được gì, mặc dầu đã cố gắng hết sức. Nhưng bây giờ thì trí nhớ của tôi bỗng hồi phục... Đúng lúc tôi sắp chết!

¹ Đẳng cấp thấp hèn nhất trong xã hội ấn độ.

Bác sĩ ơi, đừng lo lắng làm gì, vẻ mặt bác sĩ thật buồn cười quá đấy. Xin hãy tin tôi, có lo lắng cũng chẳng ích gì đâu. Không một bác sĩ nào trên đời này có thể cứu tôi sống được. Tôi biết tại sao bác sĩ lại có vẻ bối rối như thế. Tôi hiểu cái tình thế lưỡng nan của bác sĩ. Vết thương của tôi rắc rối quá bác sĩ không biết nên bắt đầu từ đâu chứ gì. Nếu đặt tôi nằm ngửa để nhét ruột vào bụng rồi khâu lại thì qua vết thương ở lưng, tôi đã mất hết máu, và chết ngay trước khi bác sĩ khâu bụng cho tôi. Còn nếu lật tôi lại để khâu vết thương ở lưng thì ruột non ruột già, cả gan lẫn thận sẽ rơi hết ra ngoài. Vậy thì bác sĩ đừng quan tâm đến chuyện đó nữa mà hãy nghe tôi kể...

Cách đây khoảng hai tháng, sau nhiều ngày mê sảng, tôi tỉnh lại và thấy mình nằm trong một bệnh viện ở Đêli.

- Tên anh là gì? Bác sĩ hỏi.

Tôi suy nghĩ và đầu óc tôi mờ mịt chẳng nghĩ ra được cái gì cả. Tôi đành phải nói:

- Xin lỗi bác sĩ, tôi không nhớ...

- Theo Ấn Độ giáo hay Hồi giáo?

Bác sĩ đề cập vấn đề chủ chốt. Nhưng tôi vẫn phải nói là tôi cũng quên mất không còn nhớ mình theo đạo nào.

Tôi không còn nhớ một tí gì về quá khứ của tôi, tôn giáo, đẳng cấp, gia đình, quê quán, cũng không nhớ mình đã có vợ hay chưa. Không biết mình bao nhiêu tuổi. Tôi chỉ mơ hồ cảm thấy có lẽ mình còn trẻ nhưng khi nhìn vào gương thì lại thấy một bộ mặt già nua, ngơ ngác, nhăn nheo, râu ria lởm chởm mà tôi không hề quen thuộc. Hình như tôi chưa trông thấy bộ mặt ấy bao giờ.

Các bác sĩ ở Niu Đêli cố gắng hết sức để hồi phục trí cho tôi, nhưng thất bại. Họ bèn tìm cách giúp tôi tìm ra căn cước của tôi. Bản thân tôi cũng cố gắng bởi vì không tên tuổi, tôi không thể tồn tại được về mặt pháp lý, tôi chỉ là một người chết. Khi tìm hiểu, tôi chỉ biết được là người ta đã đưa tôi cùng với những người tị nạn khác từ Pungiáp đến, phần lớn đã chết ở bệnh viện. Tôi hỏi xem những người kia có phải theo Ấn Độ giáo, đạo Xích hay Hồi giáo

không thì người ta trả lời rằng trong số họ có cả ba hạng người. Hình như giữa Amrítxa và Laho, hai đoàn tàu đặc biệt chở người tị nạn đã bị tiến công và trật bánh. Trên một đoàn tàu có những người tị nạn Ấn Độ giáo đi từ Pungiáp tới Amrítxa, còn trên đoàn tàu kia là những người tị nạn Hồi giáo đi từ miền Đông Pungiáp tới Laho.

Vào khoảng 11 giờ tối, một quả bom nổ dưới đường ray khi tàu đang chạy qua một chiếc cầu. Đầu máy trật bánh, kéo theo nhiều toa lăn xuống một lòng suối cạn. Nhiều người đã chết ngay và nhiều người bị thương, còn những người ở các toa sau vô sự thì lập tức bị một nhóm cướp nấp trong rừng xả súng bắn. Những người bị thương chạy tán loạn trong đêm tối tìm nơi trú ẩn. Khoảng một giờ sau, một đoàn tàu khác chạy ngược lại cũng bị chung số phận, cách đó khoảng một dặm. Những người bị thương ở đoàn tàu này cũng chạy trốn vào rừng gần đấy, nhiều người gục ngã vì kiệt sức, nhiều người loạng choạng lần mò qua các cánh đồng trong đêm tối.

Ngày hôm sau, các đơn vị vũ trang của Ấn Độ và Pakixtan đi tuần ở hai bên biên giới tìm thấy nhiều người chết và bị thương trên hai đoàn tàu nằm lẫn lộn ngay trên đường ngăn đôi hai nước, lẫn lộn vào với nhau không còn phân biệt được ai là Hồi giáo, ai là Ấn Độ giáo. Tôi là một trong những người bị thương đó. Một chiếc cáng đưa tôi tới xe cấp cứu, một người khiêng cáng cho tôi biết anh ta tìm thấy tôi với bộ quần áo bê bết máu, nằm bất tỉnh, vắt ngang đường biên giới, thành thử chân tôi thì ở bên phía Pakixtan còn người thì lại nằm bên Ấn Độ. Đường biên giới mới cắt ngang qua cánh đồng được vạch ra bằng máu! Máu người Ấn Độ giáo, người Hồi giáo, người Xích trộn vào với nhau, thấm xuống đất đai màu mỡ bây giờ không còn phân biệt nổi, không còn phân chia nổi!

Này cụ Manlana râu bạc! Cụ đừng nhìn tôi như thế! Tôi biết cụ đang nghĩ gì. Đừng quên rằng tôi sắp chết và vào lúc này, con người ta biết hết mọi thứ. Cụ hy vọng tôi sẽ tuyên bố tôi là người Hồi giáo và như vậy, trước khi tôi tắt thở, cụ sẽ nhờ “Angiuman

Khuđanun muxlimen”¹ chuẩn bị tang lễ cho tôi chứ gì? Còn Mahasaygi, với chiếc mũ thiêng liêng trên cái đầu cạo trọc lóc kia, tôi xin nói là tôi cũng biết ông đang nghĩ gì. Ông chờ tôi nói tôi là người Ấn Độ giáo để có thể chuẩn bị hoả táng tôi theo mong muốn của tổ chức “Hindu Darum Xêvác Xangơ”² của ông. Tôi có nghe nói là ở Bombay này, dân tộc Pác-xi đặt người chết lên Tháp Im Lặng cho chim kền kền rỉa xác. Những con chim ác độc đó, theo như người ta kể, suốt ngày bay lượn quần quanh ở đó để chờ người ta đem xác người đến, nhưng không biết có những con “kền kền người” săn lùng cả những kẻ hấp hối trước khi những kẻ đó chết hẳn.

Để tôi kể tiếp câu chuyện của tôi vì tôi không còn nhiều thì giờ nữa. Vết thương của tôi không nặng lắm và chỉ hai tuần sau tôi đã khỏi. Tuy nhiên, các bác sĩ tuyên bố rằng tôi bị chấn thương sọ não nặng, ảnh hưởng đến trí nhớ. Vì thế tôi trở thành một “kỳ quan”, một con người không tên. Báo chí đăng ảnh tôi, cả báo chí Pakixtan lẫn báo chí Ấn Độ, nhưng chẳng có một người thân thuộc, một người quen hay hàng xóm nào đến nhận dạng tôi cả. Có lẽ tôi chỉ có một mình trên đời này. Trong khi ấy thì có nhiều người bị thương và đau ốm đến và các bác sĩ bảo họ không thể giữ tôi ở lại được nữa. Tôi đành phải rời khỏi bệnh viện, hy vọng tìm được nơi trú ngụ ở đâu đấy.

Lang thang trong thành phố, tôi tới Giam Maxgít, ở đó có một trại tị nạn bên ngoài thành phố, trên một khoảng đất rộng.

Tôi nói với ông trưởng trại thế này:

- Thưa ông, tôi thật không còn phương kế gì để sinh sống, xin ông cho tôi trú ngụ ở trại này.

Ông ta hỏi:

- Anh là người Ấn Độ giáo hay Hồi giáo?

- Thưa ông, tôi không nhớ được nữa ạ.

¹ Hội tương trợ của người Hồi giáo.

² Hội những tín đồ Ấn Độ giáo.

Đó hoàn toàn là sự thật. Tôi không hề có ý dối trá hay giấu giếm gì. Nhưng ông trưởng trại sẵn giọng đuổi tôi đi.

- Trại này là dành cho người Hồi giáo!

Lần theo các nẻo đường bụi bặm, tôi tới Niu Đêli. ở đó có một trại tị nạn còn to hơn trại kia nhiều. Tôi đến đó van nài người ta cho tôi trú ngụ. Tôi hầu như nói không ra hơi vì tôi không được ăn đã ba ngày rồi. Người ta lại hỏi tôi:

- Anh theo đạo Hồi hay Ấn Độ giáo?

Tôi vẫn phải trả lời là tôi không nhớ.

- Tên anh là gì?

- Thưa ông, đến tên tôi tôi cũng không nhớ. Tôi chẳng nhớ được gì hết.

- Thế thì đi chỗ khác. Đây là trại dành cho người Ấn Độ giáo!

Cứ thế tôi lang thang hết trại này sang trại khác. Có những trại cho người Ấn Độ giáo, có những trại cho người Hồi giáo, nhưng chẳng có một trại nào cho con người!

Đêm đó, mệt quá, lại đau chân, tôi ngất xỉu trên đường trước một biệt thự mà sau này tôi biết chủ của nó là một người Xích, tên là Xácđã Xahíp, viên chức nhỏ của một bộ nào đó. Thấy tôi nằm đấy, ông ta đưa tôi về nhà, cho tôi uống sữa. Khi tôi tỉnh lại, ông ta không hỏi tôi là người Hồi giáo hay Ấn Độ giáo mà chỉ hỏi: “Thế nào, anh bạn, đã đỡ chưa?”.

Tôi ở lại nhà ông ta một thời gian. Xácđã Xahíp và vợ con ông đối với tôi rất tốt. Tôi nói với họ tất cả sự thật: Tôi không biết tôi là ai, tuy vậy họ vẫn tỏ ra rất thông cảm, ân cần với tôi. Vài ngày sau, có một đoàn tàu chở người tị nạn tới, trong số đó có vài người là bà con họ hàng của Xácđã Xahíp ở Raoanpindì. Bọn cướp theo đạo Hồi đã hành hạ một số những người tị nạn đó rất khổ sở: Chúng buộc họ phải cải đạo, phải cạo trọc đầu, phải cắt da quy đầu, còn phụ nữ thì bị chúng làm nhục. Họ đã phải chứng kiến cảnh bà con, hàng xóm của họ bị giết một cách tàn nhẫn ngay

trước mắt họ. Lòng họ tràn đầy oán hận và căm thù. Nghe họ kể chuyện, tôi cũng thấy căm ghét đám Hồi giáo.

Xácđã Xahíp kể cho họ nghe câu chuyện kỳ lạ của tôi, tôi mất trí nhớ như thế nào và một vài người nhiều tuổi nhất trong bọn họ hỏi han tôi với rất nhiều thiện cảm, thậm chí còn cố tìm cách làm tôi nhớ lại được. Nhưng đám trẻ thì nhìn tôi với một vẻ nghi ngờ và một đêm tôi nghe thấy đám này nói với nhau: “Ngộ nhỡ nó nói dối thì sao? Vả lại cứ cho là nó mất trí nhớ thật đi nữa, ngộ như cuối cùng lại khám phá ra nó theo đạo Hồi thì sao?”. Và tôi thấy mắt họ lóe lên ánh sáng dữ dội. Đầu óc tôi cứ luẩn quẩn với ý nghĩ: “Giả sử mình là người theo đạo Hồi thì sao? Biết đâu đấy, có thể mình cũng đã nhúng tay vào những vụ tàn khốc như thế trước khi bị thương và mất trí nhớ! Có lẽ mình đã bị trừng phạt vì những hành động tội lỗi của mình!”. Đêm đó, tôi trốn khỏi nhà Xácđã Xahíp.

Thế là tôi lại lang thang ngoài phố, lại đói.

“Trại này là dành cho người Hồi giáo!”

“Trại này là dành cho người Ấn Độ giáo!”

“Mày là ai?”

“Tên mày là gì?”

“Mày theo đạo nào?”

“Mày từ đâu tới đây?”

Toàn là những câu hỏi! Mà tôi thì lại không trả lời được một câu nào vì tôi là người không có trí nhớ.

Khi đã đi hết các trại và không vào được trại nào, không còn sức mà lê chân nữa, tôi đến nằm dài ra trước cửa “Trại giam Maxgít”, trong lòng đinh ninh sẽ cam chịu chết. Tôi ngất đi và không biết thời gian trôi qua đã bao lâu, nhưng khi mở mắt ra, tôi thấy một chú bé chừng tám tuổi đứng bên cạnh. Chú gọi: “Tỉnh lại đi! Mẹ cháu bảo đưa cho cháu ăn cái này”. Có lẽ vì nghe nói đến ăn mà tôi tỉnh lại được. Nhưng tôi không còn sức ngồi dậy và chú bé

phải đỡ tôi, tôi mới ăn được “chapatit” và “đaan”¹ chú đưa cho tôi. Sao mà ngon thế! Tôi ăn ngấu nghiến! Ăn xong miếng cuối cùng, vét sạch cái đĩa bằng nhôm, tôi nói với chú bé: “Cầu trời ban phước cho cháu sống lâu!” Tôi cầm lấy bàn tay chú bé để tỏ lòng biết ơn thì chú kêu lên: “Trời ơi, tay chú nóng quá, chú sốt đấy! Chú về nhà bố cháu đi. Bố cháu là ha-kim², bố cháu sẽ cho chú uống thuốc là chú khỏi ngay!”

Thế là chú bé đưa tôi về nhà. Ông hakim là một ông già đi đạo Hồi, mỗi ngày cầu kinh năm lần và phát thuốc không lấy tiền cho những bệnh nhân nghèo đến khám bệnh, chẳng cần biết họ theo đạo Hồi giáo hay Ấn Độ giáo. Ông cho tôi một ít thuốc “unani”, cho tôi uống sữa mỗi ngày ba lần và một cái giường để ngủ. Nhờ vậy tôi khỏi sốt nhưng ngay một thầy thuốc giỏi như ông ta cũng không làm cho tôi lấy lại được trí nhớ. Tôi kể cho ông nghe cảnh khổ của tôi: “Có lẽ tôi là người Ấn Độ giáo chăng? Và như thế tốt hơn hết là tôi nên đi khỏi đây”. Nhưng ông cụ rất tốt, khuyên tôi nên ở lại. Ông cụ bảo: “Nếu anh theo Ấn Độ giáo thì có làm sao đâu? Người theo Ấn Độ giáo không phải là người ư?” Thế là tôi ở lại.

Nhưng một chuyện xảy ra khiến tôi không thể nào lưu lại nhà ông hakim được nữa. Một hôm, con trai ông hakim theo lệ thường đem thức ăn đến cho một con người khốn khổ nào đó như tôi và đi mãi không thấy về. Chúng tôi bỏ đi tìm, mãi đến đêm chúng tôi mới được tin, một cái tin khủng khiếp: Từ “Trại giam Maxgít” trở về, chú bé đã bị những người Ấn Độ giáo giết chết. Trong “dênana”³ tiếng kêu, tiếng khóc vang lên và tôi được biết mẹ chú bé, người vợ rất rộng lòng thương người của ông hakim đã ngất xỉu. Tôi bắt đầu thấy những huyền ảnh. Ngày cũng như đêm, tôi luôn luôn bị bóng ma của chú bé thân yêu đó đeo đuổi và chú không ngừng nói với tôi, giọng thân mật và quen thuộc: “Chú nhớ lại đi, cháu đã cho chú ăn khi chú sắp chết. Vậy mà chú lại giết

¹ Bánh và đậu.

² Thầy thuốc địa phương.

³ Phòng riêng của phụ nữ.

cháu!” Dĩ nhiên, tôi biết, là không phải tôi giết chú. Nhưng tôi cứ luẩn quẩn mãi với ý nghĩ này: “Giả dụ như mày là người Ấn Độ giáo! Giả dụ như trước khi mất trí nhớ, mày cũng đã giết trẻ con theo đạo Hồi như con ông hakim đây!” Tôi luôn luôn bị giày vò như chịu cực hình. Một buổi sáng khi trong nhà chưa ai dậy, tôi lặng lẽ bỏ đi.

Ở Đêli khi ấy tình hình rất hỗn loạn, kinh hoàng. Người ta giết nhau giữa ban ngày, đạn bay vèo vèo ngay trên các đại lộ ở trung tâm thành phố. Lang thang vợ vắn, né tránh các chỗ nguy hiểm, tôi lần mò được tới nhà ga. Tôi có nghe nói là ở Bombay tình hình tương đối khá hơn, cho nên khi trông thấy đoàn tàu Bưu vụ biên giới sắp chạy, tôi leo luôn lên tàu. Trong toa, ngồi bên cạnh tôi là một thanh niên có đôi mắt râu rĩ, quê ở Pungiáp.

Khi tàu chuyển bánh, anh thanh niên hỏi: “Chú ơi, chú là ai?”

- Chú cũng không biết nữa - tôi đáp, có lẽ là theo Ấn Độ giáo, có lẽ là theo đạo Hồi.

- Cháu nghe nói đường này rất nguy hiểm cho những người Hồi giáo. Mà chú thì lại để râu thế kia, cho nên cháu mới hỏi vậy.

Tôi kể cho anh ta nghe chuyện của tôi, nhưng cứ bằng vào cái kiểu anh ta nhìn bộ râu của tôi đã ba tuần không cạo, tôi biết là anh ta không tin.

Tôi bèn chuyển sang hỏi chuyện anh thanh niên và được biết là cửa hiệu và nhà của anh ta ở Laho đã bị cướp, một số họ hàng bị giết chết, một số khác thì mất tích. Bây giờ anh ta đi Bombay để tìm cách gây dựng lại cơ đồ.

Tàu bị chặn lại ở Boharátputa và tất cả các hành khách bị nghi ngờ là Hồi giáo đều bị lôi ra khỏi các toa rồi giết chết ngay lập tức.

Rồi bọn giết người kéo đến toa tôi ngồi. Tôi chuẩn bị chết. Tôi không biết tôi có phải là người Hồi giáo không, nhưng tôi biết là tôi có bộ râu rậm. Thế là đủ để bị giết chết rồi. Tuy nhiên, bọn sát nhân chưa trông thấy tôi thì anh thanh niên đã lấy một cái chăn

chụp lên người tôi rồi khi bọn chúng hỏi về tôi thì anh ta trả lời ngay, không hề do dự: “Đây là ông anh tôi. Xin các ông để cho anh ấy yên. Anh tôi bị thương ở Lahor, không đủ sức trả lời các câu hỏi của các ông đâu”. Bọn kia có vẻ tin và bỏ đi. Đạn bay tứ tung chung quanh. Một số nạn nhân rên lên những tiếng cuối cùng rồi đoàn tàu lại chuyển bánh.

Tôi tới được Bombay. Nhưng ở đâu cũng vậy, vẫn cái câu hỏi quái ác ấy hành hạ tôi: “Mày có theo Ấn Độ giáo không? Mày có phải người Hồi giáo không?”

Tôi suy nghĩ mông lung: “Ai là người Ấn Độ giáo? Ai là người Hồi giáo? Anh thanh niên đã cứu mạng ta trên tàu khi ta trông như một người Hồi giáo, anh ta có phải là người Ấn Độ giáo không? Hay cái bọn súc sinh ở Dariba đã giết chết đứa con vô tội của ông hakim, bọn chúng có phải là người Ấn Độ giáo không? Nhưng người Hồi giáo là ai? Là ông hakim nhân hậu và gia đình ông ta hay là những kẻ đã tàn sát ở Đêli? Ai là người Hồi giáo? Ai là người Ấn Độ giáo? Ai là người theo đạo Xích?”.

Và câu hỏi day dứt đó cứ luẩn quẩn mãi trong đầu tôi rồi in sâu vào tiềm thức tôi. “Mi là ai? Mi là ai? Ấn Độ giáo hay Hồi giáo?”

“Tôi là ai? Ấn Độ giáo hay Hồi giáo?”

Ngày cũng như đêm câu hỏi đó ám ảnh tôi. Ngay cả khi tôi ngủ tôi cũng mơ thấy những con quỷ khạc ra lửa, cầm đinh ba đỏ rực đâm vào người tôi buộc tôi phải trả lời “Mày là ai? Ấn Độ giáo hay Hồi giáo? Hồi giáo hay Ấn Độ giáo?” và tôi thét lên trong mơ: “Hãy để cho tôi yên. Tôi không biết tôi là ai cả. Tôi không phải là người Hồi giáo. Tôi không phải người Xích. Tôi không phải là cái gì cả. Tôi chỉ là một con người thôi!”

Ở Bombay cũng có trại tị nạn. Nếu anh là người Xích thì phải đến thẳng trường Khanxa. Nếu anh là người Ấn Độ giáo thì phải tìm đến Ramacrisna Asram. Còn nếu anh là người Hồi giáo thì nơi trú ngụ của anh là trường trung học Agiuman Ixlam. Nhưng tôi, tôi biết đi tới đâu? Tôi chẳng biết tôi là ai, chẳng đâu có chỗ cho tôi cả.

Ngay đến của bố thí người ta cũng không cho tôi. Trước khi cho, người ta đều hỏi xem tôi có phải là người cùng cộng đồng với họ không. Nhưng tôi lại chẳng thuộc cộng đồng nào hết!

Vậy tôi phải chết đói sao? Không, không, bằng bất cứ cách nào tôi cũng phải tìm cho ra xem tôi là ai. Nếu không, tôi không thể hy vọng sống sót được.

Có người khuyên tôi thế này: “Hãy đến gặp bác sĩ Xamani. Chỉ có ông ấy làm cho anh hồi phục được trí nhớ”.

Chắc các ông đều biết tiếng bác sĩ Xamani. Ông ấy là bác sĩ tâm thần, chữa bệnh không phải bằng phẫu thuật mà bằng lời nói và bằng cách làm cho bệnh nhân nói. Tôi đã tìm gặp ông ta.

Trong căn phòng khám bệnh, ánh sáng rất dịu. Tường trắng toát, áo của bác sĩ cũng như của cô y tá cũng trắng toát. Mọi thứ đều trắng toát và êm dịu. Nhưng giọng nói của ông bác sĩ còn êm dịu hơn tất cả mọi thứ.

Ông ta nói giọng rất dịu dàng làm cho tôi yên tâm: “Bây giờ, anh hãy để cho đầu óc ngơi nghỉ. Đừng bắt nó cố gắng gì hết. Rồi sau đó, anh hãy nói cho tôi nghe bất cứ cái gì anh muốn, ngay dù cho anh thấy điều đó có vẻ là hoàn toàn chẳng đâu vào đâu anh cũng cứ nói”. Ông ngồi xuống chuẩn bị bút chì ghi lại những lời tôi sẽ nói. Tôi nhắm mắt để mặc cho trí óc bông lông vô định.

Rồi tôi bắt đầu nói: “Trời xanh”, khi cảm giác về một không gian mông mênh chiếm lấy con người tôi, như từ quá khứ dội về. “Trời xanh, những cánh đồng cỏ non trải rộng tới tận chân trời”.

- Tốt lắm, tốt lắm. - Ông bác sĩ khen tôi và tôi nghe thấy tiếng bút chì sột soạt trên giấy. - Đừng dừng lại, cứ nói tiếp đi.

Tôi tiếp tục mô tả đủ mọi thứ chợt đến với tôi. “Trời xanh, cánh đồng cỏ non. Một dòng sông, vào kỳ gió mùa, dâng nước tràn qua bờ. Thuyền bè trên sông. Một con kênh, trẻ con tắm trong kênh, đùa nghịch, té nước vào nhau. Trong đám trẻ có tôi, tôi cũng là một đứa trẻ, bơi lội bì bõm...”

- Những đứa trẻ đó là ai? - bác sĩ nói, giọng ông có vẻ vắng vắng từ rất xa tới - Ấn Độ giáo, Hồi giáo hay là Xích?

- Chỉ là những đứa trẻ thôi, - tôi nghe thấy tiếng tôi trả lời.
 - Được rồi, cứ nói tiếp đi.
 - Một cánh đồng sau vụ gặt. Một đồng rơm cao ngất. Hội “baisakhi”¹. Suyt! Hãy nghe tiếng “đôlắc”² kia! Và tiếng hát nữa!
 - Ai hát?
 - Phụ nữ.
 - Được rồi, được rồi, nhưng là phụ nữ Ấn Độ giáo, Hồi giáo hay Xích?
 - Phụ nữ vùng Pungiáp, theo Ấn Độ giáo, theo Hồi giáo, theo đạo Xích.
- Tôi nghe thấy tiếng ông bác sĩ thất vọng thở dài:
- Thôi được cứ tiếp tục.
- Nhưng bây giờ thì tôi chẳng còn trông thấy gì, chẳng còn nghe thấy gì nữa. Tôi nói cho ông bác sĩ biết.
- Tại sao? Có chuyện gì vậy?
 - Thưa bác sĩ, tôi đau đầu quá. Tôi thấy khắp nơi chỗ nào cũng tối om. Những tiếng động kỳ quái, ghê sợ...
 - Anh hãy cố gắng thêm một chút, anh không thấy gì cả ư?
 - Có, tôi thấy. Những ngọn lửa lem lém bốc cao, những làng mạc cháy trụi. Tiếng âm ỉ đình tai nhức óc, tiếng la hét, kêu gào, tiếng phụ nữ khóc...
 - Tốt! Đó là bọn gây rối, chúng đã giết gia đình anh, đốt nhà anh, đã làm cho anh mất trí nhớ... Hãy lắng nghe xem chúng nói gì, nghe cho kỹ...
 - Tôi chẳng hiểu gì cả. ồn ào quá. Tôi chỉ nghe thấy mỗi một tiếng hét: “Giết! Giết!” Ôi bác sĩ, hãy cứu tôi, cứu tôi với!

¹ Hội mùa xuân ở Pungiáp.

² Trống Ấn Độ.

- Nào, nào! Anh hãy nghe cho kỹ, nhìn cho kỹ, hãy cố nhớ lại đi. Những ai đang đốt nhà anh, giết gia đình anh, chúng là ai? Anh phải trả thù, phải trả thù...

- Tôi là người Hồi giáo! Tôi đã giết họ hàng ông Xacđa Xahíp, cướp của hiệu anh thanh niên Ấn Độ giáo quê ở Pungiáp đã cứu sống tôi trên tàu. Tôi đã giết chết hàng ngàn người Ấn Độ giáo và Xích... Tôi là người Ấn Độ giáo! Tôi đã giết chết con trai ông hakim và hàng ngàn người Hồi giáo, đàn ông có, trẻ con có... Không! Không!- Tôi gào lên. - Tôi không muốn biết tôi là ai. Tôi không muốn thành người Ấn Độ giáo, Hồi giáo hay Xích. Tôi muốn chỉ là một người thôi.

Tôi mở choàng mắt ra, làm tan biến cái tác dụng xoa dịu trong giọng nói êm ái của ông bác sĩ. Tôi bỏ nhào ra cửa. Ông bác sĩ sống sờ không kịp nói được một lời nào.

- Tôi là người Ấn Độ giáo!

- Tôi là người Hồi giáo!

- Tôi là người Hồi giáo! Tôi là người Ấn Độ giáo!

- Tôi là ai? Tôi là cái gì đây?

- Tôi chẳng là ai cả. Tôi là mọi người!

- Tôi là người Ấn Độ giáo! Tôi là người Hồi giáo!

Tôi cảm đầu chạy, như ma đuổi, nhưng những tiếng nói đó cứ theo tôi, cứ ám ảnh tôi hoài, dù cho tôi đi bất cứ đâu.

Tôi không biết tên thị trấn tôi đang đi ngang qua. Bỗng một gã trông có vẻ hung tợn giữ tôi lại:

- Ê, Xaala¹, mày đi đâu? Mày là ai?

Đó là một gã macali² theo đạo Hồi. Tôi thấy tay gã cầm một con dao trông rất rùng rợn, và cứ nhìn mắt gã tôi cũng biết là gã

¹ Tiếng chửi: Đồ khôn nặn, đồ lưu manh.

² Cuồng tín.

sắp giết tôi. Nhưng quá mải mê với ý nghĩ của mình, tôi vẫn cứ lảm bảm:

- Tôi là người Ấn Độ giáo! Tôi là người Hồi...

Tôi chưa kịp nói hết câu "... Hồi giáo" thì con dao của gã đã đâm thẳng vào lưng tôi. Đó chính là vết thương các ông trông thấy lúc này đây.

- "Caphia ka bacha"¹ - tôi nghe thấy gã nói trong lúc tôi lao đảo và phải gắng gượng lắm mới không ngã gục.

Tôi tiếp tục bước đi tuy máu chảy ròng ròng để lại đằng sau một vệt đỏ lôm trên mặt đất. Các ông không tin à? Cũng không sao! Sắp chết rồi, tôi chẳng cần gì hết thái độ của các ông đối với sự thành thật của tôi.

Tôi tiếp tục bước đi, loạng choạng, lê lét mãi mới đến được một thị trấn khác. Lần này thì tôi bị một gã gundā² Ấn Độ giáo chặn lại:

- Ê, mày là ai? Ấn Độ giáo hay Hồi giáo? - Nó vừa hỏi vừa rút con dao găm "cucorít"³ dắt ở thắt lưng ra.

Tôi vẫn lảm bảm: "Tôi là người Hồi giáo. Tôi là người ấn..." Lần này chưa kịp nói xong "Ấn Độ giáo" thì lưỡi dao sắc đã đâm thủng bụng.

Bây giờ thì các ông đã biết tôi bị hai vết thương này như thế nào. Tôi đã bị một người Ấn Độ giáo và một người Hồi giáo đâm. Vì vậy, thưa bác sĩ, bác sĩ không thể cứu sống tôi được. Kể cả tất cả các ông ở đây, những người đang nóng lòng chờ tôi chết. Thật ra, trong các ông chẳng ai thật sự muốn cứu tôi. Không một ai! Dĩ nhiên, các ông rất muốn trả thù cho tôi. Nếu vào lúc tắt thở, tôi tuyên bố tôi là người Ấn Độ giáo, thì những người Ấn Độ giáo anh dũng kia sẽ lập tức quyết định giết chết bốn người Hồi giáo vô tội để trả thù. Còn nếu tôi nói tôi là người Hồi giáo thì những nhà

¹ Quân tà giáo.

² Kẻ cướp, côn đồ.

³ Dao găm lưỡi cong.

hiệp sĩ Hồi giáo kia sẽ trút căm thù lên toàn thể cộng đồng người Ấn Độ giáo...

Và tôi phì cười vì lúc này, đúng lúc này đây, tôi đã nhớ ra tôi là ai. Trí nhớ đã trở lại. - Đôi mắt đẹp tuyệt vời của vợ tôi, những cử chỉ ngây thơ, hồn nhiên của con tôi. - Tôi đã nhìn thấy cả hai bị giết chết trước mắt tôi. Vì thế cho nên tôi đã mất trí nhớ. Phải, bây giờ tôi đã nhớ lại tất cả - những cánh đồng cỏ, làng tôi, bè bạn của tôi, hàng xóm láng giềng của tôi... tôi đã nhớ lại tất cả vào lúc tôi sắp chết. Khi sắp lìa đời, con người ta vẫn nhớ lại tất cả.

Nhưng các ông, các ông bạn của tôi ơi. Các ông chờ đợi ủng hộ công tôi. Không đời nào, không đời nào tôi nói cho các ông biết tôi là người Ấn Độ giáo hay Hồi giáo đâu. Những kẻ giết người, dù cho chúng là Ấn Độ giáo hay Hồi giáo, không một kẻ nào sẽ biết được ai đã giết “nhầm” một người trong cộng đồng của chúng! Đó là sự trả thù của tôi, không phải trả thù riêng gì hai gã đã đâm tôi, mà là tất cả những kẻ Ấn Độ giáo kia, những kẻ Hồi giáo kia đã giết hàng ngàn, hàng vạn con người như tôi, đã làm ô nhục quê hương Pungiap tươi đẹp và yêu dấu của tôi.

Tôi là người Ấn Độ giáo hay người Hồi giáo? Tôi là người Hồi giáo hay người Ấn Độ giáo?

Câu hỏi sẽ day dứt, giày vò chúng ngày cũng như đêm. Trong các thành phố và tại các xóm làng, trong tiếng máy của các xí nghiệp, tiếng leng keng của tàu điện và của xe buýt, tiếng ồn ào của các đoàn xe lửa, tiếng cọt két của các nguồn nước và các cối xay nơi thôn dã, chúng sẽ còn nghe thấy mãi câu hỏi kinh hoàng này: “Nó là người Ấn Độ giáo hay người Hồi giáo?” và chúng sẽ không còn bao giờ có được sự thanh thản trong lòng, kể cả con cái của chúng. Sự trả thù của tôi sẽ là ghê gớm, rùng rợn! Các ông còn muốn biết tại sao tôi cười nữa không? Mà tôi sẽ còn cười mãi sau khi tôi chết kia!

Nguyễn Vinh dịch

Sherman Alexie
(Mi)

LỜI CUỐI CỦA HÀNH TRÌNH PHOENIX, ARIZONA

Ngay sau khi Victor mất việc làm tại Vụ Quan Hệ Da Đỏ, anh được tin ba mất vì bệnh tim tại Phoenix, Arizona. Vài năm nay, Victor đã không gặp ba, thỉnh thoảng anh chỉ nói chuyện với ba qua điện thoại, song sự mất mát ấy đã làm anh đón đau vô cùng tận, nhức nhối và hiện hữu như khi cơ thể gì gây một chiếc xương. Victor không có tiền. Chẳng một ai trong khu dành riêng cho người da đỏ có tiền cả, ngoại trừ những người bán lẻ pháo và thuốc lá. Ba của anh đã để dành được một món tiền nhỏ, đang chờ công bố quyền thừa kế, nhưng Victor cần phải xoay xở để đi từ Spokane đến Phoenix. Mẹ Victor cũng nghèo như anh, và kể cả các thành viên trong gia đình cũng chẳng thể nào giúp được anh. Như thế, Victor phải kêu gọi sự giúp đỡ từ phía hội đồng bộ lạc.

“Thưa hội đồng”, Victor nói. “Ba tôi vừa mới qua đời. Tôi cần một ít tiền để đi đến Phoenix thu xếp công việc”.

“Victor”, hội đồng nói, “anh biết chúng ta đang gặp khó khăn về mặt tài chính”.

“Nhưng tôi nghĩ hội đồng phải có quỹ đặc biệt dành riêng cho các thành viên gặp những cảnh ngộ như thế này”.

“Victor”, tộc trưởng nói, “chúng ta luôn sẵn tiền để lo đám tang cho những thành viên chính thức của bộ tộc. Nhưng bác không nghĩ hội đồng có đủ tiền để chuyển thi hài của ba cháu từ Phoenix trở về đây”.

“Nhưng”, Victor nói "sẽ không tốn nhiều tiền như bác nghĩ đâu. Thi thể ba cháu đã được thiêu. Điều ấy thực tồi tệ. Ba cháu qua đời vì một cú sốc tim trong chiếc xe kéo moóc và sau một tuần, người ta mới phát hiện ra. Thêm nữa, thời tiết ở đây rất nóng. Bác có thể hình dung được cảnh tượng ấy”.

“Nào, Victor, bác xin chia buồn về sự mất mát và hoàn cảnh của cháu. Nhưng hội đồng chỉ có khả năng biếu cháu một trăm đôla”.

“Ngân ấy đâu có đủ để mua một chiếc vé máy bay”.

“Đúng, song cháu có thể đi bằng xe hơi xuống Phoenix”.

“Cháu không có xe. Với lại cháu phải lái chiếc moóc của ba cháu trở về đây”.

"Ồ, Victor", tộc trưởng nói. “Bác chắc rằng sẽ có một ai đó cho cháu đi nhờ đến Phoenix. Hoặc một người nào đó sẽ cho cháu vay tiền”.

“Bác biết là chẳng một ai có thể có sẵn món tiền ấy”.

“Ờ, bác lấy làm tiếc, Victor, nhưng bác đã làm hết khả năng của mình rồi đó”.

Victor nhận khoản tiền trợ cấp của hội đồng. Anh còn biết làm gì nữa? Anh ký nhận tám séc rồi mang nó đến Trạm Thương Mại để đổi ra tiền mặt.

Trong lúc Victor đứng sắp hàng, anh nhìn thấy Thomas - Nhóm Lửa đang đứng bên cạnh quầy báo và đang lảm bảm nói một mình, theo cách hần thường làm. Thomas là người thích kể chuyện nhưng chẳng một ai muốn nghe. Chúng ta có thể hình dung thái độ của mọi người đối với hần như kiểu họ xử sự với tay nha sĩ ở thành phố, nơi họ đến để trồng răng giả.

Victor và Thomas - Nhóm Lửa bằng tuổi nhau, cùng nghịch ngợm và trưởng thành. Kể từ khi Victor có thể hồi tưởng được thì Thomas là người luôn có một câu chuyện gì đó để kể.

Một dạo, vào hồi lên bảy, lúc ba Victor còn sống với gia đình, Thomas nhắm mắt lại và bảo Victor: “Tim của ba cậu bị yếu. Ông

sợ cuộc sống gia đình. Ông sợ cậu. Ông ngồi trong bóng tối vào lúc đã khuya. Xem tivi cho đến khi hình chẳng còn gì ngoài những đốm sáng ồn ào. Thỉnh thoảng ông nảy ý định muốn mua một chiếc xe máy để đi xa. Ông muốn trốn chạy và ẩn nấp. Ông không muốn bị tìm thấy”.

Thomas - Nhóm Lửa đã biết trước tất cả mọi người rằng ba của Victor sẽ bỏ nhà ra đi. Bây giờ lúc Victor đang đứng tại Trạm Thương Mại với tám ngàn phiếu một trăm đôla, anh tự hỏi liệu Thomas có biết ba của mình đã mất và liệu hẳn ta có biết điều gì sẽ xảy ra đây.

Ngay khi ấy, Thomas nhìn Victor, mỉm cười và bước về phía anh.

“Victor, tớ chia buồn về việc ra đi của ông cụ”, Thomas nói.

“Làm thế nào mà cậu biết chuyện ấy?” Victor hỏi.

“Ồ”, Victor thốt lên và nhìn quanh Trạm Thương Mại. Tất cả những người da đỏ khác ở đây đang chăm chú nhìn, ngạc nhiên trước việc Victor lại đi nói chuyện với Thomas. Ngày nay, chẳng một ai trò chuyện với Thomas nữa bởi lẽ hẳn cứ kể đi kể lại nhiều mẩu chuyện xúi quẩy. Victor ngượng, nhưng anh nghĩ Thomas có thể giúp mình. Trong anh bỗng dấy lên nhu cầu được tiếp xúc.

“Tớ sẽ cho cậu vay tiền”, đột nhiên, Thomas nói. “Nhưng cậu phải cho tớ đi theo”.

“Mình không nhận tiền của cậu đâu”, Victor nói. “Đã từ lâu mình không nói chuyện với cậu. Điều ấy có nghĩa chúng ta không còn là bè bạn của nhau nữa”.

“Tớ không nói chúng ta là bạn bè. Tớ chỉ yêu cầu rằng cậu hãy cho tớ đi cùng”.

“Để mình suy nghĩ đã”.

Victor về nhà với tập giấy bạc một trăm đôla và ngồi cạnh chiếc bàn trong bếp. Anh ôm đầu và nghĩ về Thomas - Nhóm Lửa, nhớ lại từng chi tiết rất nhỏ đã xảy ra từ thời thơ ấu, những giọt

nước mắt, những vết sẹo, chiếc xe đạp họ đèo nhau suốt cả mùa hè và rất nhiều chuyện khác.

Thomas - Nhóm Lửa đang ngồi trên chiếc xe đạp, đợi trong sân nhà Victor. Nó đã lên mười nhưng ốm yếu. Đầu óc quá bận vì hôm ấy là ngày mồng bốn tháng Bảy¹.

“Victor”, Thomas gọi. “Nhanh lên! Chúng ta sẽ nhớ buổi xem pháo hoa đấy”.

Vài phút sau Victor chạy ra khỏi nhà, nhảy qua hàng rào xuống đường.

Thomas đưa cho nó chiếc xe đạp, chúng đèo nhau về hướng bắn pháo hoa. Trời sắp tối, người ta chuẩn bị bắn.

“Cậu thấy đấy”, Thomas nói, “người Da đỏ chúng ta kỉ niệm ngày lễ mồng bốn tháng Bảy thật lạ. Như thể đấy không phải là ngày độc lập của chúng ta”.

“Cậu suy diễn về điều ấy hơi nhiều”, Victor nói. “Người ta chỉ cốt mang lại sự vui vẻ. Có thể Junior cũng có mặt ở đấy”.

“Junior nào nhỉ? Mọi người trong khu tự trị này đều có tên là Junior”.

Cuộc bắn pháo hoa không kéo dài, chỉ có mấy chiếc, quanh đài phun nước. Song hai chú nhóc Da đỏ cảm thấy đủ để phấn chấn. Phải nhiều năm sau này, chúng mới đòi hỏi nhiều hơn.

Sau đó, lúc ngồi đạp muỗi trong bóng tối, Victor quay sang Thomas - Nhóm Lửa:

“Này”, Victor nói. “Kể tớ nghe một câu chuyện đi”.

Thomas nhắm mắt và đây là câu chuyện: “Có hai đứa trẻ Da đỏ muốn trở thành chiến binh. Nhưng ngày nay, đã quá muộn cho chúng trở thành những tráng sĩ hành hiệp theo kiểu cũ. Đàn ngựa đã đi xa. Thế là chúng ăn cắp một chiếc ô tô và lái vào thành phố. Chúng đỗ chiếc xe ăn trộm ngay trước đồn cảnh sát rồi xin đi nhờ

¹ Ngày Quốc khánh nước Mĩ.

xe về nhà trong khu vực tự trị. Lúc chúng trở lại, tất cả bè bạn đều hoan hô ầm ĩ và mắt bố mẹ chúng đã sáng lên trong niềm kiêu hãnh. “Các con thực dũng cảm”, mọi người bảo hai đứa trẻ. “Rất dũng cảm”.

“Hê”, Victor nói. “Câu chuyện hay quá. Giá mà tớ có thể làm một chiến binh”.

“Tớ cũng muốn thế”, Thomas nói.

*
* *

Victor ngồi cạnh chiếc bàn trong bếp. Anh đếm đi đếm lại một trăm đôla của mình. Anh biết anh phải cần nhiều hơn nữa để mới có thể đi đến Phoenix và trở lại. Anh hiểu mình rất cần Thomas - Nhóm Lửa. Thế là, anh cho tiền vào ví rồi mở cửa trước để gọi Thomas đang đứng cạnh cổng.

“Sao rồi, Victor?” Thomas nói. “Tớ biết cậu sẽ tìm tớ”.

Thomas bước vào phòng khách và ngồi xuống chiếc ghế tựa ưa thích của Victor.

“Tớ để dành được ít tiền”, Thomas nói. “Nhưng chỉ đủ để chúng ta đến đây, còn lượt về thì cậu phải lo”.

“Mình chỉ có một trăm đôla”, Victor nói. “Nhưng mình sẽ có một ít từ khoản tiết kiệm của ba”.

“Bao nhiêu vậy?”

“Cũng vừa đủ. Vài trăm”.

“Nghe chừng ổn đấy. Khi nào ta khởi hành?”

*
* *

Ngày chúng mười lăm tuổi và đã từ lâu không còn là bạn của nhau nữa, giữa Victor và Thomas đã xảy ra trận ẩu đả. Đúng ra là, lúc ấy Victor đã say khướt, cậu “tấn” Thomas mà chẳng vì lý do

gì cả. Bọn trẻ Da đỏ đứng vòng quanh xem. Junior ở đó. Lester, Seymour và nhiều đứa khác cũng ở đó.

Trận chiến có thể kéo dài cho đến lúc Thomas chết nếu Norma Many Horses không đến kịp để ngăn lại.

“Này, bọn nhóc”, Norma hét lên và nhảy ra khỏi xe. “Hãy để thằng bé yên”.

Nếu đây là một người khác, thậm chí là một gã đàn ông, thì những đứa trẻ Da đỏ sẽ phớt lờ lời cảnh cáo. Nhưng Norma là một chiến binh. Cô rất khỏe. Cô có thể tóm lấy hai thằng nhóc và cộc đầu chúng vào với nhau. Và tệ hơn cả thế, cô sẽ kéo sên sệt chúng đến một chiếc lều nào đó và bắt chúng phải nghe một người lớn tuổi kể một câu chuyện cũ rích nào đó về đạo lý.

Bọn trẻ lĩnh đi, Norma cúi xuống đỡ Thomas đứng dậy.

“Nào, chàng trai trẻ, cháu không sao chứ?” cô hỏi.

Thomas gật đầu.

“Tại sao chúng luôn gây sự với cháu?”

Thomas lắc đầu rồi nhắm mắt lại nhưng chẳng có câu chuyện nào được kể ra, chẳng một lời, thậm chí cả một điệu nhạc cũng im ắng. Nó chỉ muốn về nhà, nằm trên giường và để những giấc mơ kể những câu chuyện cho mình.



Thomas - Nhóm Lửa và Victor ngồi cạnh nhau trong khoang ghế ngồi, trên máy bay. Một phụ nữ da trắng ngồi gần cửa sổ. Nàng đang vận người ra phía sau. Trông nàng thực uyển chuyển.

“Tớ phải thử hỏi”, Thomas nói, còn Victor xấu hổ nhắm nghiền mắt.

“Đừng”, Victor nói.

“Xin lỗi, thưa cô”, Thomas lên tiếng. “Cô có phải là vận động viên điền kinh hay không?”

“Đúng đấy”, nàng đáp. “Tôi là người dự khuyết số một của đội dự thi Olympic năm 1980”.

“Thực sao?”

“Thực”.

“Tôi muốn hỏi trước đây cô là vận động viên thể giới?” Thomas hỏi.

“Chồng tôi cho rằng tôi vẫn còn đang là...”

Thomas - Nhóm Lửa mỉm cười. Nàng cũng có một tâm hồn lành mạnh. Nàng đưa thẳng chân lên, áp sát vào người, gần đến nỗi nàng có thể hôn lên đầu gối.

“Tôi muốn mình có thể làm được điều ấy”, Thomas nói.

Victor gần như sắp nhảy ra khỏi máy bay. Thomas, gã kẻ chuyện lẩn thẩn có những chiếc răng gãy và bộ đồ cũ bẩn thỉu người Da đỏ kia, lại đang đùa với một vận động viên Olympic xinh đẹp. Chẳng một ai ở khu vực tự trị lại có thể tưởng tượng ra điều ấy.

"Ồ", nữ vận động viên nói. “Dễ thôi mà. Thử làm xem”.

Thomas nắm lấy chân mình, cố kéo vào người như cô bạn đồng hành đã làm. Nhưng hấn chẳng thể nào kéo gần được. Điều ấy đã khiến Victor và nữ vận động viên bật cười.

“Này”, nàng hỏi. “Các anh có thật đúng là người Da đỏ không?”

“Chính cống”, Victor đáp.

“Tôi không phải”, Thomas nói. “Tôi kế thừa một nửa khả năng ma thuật của mẹ và một nửa khiếu khôi hài của bố”.

Tất cả họ cùng cười.

“Tên của các anh là gì?” nàng hỏi.

“Victor và Thomas”.

“Tên tôi là Cathy. Rất hân hạnh được làm quen với hai anh”.

Ba người trò chuyện trong suốt cả chuyến bay. Cathy phê phán chính phủ về việc cắt bỏ một số môn thi đấu để tiết kiệm kinh phí tại Olympic 1980 ấy.

“Điều ấy nghe như thể cô có nhiều ý nghĩ giống với người Da đỏ”. Thomas nói.

Không có ai cười.

Sau đó, máy bay đáp xuống Phoenix, họ tìm lối ra, Cathy mỉm cười và vẫy tay tạm biệt.

“Nàng rất đẹp”, Thomas nói.

“Ừ, nhưng theo kiểu mọi người nói chuyện với nhau trên máy bay”, Victor nói.

“Cậu thường bảo tớ là người suy nghĩ quá nhiều”, Thomas nói. “Nhưng bây giờ, nghe chừng cậu cũng đang suy nghĩ nhiều đấy”.

“Có thể mình bị ảnh hưởng từ cậu”.

“VẬY SAO?”

Thomas và Victor đón taxi đến chỗ chiếc xe moóc, nơi ba Victor đã qua đời.

“Nghe này”, Victor nói khi họ đứng trước chiếc moóc”. Mình chưa nói với cậu rằng mình có lỗi vì đã đánh cậu dạo ấy”.

“Ồ, không sao. Ngày ấy tụi mình còn nhỏ và cậu thì đang say”.

“Ừ, nhưng mình vẫn có lỗi”.

“Thôi được rồi”.

Victor trả tiền taxi, hai người đứng trong cái nóng của mùa hè ở Phoenix. Họ có thể ngửi thấy mùi hôi tỏa đến từ chiếc moóc.

“Công việc không dễ chịu đâu”, Victor nói. “Cậu không phải vào”.

“Nhưng cậu sẽ cần sự giúp đỡ”.

Victor bước đến cánh cửa phía trước và mở ra. Mùi hôi thối bốc lên khiến họ phải bịt miệng lại. Ba của Victor đã nằm chết ở đó suốt cả tuần dưới cái nóng như thiêu như đốt lúc người ta phát hiện ra. Và lý do duy nhất để biết ông đã chết là mùi hôi. Người ta đã dựa vào những khám nghiệm về răng để nhận dạng ông. Đây là tất cả những gì mà nhân viên điều tra cho biết. Họ đã sử dụng những kết quả khám răng.

“Này, cậu”, Victor nói. “Tớ không biết mình có thể chịu đựng được không”.

“VẬY THÌ ĐỪNG VÀO”.

“Nhưng có lẽ còn những thứ có giá trị ở trong ấy”.

“Tớ nghĩ tiền đã được gửi ở ngân hàng”.

“Đúng đấy. Nhưng mình đang nói về những bức ảnh, thư từ và những thứ đại loại như thế”.

“Ồ”, Thomas nói khi hắn nín thở và theo Victor vào bên trong.

*
* *

Ngày Victor lên mười hai, cậu sụt chân xuống một tổ ong đất. Dẫu cho có cố sức rút bao nhiêu chẳng nữa thì chân của cậu vẫn mắc kẹt ở trong hố. Nếu Thomas - Nhóm Lửa không tình cờ đi qua đấy thì Victor hẳn đã bị chết bởi sẽ chịu hàng ngàn cú đốt.

“Chạy đi”, Thomas hét và kéo chân Victor ra khỏi hố. Chúng chạy cật lực, nhanh hơn cả Billy Mills lẫn Jim Thorpe, nhanh hơn cả tốc độ bay của bầy ong đất.

Victor và Thomas chạy cho đến khi chúng hụt hơi, chạy cho đến khi trời chuyển lạnh và tối, chạy cho đến khi lạc lối và phải mất nhiều tiếng đồng hồ sau, chúng mới tìm ra đường về. Suốt dọc đường, Victor đếm những vết đốt.

“Bảy”, Victor nói. “Con số may mắn của tớ”.

*
* *

Victor không tìm thấy nhiều thứ trong chiếc moóc. Chỉ có một cuốn album ảnh và cái máy cát xét. Những thứ khác đã bốc mùi hoặc đã trở nên vô dụng. “Mình nghĩ chỉ có thể thôi”, Victor nói. “Không nhiều”.

“Có còn hơn không”, Thomas nói.

“Ừ, mình thừa hưởng chiếc xe kéo moóc”.

“Ừ, Thomas nói. “Nó vẫn còn tốt”.

“Ba rất thạo về máy móc”.

“Đúng. Tớ còn nhớ rõ về ba cậu”.

“Thật sao?” Victor hỏi. “Cậu nhớ gì?”

Thomas - Nhóm Lửa nhắm mắt và kể chuyện này: “Tớ nhớ trong một giấc mơ, tớ nhận được lời truyền rằng hãy đi đến Spokane, đứng cạnh thác nước ngay chính giữa thành phố để nhận một thông điệp. Tớ biết mình phải đến đấy song tớ không có xe, không có bằng lái bởi tớ chỉ mới mười ba tuổi. Như thế tớ phải đi bộ. Chặng đường khiến tớ phải đi mất cả ngày. Cuối cùng tớ cũng tìm đến được thác nước. Tớ đứng đấy, chờ đợi suốt cả tiếng đồng hồ. Lát sau tớ thấy ba cậu đi đến. “Mày đang làm cái quái quỷ gì ở đây?” ba cậu hỏi. Tớ đáp “Cháu có một cuộc hẹn”. Rồi ba cậu nói. “Điều cháu cần ở đây đã bị đánh cắp cả rồi”. Thế là ba cậu chở tớ đến nhà hàng Denny, gọi bữa tối cho tớ và đưa tớ về nhà trong khu tự trị. Mãi lâu về sau, tớ gần như phát điên bởi tớ nghĩ điềm mộng báo đã lừa tớ. Nhưng không phải thế. Ba cậu là người đã trao thông điệp cho tớ. Hãy quan tâm đến nhau là những gì giấc mộng muốn nhắn gửi. Hãy quan tâm lẫn nhau.

Victor lặng im một hồi lâu. Anh tìm trong ký ức những kỉ niệm về người ba; những kỉ niệm êm đềm lẫn những kỉ niệm cay đắng. Chúng quện chặt lấy nhau. Anh mỉm cười.

“Ba mình đã chẳng bao giờ kể về việc gặp cậu ở Spokane”, Victor nói.

“Ông nói ông sẽ không kể với bất kì ai. Ông không muốn tờ gặp rắc rối. Nhưng ông bảo tờ phải chú ý đến cậu, người giữ vai trò như một vé của thông điệp.

“Có thật không?”

“Thật. Ba cậu cần sự giúp đỡ. Ông đã đúng”.

“Đây là nguyên nhân khiến cậu xuống đây với tờ phải không?” Victor hỏi.

“Tờ đến vì ba cậu”.

Victor và Thomas leo lên xe moóc, lái đến ngân hàng và rút hết ba trăm đôla từ khoản tiền tiết kiệm của bà.

*
* *

Thomas - Nhóm Lửa có thể bay.

Một dạo, hấn nhảy từ mái nhà của ngôi trường trong bộ lạc xuống và vỗ vỗ hai cánh tay như thể một con chim đại bàng kiêu hùng. Hấn bay. Trong vài giây, hấn chao lượn, sà thấp xuống trên đầu cả đám trẻ Da đỏ, những đứa chỉ biết khoác lác hoặc quá sợ hãi để nhảy như hấn.

“Cậu ấy đang bay”, Junior hét lên, trong lúc Seymour đang bận tìm xem có sợi dây bảo hiểm hay một tấm kính phản chiếu lọc lửa nào. Nhưng đấy là sự thực. Thực như đám bụi bốc lên khi Thomas loạng choạng và đâm sầm xuống đất.

Cánh tay của hấn bị gãy hai chỗ.

“Hấn đã làm gãy cánh. Hấn đã bị gãy cánh. Hấn đã gãy cánh”, lũ trẻ gào lên trong lúc chạy, vỗ vỗ cánh của chúng và mong ước mình cũng có thể bay. Chúng ghét Thomas vì lòng can đảm, vì khoảnh khắc tung cánh ngắn ngủi của cậu. Con người ta luôn mơ ước được bay lên. Thomas đã bay.

Dấu chỉ trong giấy lát, dấu chỉ vừa đủ để khẳng định sự thực thì một trong những giấc mơ hão huyền của Thomas cũng đã hiện hữu trên cõi đời.



Tro thi hài của ba Victor được đựng đầy trong chiếc hòm gỗ và một hộp catton nhỏ.

“Bác luôn là một người to lớn”, Thomas nói.

Victor bê chiếc hòm gỗ còn Thomas mang hộp catton ra xe. Họ cẩn thận đặt ba xuống ghế. Đội chiếc mũ cowboy lên hòm gỗ và mũ Dodgers lên hộp catton. Đây là nghi thức rước tro thi hài.

“Sẵn sàng để khởi hành chưa?” Victor hỏi.

“Đoạn đường sẽ khá dài đấy”.

“Có thể phải mất vài ngày”.

“Chúng mình thay phiên nhau”, Thomas nói.

“Tốt”, Victor đáp, nhưng họ không đổi nhau lái. Victor chạy suốt mười sáu giờ liền về hướng Bắc. Đoạn đường đã được rút ngắn còn một nửa trước lúc anh thấm mệt

“Này, Thomas”, Victor nói. “Cậu lái hộ tớ một lát”.

“Được thôi”.

Thomas - Nhóm Lửa ngồi vào sau tay lái và đánh xe rời khỏi con đường. Suốt cả khoảng thời gian chạy xuyên qua Nevada, Thomas và Victor ngạc nhiên bởi không thấy có bóng dáng của một loài vật nào, không có nước và thậm chí cả gió.

“Chúng biến đi đâu cả rồi?” Victor nhiều lần lặp lại câu hỏi.

Bảy giờ, lúc Thomas đang lái, họ nhìn thấy con vật đầu tiên, có thể là sinh vật duy nhất ở Nevada. Đây là chú thỏ rừng tai lớn và dài.

“Nhìn kìa”, Victor nói lớn. “Nó còn sống”.

Ngay khi Thomas và Victor đang say sưa trước phát hiện của mình thì con thỏ nhảy xuống đường và lao vào bánh xe.

“Dừng lại”, Victor hét, Thomas phanh và lùi xe khỏi con thỏ đã chết.

“Ôi, lạy Chúa, nó đã chết”, Victor nói khi anh nhìn vào con vật bị chà nát.

“Chết thật sao?”

“Chúng mình vừa mới giết chết sinh vật duy nhất của cả bang này”.

“Tớ không cố ý”, Thomas nói. “Tớ nghĩ nó muốn tự sát”.

Victor nhìn quanh sa mạc, hít một hơi dài, trong lòng cảm thấy trống rỗng và cô độc; anh gật đầu.

“Đúng”, Victor nói. “Nó phải tự sát”.

“Tớ không thể tin điều này”, Thomas nói. “Cậu lái cả ngàn dặm mà chẳng hề có lấy một con bọ va vào kính chắn gió. Trong lúc tớ chỉ mới chạy được mười giây thì đã giết chết sinh vật duy nhất của Nevada”.

“Ừ”, Victor tán thành. “Thôi để mình lái”.

“Đúng đấy, cậu nên lái tiếp”.

*
* *

Thomas - Nhóm Lửa lang thang một mình trên hành lang của ngôi trường trong bộ lạc. Sau tất cả những chuyện ấy, không một ai muốn đến gần hắn. Hết chuyện này lại tiếp chuyện khác.

Thomas nhắm mắt và câu chuyện sau đây đến với hắn: “Tất cả chúng ta khi sinh ra đã được ban tặng một vật. Vật ấy sẽ đo, sẽ xác định cuộc sống của chúng ta. Thuộc quyền sở hữu của tôi là những câu chuyện. Chúng có khả năng làm thay đổi hoặc giữ nguyên trật tự của thế giới. Sẽ chẳng hề gì nếu tôi tiếp tục kể chuyện. Bố của tôi; người đã chết ở Okinawa trong Thế Chiến II, chết khi đang chiến đấu cho đất nước này, đất nước đã từng có giết chính ông suốt nhiều năm. Mẹ tôi, người đã mất khi sinh tôi, mất trong lúc tôi còn đang ở trong bụng. Mẹ đưa tôi chào đời bằng hơi thở cuối cùng của mình. Tôi chẳng có anh em trai cũng như chị em gái. Tôi duy nhất chỉ có những câu chuyện của tôi. Chúng đến với

tôi trước khi tôi tập nói. Tôi biết hàng ngàn câu chuyện trước lúc chập chững bước đi đầu tiên. Chúng là tất cả những gì tôi có. Và là tất cả những gì tôi có thể tạo ra”.

Thomas - Nhóm Lửa kể chuyện cho tất cả những ai muốn nghe. Hắn vẫn tiếp tục kể rất lâu sau khi người ta không còn hứng thú nghe nữa.

*
* *

Victor và Thomas về đến khu tự trị vào đúng lúc mặt trời đang mọc. Một ngày mới đã đến với thế gian, nhưng những định kiến xưa cũ thì vẫn đang còn lưu tồn trong bộ tộc.

“Xin chào”, Thomas nói.

“Xin chào”.

Bộ lạc đang thức giấc, chuẩn bị đi làm, ăn sáng, đọc báo; y hệt như những người ở nơi khác sinh hoạt. Willene LeBret mặc áo choàng bước ra vườn. Bà vẫy tay chào khi Thomas và Victor chạy qua.

“Mấy thằng Da đỏ khủng khủng”, bà lẩm bẩm rồi cúi xuống những luống hồng.

Victor dừng xe trước nhà của Thomas - Nhóm Lửa. Cả hai đều ngáp, dụi tay chân và phủi bụi trên áo quần.

“Mình mệt mỏi”, Victor nói.

“Về mọi thứ”. Thomas tiếp lời.

Họ đang ngỏ lời trước lúc chấm dứt cuộc hành trình. Victor cảm ơn sự giúp đỡ của Thomas và khoản tiền của hắn. Anh hứa sẽ hoàn trả.

“Đừng ngại về chuyện tiền nong”, Thomas nói. “Chẳng hề gì đâu”.

“Không sao chứ?”

“Không”.

Victor biết rằng Thomas sẽ vẫn là thằng kẻ chuyện dở hơi, người luôn chuyện trò với lũ chó và các loại xe cộ, người lắng nghe lời của gió và tiếng của rừng thông. Dẫu cho sau tất cả những gì đã diễn ra, Victor vẫn ý thức được mình chẳng thể nào làm bạn thực sự với Thomas. Điều này thật tàn nhẫn nhưng nó là sự thực. Thực như nắm tro của ba Victor đang để đằng sau xe.

“Tớ hiểu mọi chuyện”, Thomas nói. “Tớ biết cậu sẽ không đối xử với tớ tốt hơn so với trước đây. Tớ biết bạn bè cậu sẽ giễu cậu về chuyện này”.

Victor cảm thấy xấu hổ. ý thức cộng đồng và quan hệ bộ tộc đã mang lại gì cho anh? Vật cụ thể, duy nhất mà anh nhận được từ phía mọi người là một bó cỏ khô và những khát vọng đã bị bào mòn xơ xác. Anh nợ Thomas nhiều thứ, mọi thứ.

“Này”, Victor nói và trao cho Thomas chiếc hộp catton đựng nửa phần tro của ba mình. “Tớ muốn cậu giữ phần ấy”.

Thomas nhận hộp tro và mỉm cười, nhắm mắt và kể chuyện này: “Tôi sẽ đến thác nước Spokane lần cuối để rắc phần tro xuống nước. Và ba của cậu sẽ phục sinh tựa một chú cá hồi, nhảy lên cầu, nhảy qua tôi và tìm lối về. Thân hình ba sẽ tuyệt đẹp. Hàm răng sáng tựa bạc, tựa chiếc cầu vồng. Ba sẽ phục sinh, Victor, ba sẽ phục sinh”.

Victor mỉm cười.

“Mình sẽ lên kế hoạch để thực hiện với nửa phần còn lại”, Victor nói. “Nhưng mình không hình dung ba giống một chú cá hồi đâu. Mình nghĩ công việc ấy như thể chui căn phòng áp mái hoặc một vật gì đấy. Giống như ta quẳng đi những đồ vật nào đó sau khi đã hết khả năng sử dụng”.

“Chẳng có thứ gì vô dụng cả, người anh em”, Thomas nói. “Không có gì vô dụng”.

Thomas - Nhóm Lửa bước ra khỏi xe và đi lên con đường vào nhà. Victor khởi động xe rồi lái về nhà.

“Hãy đợi đã”, Thomas đột nhiên gọi lớn khi đang đứng trước cổng nhà mình.

“Tớ chỉ muốn xin một đặc ân”.

Victor dừng xe, nhào người ra cửa và gào trở lại.

“Cậu muốn điều gì?” anh hỏi.

“Chỉ một lần, lúc tớ định kể một câu chuyện ở đâu đó thì cậu có chịu dừng lại để nghe hay không? Thomas hỏi.

“Chỉ có một lần?”

“Một lần”.

Victor vẫy tay theo kiểu để báo cho Thomas biết lời thỉnh cầu đã được chấp thuận. Cuộc trao đổi đã ổn thỏa. Đây là tất cả những gì Thomas từng ao ước trong suốt cả đời mình. Thế là Victor lái chiếc xe của ba về nhà trong lúc Thomas bước vào nhà của mình, đóng cửa và nghe một câu chuyện mới, chuyển di trong không gian im ắng, đang dần bủa xuống quanh anh.

Lê Huy Bắc dịch

Thea Astley
(Australia)

TIẾN SĨ FORKHAMMER ĐƯA BẠN GÁI VỀ PHÒNG

Tiến sĩ Forkhammer có một cô gái ở trong phòng. Ông ta hoặc đưa bạn gái về phòng hoặc vợ ông vừa mới quay về từ Botswana.

Nhưng vợ ông đã ở đây suốt ba tuần trước và bây giờ bà đang ở Botswana trong khoảng thời gian hai tuần. Tôi không hiểu điều đó.

Hầu như tôi không thể nào hiểu được một ai đó, người lên thăm Sven Forkhammer, là người đến từ Botswana.

Phòng chúng tôi nằm gần nhau trong khu nhà khách của trường đại học. Đây là những căn phòng rất nhỏ và chúng tôi dùng chung bếp. Tôi lắng nghe, cố xác định xem khi nào có ai sử dụng bếp hay không để mình khỏi xâm phạm đến đời tư của kẻ khác. Đã có một tối kinh hoàng khi cả bọn năm người chúng tôi cùng một lượt nấu bữa ăn của mình trên bốn cái bếp. Tất cả bọn đều lắng nghe ai vào ai ra để khỏi làm phiền nhau. Buổi tối, bởi vì phòng quá nhỏ nên bọn tôi nằm nghe hơi thở, động tác tắt mở vòi nước và tiếng thở dài của nhau. Buổi tối, bọn tôi cố hạn chế việc dội toilet. Bọn tôi nghe người khác đi tiểu. Bọn tôi không dội toilet. Toilet rất ồn.

Đây là xứ sở văn minh lịch sự nhất.

Lần đầu tiên tôi gặp tiến sĩ Forkhammer là ở trong bếp.

Tôi đang đi vào. Ông đang đi ra. Có một mẫu giấy nhỏ trong bếp nhắc nhở: "Làm ơn, hãy luôn khoá bếp".

Mọi thứ phải được khoá ở đây.

Tôi đang đi vào. Ông đang đi ra. Thoáng vẻ ngượng ngùng nào đấy.

Tôi nghĩ ông rất cao và hấp dẫn qua đôi môi mím chặt trông rất nghiêm trang. Hẳn ông đoán được điều tôi đang nghĩ. Sau rốt, những căn phòng thì rất nhỏ.

Ngay lập tức ông bảo tôi vợ ông đã đi và ở lại Botswana trong vòng nửa tháng.

Có phải việc tiết lộ ấy nhằm để che dấu sự bối rối? Điều quan tâm lớn nhất của ông là loại giun đất mình tròn. Và các con bọ cánh cứng sống ở rừng bạch đàn. Tôi không hiểu việc ấy. Làm sao một ai đó có thể nghiên cứu loại bọ đó ở Bắc Âu?

"Tôi không được hạnh phúc ở nơi này", ông nói. "Các đồng nghiệp xem tôi như đồ bẩn thỉu. Tôi không thể bỏ đi. Tôi đang làm việc", ông nói, "mười sáu tiếng một ngày để có thể kết thúc công việc sớm hơn".

Thậm chí, khi ông nói, tôi vẫn ngắm xem tuyết rơi đều trên mái vòm của chiếc cửa sổ sau vai ông.

"Ồ, tôi hiểu điều ấy", tôi đáp.

Tôi không gặp tiến sĩ Forkhammer trong suốt cả tuần lễ, cho đến một sáng nọ ông thấy tôi đang nói chuyện với tiến sĩ Grussgott tại phòng điểm tâm. Tất cả bọn đều ăn chung trong một phòng.

Tiến sĩ Forkhammer cau mày và gật nhanh đầu chào bọn tôi. Ông bức bối vì cả nhóm đang bù khú vào lúc sáng sớm.

"Tại sao", tôi nghĩ, tiến sĩ Forkhammer lại là hiện thân của sự đạo đức trước thế giới xấu xa và là người đáng nghi ngờ nhất. Lạy Chúa! Tôi hiểu tiến sĩ Grussgott rất rõ. Chúng tôi chỉ đang lên kế hoạch cho sự hợp nhất chính trị giữa miền Đông và miền Tây thông qua hiệp ước hữu nghị bằng mồm.

Tiến sĩ Grussgott - nhà toán học của kỹ nguyên vũ trụ - đã ăn sáu chiếc bánh mì hình chữ nhật được xếp sát sao theo những vòng tròn của nhân bánh màu hồng. Món ăn sáng của ông trông

như thể chuỗi những con số dùng để chứng minh một định lý toán học gần đây. Tôi không thể không bình luận.

Tiến sĩ Grussgott không cười. Một vài người cười. Nhưng dấu hiệu của nó đang in trên những gương mặt cố kìm lại. Forbuddt đang cười.

"Tôi thích món này", ông nói khi đang nhìn vào bữa sáng của mình. "Sausage rất ngon". Sau đó, suốt nửa tháng, tôi không gặp tiến sĩ Forkhammer.

Sau đấy, tiến sĩ Grussgott ra đi. Ông đã để lại mẫu giấy đây hấp dẫn cho cả hai chúng tôi ở trong bếp.

Thea và Sven thân mến, ông viết, cảm ơn về sự giúp đỡ, ủng hộ và trao đổi của các bạn. Gửi lại lời chúc tốt đẹp nhất. Mong các bạn hạnh phúc. Ông ta viết theo lối ấy. Trên tờ giấy là phần còn lại của gói bơ được bao bọc cẩn thận, vài miếng đường và lọ muối đã vơi đi một nửa.

Trong suốt hai ngày, tiến sĩ Forkhammer và tôi phớt lờ mẫu thông điệp cũng như các món ấy. Mỗi một người hy vọng kẻ khác sẽ thấy và dùng chúng. Lúc ấy, tôi không đếm xỉa. Cuối cùng tôi dành cho tiến sĩ Forkhammer rất nhiều thời gian và nếu cái cung cách mím chặt môi đầy đạo đức ấy nghĩ tôi sẽ ăn mười miếng đường, một muống đầy muối và một ounce bơ, thì khi ấy tôi có thể lấy tất cả.

Bây giờ, lúc đã thanh toán xong chỗ bơ, đường và muối; tôi hoàn toàn khẳng định tiến sĩ Forkhammer có một cô gái trong phòng.

Ba hôm trước, tôi nghe ông quay về nhà vào lúc chiều đã muộn. Có tiếng của hai bước chân. Và không gian bị xáo động lên đầy bí ẩn. Những căn phòng này hiển nhiên là rất nhỏ. Có giọng của một người đàn bà, tự tin và đầy quyền lực đang nói một cách thoải mái. Phụ nữ châu Âu đều như thế. Cuộc thoại kéo dài cả tiếng đồng hồ. Sau đấy là âm nhạc được mở lớn, bản nhạc Thứ Tư của Beethoven thường được dùng trong tình huống đó, nhưng lời chuyện trò vẫn lấn át. Một lát sau tôi nghĩ hoặc là do TV hoặc là

do nhà phê bình âm nhạc mất tự chủ nên lời chuyện trò không còn nữa, song tiếng nhạc vẫn không yếu hơn so với lúc bắt đầu. Tôi chẳng thể hiểu điều này.

"Vợ ông ta đấy", tôi nghĩ, "vừa quay trở về từ Botswana".

Lát sau, nhạc nhỏ hơn. Không còn tiếng nói chuyện. Tôi lẩm bẩm. "Tiến sĩ Forkhammer đưa bạn gái về phòng". Và điều ấy đã được xác minh. Mười phút sau, cửa phòng ông mở rồi đóng và tôi nghe tiếng bước chân của họ đi qua phòng ăn sáng để đến thang máy.

Bốn ngày sau, tình cờ lúc đang mở cửa phòng mình thì tôi thấy tiến sĩ Forkhammer cũng đang mở cửa phòng ông. Ông mỉm cười và biểu lộ tâm trạng hài lòng về một việc nào đó.

"Lâu ghê nhỉ!", ông nói với làn điệu du dương theo kiểu dân ngoại quốc, những người không quen với các tiếng lóng méo mó.

"Tôi đi vắng", tôi đáp, "ở Đức".

Ngay tức khắc, ông quay lưng lại, đi vội vào cánh cửa hé mở của phòng mình như thể sợ tôi bước theo vào. Miệng của ông bây giờ, tôi thấy đã xệ xuống, và yếu đuối. "Lạy Chúa!" tôi nghĩ, "cô vợ đáng thương của ông ở Botswana có biết ông đang chơi bản nhạc Thứ Tư của Beethoven với những người đàn bà khác hay không".

Ông giữ nguyên nụ cười xã giao để rút lui. Cánh cửa khép lại cùng với nụ cười. Tôi xuống lầu. Tôi gọi điện. Tôi quay trở lại.

Khi tôi quay lại qua phòng ăn sáng, một phụ nữ trẻ trong dáng điệu của một nhà thể thao ngoảnh mặt nhìn nơi khác khi tôi bước qua. Tôi hầu như hiểu được vấn đề. Khi qua cửa phòng tiến sĩ Forkhammer, tôi thấy cánh cửa khép hờ. Lúc đi vào phòng mình, tôi nghe tiếng bước chân rồi cánh cửa ấy đóng lại.

Rõ ràng, tiến sĩ Forkhammer có một cô gái trong phòng.

Có lẽ đấy là con gái của ông ở Botswana về. Hoặc cô cháu gái ở Namiabia. Tôi không đoán được điều này. Có thể vợ ông vẫn còn rất trẻ? Nhưng bây giờ đã đến lúc tôi phải dội toilet.

Ba hôm nữa trôi qua. Bốn. Năm. Vào cuối tuần, âm thanh của hai bước chân đã không còn nữa. Cánh cửa mở và đóng, song chẳng âm vang niềm háo hức như cũ. Bước chân của ông không còn vội vã. Hai chúng tôi gặp lại nhau khi đang cùng mở cửa.

"Bệnh cảm của bạn ra sao rồi?" tiến sĩ Forkhammer hỏi. Nhiều tối nay tôi thường xuyên ho và tôi sợ mình đã làm phiền ông. Thực sự nhưng căn phòng là rất nhỏ. "Như đối với tôi", ông nói, "tôi không thể đi sớm hơn".

Tôi xấu hổ khi nhìn vào mắt ông. Ông biết tôi bối rối lúc nhìn vào chúng. Ông hiểu vì sao tôi bối rối. Gương mặt ông không chỉ trông mệt mỏi mà còn xệ xuống. Tiến sĩ Forkhammer, thật chắc chắn, là đã đưa bạn gái về phòng.

Tối nay, chỉ có âm thanh của gió đang mang những bông tuyết cuối mùa dạo qua nóc nhà nhọn của những căn phòng áp mái này. Qua gió, tôi nghe tiếng radio hay tiếng của máy cát xét (mà mình không biết chính xác) của tiến sĩ Forkhammer đang rên rỉ suốt hai tiếng đồng hồ những nhạc phẩm của Stockhausen. Tôi không rõ điều này.

Tôi nghĩ sự quan tâm chủ yếu của ông là giống giun đất mình tròn. Hoặc loại bọ cánh cứng sống ở rừng bạch đàn.

Và vợ ông đang ở Botswana. Tôi chắc chắn điều ấy.

Và bất kỳ lúc nào, vào bây giờ, bất kỳ lúc nào tôi cũng sẵn sàng gõ cửa phòng ông, không quá lớn bởi những căn phòng, như tôi đã từng lưu ý, là quá bé. Và tôi sẽ nói (nhưng rất nhỏ để không làm phiền người khác), "Thứ lỗi cho tôi, tiến sĩ Forkhammer, nhưng tôi, cũng thế, rất thích bản nhạc Thứ Tư của Beethoven...".

Lê Huy Bắc dịch

Margaret Atwood
(Canada)

NHỮNG CÁI KẾT HẠNH PHÚC

John và Mary gặp nhau.

Điều gì sẽ xảy ra?

Nếu bạn muốn một cái kết hạnh phúc, hãy đọc A.

A

John và Mary yêu nhau và lấy nhau. Cả hai có những việc làm xứng đáng và được trả lương cao, họ cảm thấy công việc ấy hứng thú và đầy thử thách. Họ mua một ngôi nhà xinh xắn. Giá trị bất động sản tăng lên. Cuối cùng, khi có mức sống thừa thãi, họ có hai con, họ dành hết mọi thứ cho chúng. Những đứa trẻ khỏe mạnh. John và Mary sống cuộc sống tình dục đầy hứng thú và thử thách và với những người bạn xứng đáng. Họ cùng nhau đi nghỉ những kì nghỉ vui vẻ. Họ về hưu. Cả hai có những sở thích mà họ cảm thấy hứng thú và thử thách. Cuối cùng, họ chết. Đây là kết thúc của câu chuyện.

B

Mary yêu John nhưng John không yêu Mary. Anh ta chỉ sử dụng thể xác cô cho sự thỏa mãn và cho sự hài lòng ích kỉ của cái tôi trước một đồng loại ấm áp. Anh ta đến căn hộ của cô hai lần một tuần và cô nấu bữa tối cho anh ta, bạn sẽ lưu ý rằng thậm chí anh ta không xem cô đáng giá một bữa ăn tối ở nhà hàng, rồi sau khi ăn tối, anh ta làm tình với cô và sau đó anh lăn ra ngủ, trong lúc cô rửa bát đĩa để anh ta đừng nghĩ cô không gọn gàng, vớt bữa bãi bát đĩa bẩn ra khắp nơi rồi đánh lớp sơn môi mới để trông quyến rũ khi anh ta thức dậy, nhưng khi anh ta thức dậy, thậm

chỉ chẳng buồn nhìn, anh ta đi tất, mặc quần ngắn, quần dài, áo sơ mi, cà vạt rồi đi giày, một trình tự ngược với trình tự khi anh ta cởi ra. Anh ta không bao giờ cởi quần áo cho Mary, cô phải tự cởi lấy - Cô điệu bộ như thể sắp chết đến nơi vì ngưỡng mỗi khi tự tuột quần áo, không vì cô thích làm tình, thực sự cô không thích nhưng cô muốn John nghĩ như thế bởi vì nếu họ thường xuyên ân ái thì anh ta sẽ có thói quen muốn làm tình với cô, anh sẽ phụ thuộc cô rồi họ sẽ cưới nhau, nhưng John ra khỏi cửa vội như lời chào tạm biệt và ba ngày sau, anh lại đến vào lúc sáu giờ rồi họ bắt đầu làm lại mọi chuyện.

Mary tàn tạ. Khóc thì rất hại cho khuôn mặt bạn, mọi người biết điều đó và Mary cũng biết nhưng cô không thể dừng lại. Mọi người ở nơi làm việc để ý. Bạn bè bảo với cô John là một con chuột, con lợn, con chó, anh ta chẳng xứng với cô, nhưng cô không thể tin điều đó. Bên trong John, cô nghĩ, là một John khác, dễ thương hơn nhiều. Cái John khác này sẽ xuất hiện giống như một cánh bướm bay ra từ tổ kén, như John ra khỏi hộp đồ chơi, như cái hạt thoát ra khỏi quả mận khô, nếu gã John thứ nhất chỉ cần bị siết đủ chặt.

Tối nọ John phàn nàn về thức ăn. Trước đây anh ta chưa bao giờ phàn nàn về thức ăn. Mary tổn thương.

Bạn cô nói cho cô biết họ từng thấy anh ta vào nhà hàng với một người đàn bà khác, tên là Madge. Ngay cả Madge cũng không phải là nguyên nhân tác động đến Mary: đây là cái nhà hàng. John chưa bao giờ đưa Mary đến nhà hàng. Mary gom hết chỗ thuốc ngủ và aspirin mà cô có thể tìm thấy rồi uống với nửa chai rượu xêri. Bạn có thể hiểu cô ta thuộc loại đàn bà nào bởi chi tiết rằng đây không phải là rượu whisky. Cô để lại một mẫu giấy nhắn cho John. Cô hi vọng anh ta sẽ tìm thấy và đưa cô đến bệnh viện đúng lúc rồi hối hận rồi họ có thể cưới nhau, nhưng điều đó không xảy ra và cô chết.

John cưới Madge và mọi chuyện tiếp tục như ở A.

C

John, người đàn ông lớn tuổi hơn, yêu Mary, và Mary chỉ hai mươi hai tuổi, cảm thấy thương xót ông ta bởi vì ông ta cứ lo nghĩ

về mái tóc đang rụng dần. Cô ngủ với ông ta mặc dù cô không hề yêu. Cô gặp ông ta tại nơi làm việc. Cô yêu một người khác, tên là James, cũng hai mươi hai tuổi và cũng chưa sẵn sàng lập gia đình.

Trái lại, John đã ổn định gia đình từ lâu: đây là nguyên nhân khiến ông ta buồn chán. John có công việc ổn định, phù hợp và đang dẫn đầu trong lĩnh vực chuyên môn, nhưng Mary lại không bị gây ấn tượng bởi ông ta, cô chịu ấn tượng về James, người có chiếc mô tô và bộ sưu tập đĩa nhạc tuyệt diệu. Nhưng James thường đi xa trên chiếc mô tô, để tự do. Tự do không cùng dành cho các cô gái, vậy nên trong lúc ấy, Mary qua đêm với John vào thứ năm. Thứ năm là dịp duy nhất John có thể thoát khỏi gia đình.

John kết hôn với người đàn bà, tên gọi là Madge, họ có hai đứa con và một ngôi nhà xinh xắn mà họ mua ngay trước khi giá trị bất động sản tăng và các sở thích mà họ cảm thấy hứng thú và thách thức, khi họ có thời gian. John nói với Mary tầm quan trọng của cô đối với ông, nhưng dĩ nhiên ông ta không thể bỏ vợ bởi vì một lời hứa là một lời hứa. Ông cứ tiếp tục như thế hơn là nhu cầu cần thiết và Mary thấy phát chán, nhưng những người lớn tuổi hơn thì có thể duy trì quan hệ lâu hơn và cứ thế toàn bộ những gì cô có được là một khoảng thời gian tương đối tốt đẹp.

Ngày nọ, James tạt vù vào trên chiếc mô tô với một gã người lai California bánh bao nào đó, James và Mary vui vẻ hơn mức bạn có thể tưởng tượng, rồi họ lên giường. Mọi thứ trở nên chìm hết xuống nước, nhưng cùng lúc đó, John đến, ông ta có chìa khóa căn hộ Mary. Ông ta thấy họ cứng đờ và cuộn riết lấy nhau. Dù ở bất cứ địa vị nào, ông ta cũng khó có thể nổi cơn ghen, bởi phải nghĩ đến Madge, nhưng tuy vậy, ông ta vẫn choáng váng vì tuyệt vọng. Cuối cùng, ông ta sang tuổi trung niên, trong vòng hai năm, đầu ông ta hói như một quả trứng và ông ta không tài nào chịu đựng nổi điều đó. Ông ta mua một khẩu súng ngắn, giải thích ông ta cần nó để tập bắn - đây là phần nhỏ của kế hoạch mà về sau nó sẽ diễn ra - và bắn chết đôi trai gái kia lẫn ông ta.

Madge, sau một thời gian để tang phù hợp, kết hôn với một người đàn ông hiểu biết tên là Fred rồi mọi thứ tiếp diễn như ở trong A, nhưng dưới những cái tên khác.

D

Fred và Mary chẳng gặp rắc rối nào. Họ sống rất hòa thuận và giải quyết tốt bất kì một khó khăn nhỏ nào có thể xuất hiện. Nhưng ngôi nhà xinh xắn của họ lại ở bên bờ biển và ngày nọ một cơn sóng biển khổng lồ ập đến. Trị giá bất động sản giảm. Phần còn lại của câu chuyện là về những gì mà cơn sóng biển đó gây nên và cách họ thoát khỏi nó. Họ bị cuốn đi, trong lúc hàng ngàn người chết đuối, nhưng Fred và Mary sống sót và may mắn. Cuối cùng, trên gò đất cao, họ ôm chầm lấy nhau, ướt sũng nước và rất vui mừng vì thoát chết, rồi tiếp tục như trong A.

E

Đúng, nhưng Fred có trái tim bệnh tật. Phần còn lại của câu chuyện là về sự tử tế và thông cảm lẫn nhau giữa họ cho đến khi Fred chết. Sau đó Madge hiến dâng cuộc đời mình cho công việc từ thiện cho đến cái kết của A. Nếu bạn thích, nó có thể là "Madge" "ung thư" "cảm thấy tội lỗi và bối rối", và "sự nghiên cứu, về chim trong môi trường tự nhiên".

F

Nếu bạn nghĩ tất cả chuyện này là quá tầm thường, hãy đặt John vào một cuộc cách mạng và Mary là một điệp viên và tìm hiểu xem đoạn kết câu chuyện theo bạn sẽ diễn ra như thế nào. Hãy nhớ, đây là Canada. Bạn sẽ vẫn kết thúc với A, mặc dù ở đoạn giữa bạn có thể đưa ra cả một thiên hùng ca tranh luận về tình dục từ sự đòi hỏi của đam mê, một kiểu biên niên sử của thời đại chúng ta.

Bạn sẽ phải đối mặt với nó, những cái kết điều giống nhau, tuy nhiên bạn lại thái mỏng nó. Chớ để bị đánh lừa bởi bất kì kiểu kết nào khác, chúng giả dối tất, hoặc giả dối có chủ ý, với sự cố ý đầy toan tính để đánh lừa, hoặc chỉ bị thúc đẩy bởi sự lạc quan quá mức nếu không nói là bởi sự yếu đuối rõ ràng.

Cái kết đáng tin cậy duy nhất là cái được đưa ra dưới đây:

John và Mary chết. John và Mary chết. John và Mary chết.

Quá nhiều cho cái kết. Sự bắt đầu thì luôn vui vẻ hơn. Tuy nhiên, những người sành sỏi thực sự, nổi tiếng được biết đến thì thiên vị cho đoạn ở giữa, bởi vì nó là chỗ khó nhất để thực hiện bất cứ điều gì.

Đây là tất cả những gì mà người ta có thể nói về cốt truyện, mà dấu sao thì cũng chỉ là một điều đặt sau điều trước, một điều và một điều và một điều.

Bây giờ hãy thử bằng cách nào và tại sao.

Lê Huy Bắc dịch

Donald Barthelme
(Mĩ)

LỚP HỌC

Phải, chúng ta đã bảo cả đám trẻ ấy đi trồng cây, đấy, bởi chúng ta cho rằng... đấy là một phần của chương trình giáo dục, để thấy bạn hiểu như thế nào về hệ thống giáo dục cơ bản... và cũng là ý thức trách nhiệm, quan tâm mọi thứ, là bổn phận cá nhân. Bạn hiểu điều tôi muốn nói. Nhưng cây thì chết ráo hết. Đây là những cây cam. Tôi không biết tại sao chúng chết, đơn giản là chúng chết. Có lẽ đất có điều gì đó không ổn hoặc có thể giống ta lấy từ vườn ươm chưa phải là loại tốt nhất. Chúng ta đã phàn nàn về điều đó. Ấy thế mà ta vẫn đưa ba mươi đứa trẻ đến đó, mỗi đứa tự mang một cây bé nhỏ của riêng mình để trồng lấy, rồi chúng ta có đến ba mươi cây chết. Bọn trẻ ấy cứ nhìn những thân cây úa vàng bé nhỏ ấy. Đây là nỗi tuyệt vọng.

Sự việc hẳn sẽ không quá bi đát nếu không có chuyện xảy ra trước việc đám cây, tất cả rần đều chết. Nhưng tôi nghĩ cái lũ rần ấy - à, lý do lũ rần chết là vì... bạn nhớ chứ, nòi hơi sương đã bị ngắt bốn ngày bởi vì cuộc đình công, và điều đó còn có thể giải thích được. Bạn có thể lấy cuộc đình công làm nguyên nhân để giải thích cho bọn trẻ. Tôi cho là chẳng một bậc phụ huynh nào lại cho phép con mình vượt qua hàng rào công nhân đình công và chúng biết cuộc đình công vẫn tiếp tục, vấn đề là ở chỗ ấy. Vậy nên khi mọi chuyện lại bắt đầu và chúng ta tìm thấy lũ rần thì chúng rất bực bội.

Với vườn cây thì chuyện có lẽ là do thừa nước nhưng rốt cuộc thì chúng đâu có biết là do thừa nước. Bọn trẻ rất nhạy cảm với vườn cây và đôi đứa ắt hẳn... bạn biết đấy, tưới thêm nước khi chúng ta không để ý. Hoặc có thể... à, tôi không muốn nghĩ về sự

phá hoại ngầm, mặc dù điều đó rất có thể xảy ra với chúng ta. ý tôi là chuyện ấy vẫn nằm trong giả thuyết của ta. Chúng ta đang nghĩ về khả năng xảy ra chuyện ấy bởi vì lũ gerbil (loại gặm nhấm giống như chuột ở sa mạc, hai chân sau dài hơn hai chân trước) đã chết, chuột bạch và cả kì nhông... này, bây giờ chúng không biết mang thú gì đi trong túi ni lon nữa.

Dĩ nhiên chúng ta nghĩ những con cá nhiệt đới sẽ chết, điều đó chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả. Những con cá ấy, bạn thấy chúng lơ dờ rồi nổi phờ bụng lên mặt nước. Nhưng chương trình học cần một con cá nhiệt đới để minh họa cho quan điểm đó và chúng ta chẳng có thể làm gì được, nó xảy ra hàng năm, bạn chỉ phải bỏ nhanh qua nó.

Thậm chí chúng ta cũng không được phép có một chú cún con.

Thậm chí chúng ta cũng không được phép có một con, dấu chỉ là con cún mà cô bé Murdoch tìm thấy dưới chiếc xe tải của Gristede ngày nọ và cô bé sợ chiếc xe cán chết nó khi tài xế giao xong hàng, vậy nên cô cho nó vào ba lô mang về trường. Thế là ta có được con cún này. Ngay khi nhìn thấy chú cún ta nghĩ, ôi lạy Chúa, ta cuộc nó sẽ sống trong vòng hai tuần và rồi... Và mọi việc diễn ra như thế. Nó không mong đợi xuất hiện trước lớp tí nào, có vài quy định về việc này nhưng bạn không thể bảo chúng là chúng không thể có một con cún khi con cún đã thực sự ở đây ngay trước mặt chúng, chạy quanh sàn và sủa ăng ăng, ăng ăng, ăng ăng. Chúng đặt tên cho nó là Edgar - thế đấy, chúng lấy tên tôi đặt cho con chó. Chúng rất vui khi đùa giỡn với con chó "Lại đây Edgar! Edgar ngoan!", rồi chúng phá lên cười nắc nẻ. Chúng thích thú sự nhập nhằng về nghĩa ấy. Bản thân tôi cũng thích điều đó. Tôi không bận tâm về việc mình bị mang ra cười đùa. Chúng làm một ngôi nhà nhỏ cho nó ở trong phòng chứa đồ dự trữ và tất cả là thế. Tôi không hiểu tại sao nó chết. Bị sốt ho, tôi đoán. Có lẽ là nó chưa được tiêm. Tôi đưa nó ra khỏi chỗ đó trước khi bọn trẻ đến trường. Tôi kiểm tra phòng chứa đồ dự trữ mỗi sáng, đều đặn bởi tôi biết chuyện gì sắp xảy ra. Tôi đưa nó cho nhân viên bảo vệ.

Rồi sau đó là đứa trẻ mồ côi Triều Tiên này, đứa trẻ mà cả lớp nhận nuôi thông qua chương trình Giúp Đỡ Trẻ Em, mỗi đứa trẻ góp một phần tư đôla một tháng, đây là ý tưởng. Chuyện lại hoá thương tâm, đứa bé tên là Kim và có lẽ tại chúng tôi nhận nuôi nó quá trễ hoặc đại loại là thế. Nguyên nhân của cái chết không được viết rõ trong thư, thay vì nó người ta gợi ý chúng tôi nhận nuôi một đứa trẻ khác và gửi cho chúng tôi mấy hồ sơ đáng quan tâm, nhưng chúng tôi không còn hứng thú nữa. Lớp rất hoang mang khi được tin chúng bắt đầu, (tôi nghĩ chẳng có ai trực tiếp nói với tôi) cảm thấy rằng có chuyện gì đó bất ổn với lớp học. Nhưng tôi không nghĩ lớp học có điều gì đó không ổn, đặc biệt, tôi thấy cũng chẳng tốt hơn hay tồi hơn. Đây chỉ là vận rủi. Chẳng hạn, chúng tôi có rất nhiều phụ huynh qua đời. Tôi biết hai người chết vì bệnh tim, hai người tự sát, một người chết đuối và bốn người cùng chết trong một tai nạn xe hơi. Một người bị điện giật. Và chúng tôi thường có tỉ lệ tử vong cao trong số các ông bà, có lẽ năm nay tỉ lệ ấy lớn hơn, dường như thế. Và cuối cùng là bi kịch này.

Bi kịch xảy ra khi Matthew Wein và Tony Mavrogordo đang chơi ở nơi người ta đào đất xây tòa văn phòng liên bang mới. Có nhiều cây xà gỗ lớn chắt đóng ở đây, bạn biết, bên rìa khu đất. Có một vụ kiện từ việc ấy, các phụ huynh cho rằng đóng xà gỗ ấy sắp xếp cầu thả. Tôi không biết cái gì đúng và cái gì không. Đây là một năm kì lạ.

Tôi quên không nhắc đến trường hợp cha của Billy Brandt, người bị đâm chết thê thảm khi ông ta tóm lấy kẻ lạ mặt đeo mặt nạ đột nhập vào nhà mình.

Ngày nọ, chúng tôi thảo luận ở lớp. Chúng hỏi tôi, chúng đã đi đâu? Đám cây, con kì nhông, cá nhiệt đới, Edgar, ba và mẹ, Matthew và Tony, họ đã đi đâu? Và tôi nói tôi không biết, tôi không biết. Và chúng nói, ai biết? Và tôi nói, chẳng ai biết. Và chúng nói, có phải cái chết mang lại ý nghĩa cho sự sống? Và tôi nói, không, chính cuộc sống mang lại ý nghĩa để sống. Rồi chúng nói, nhưng chẳng lẽ không phải cái chết, được xem như một nhân

tổ cơ bản, là phương tiện nhờ nó mà trần thế được nhận ân huệ hằng ngày để có thể được vươn cao hơn theo hướng của...

Tôi nói, ừ, có lẽ.

Chúng nói, chúng em không thích điều đó.

Tôi nói, thế là tốt.

Chúng nói, thật đáng xấu hổ!

Tôi nói, thế đấy.

Chúng nói, ông sẽ làm tình bây giờ với Helen (trợ giảng của chúng tôi) để chúng em có thể xem cách thức làm như thế nào? Chúng em biết ông thích Helen.

Tôi rất thích Helen nhưng tôi nói tôi sẽ không.

Chúng em đã nghe quá nhiều về chuyện đó, chúng nói, nhưng chưa bao giờ được xem.

Tôi nói tôi sẽ bị sa thải và rằng chuyện đó không bao giờ hoặc gần như là không bao giờ được làm như là một sự biểu diễn. Helen nhìn ra ngoài cửa sổ.

Chúng nói, xin, xin hãy làm tình với Helen, chúng em đòi hỏi sự xác định giá trị, chúng em sợ.

Tôi nói chúng không nên sợ (mặc dù tôi thường xuyên sợ) và rằng giá trị thì có ở khắp mọi nơi. Helen đến và ôm chầm lấy tôi. Tôi hôn lông mày cô mấy cái. Chúng tôi ôm nhau. Bọn trẻ háo hức. Khi ấy có tiếng gõ cửa. Tôi mở cửa, một con gerbil mới bước vào. Bọn trẻ reo hò ầm ĩ.

Lê Huy Bắc dịch

Pinckney Benedict
(Mi)

KHÓI THỊ THÀNH

Cha tôi đã ở ngoài bãi đất hai tiếng đồng hồ trước khi trời bắt đầu mưa. Chú Hunter đi lên mái hiên, lấy một khúc gỗ thông ngắn với con dao Kayba, còn tôi đang ngồi ngoài sân để tránh khỏi âm thanh chíp chíp chíp như của một con sóc chết tiệt nào đó. Chú Hunter cựa quậy trên ghế khi chú thấy không thể ngồi yên được.

Cơn mưa lớn đang rơi xuống và ập tới rất nhanh, như thể người ta không mong chờ trận mưa đó chút nào. Tôi nhìn lên bầu trời đang mưa và cái tôi thấy chỉ là một khoảng trời xanh. Như thể ở đây có chuyện gì xảy ra ấy, cha nói với tôi, cái mà người ta có được là trận mưa to và bầu trời xanh, cả hai thứ đó cùng xuất hiện một lúc. Dù sao, tôi nhớ lại, đó cũng là lần đầu tiên tôi thấy một cảnh tượng như vậy.

Cháu dẹp chuyện đó đi, chú Hunter nói với tôi, tôi nghe rất khó vì tiếng mưa đập mạnh lên nền sân đất và đập thẳng vào mái tôn.

Chuyện gì ạ, tôi nói. Chú chỉ cách chỗ tôi chưa đến mười mét nhưng ở đó mưa như một tấm khăn ngăn giữa hai chúng tôi, phủ lên mắt và tai tôi, rơi xuống cổ áo tôi. Tôi thích kiểu mưa lạnh và cảm giác khi mưa làm ướt sũng quần áo. Tôi hớp vài giọt vào trong miệng, chúng chẳng có vị gì cả. Mưa tẩy sạch mồ hôi và bụi bẩn trên người tôi.

Rồi thì ướt sũng như một con gà tây trong mưa thôi, chú Hunter nói. Cứ ở ngoài ấy mà há mồm ra. Chú đứng dậy, đi vào trong nhà. Những vụn gỗ và con dao để dưới ghế. Mũi dao nặng cắm vào ghế. Chú Hunter đi lại như một ông già, già hơn cả cha tôi, béo phì và mệt mỏi. Lúc này, mồ hôi chú túa ra như lợn khi chúng tôi đang cuốc bởi vì đất vụn rắn đang đóng cứng lại chỗ chúng tôi đặt huyết mộ phía sau lưng ngôi nhà. Tôi nghĩ có lẽ tim chú bị nhồi máu mất một lúc và tất cả máu cùng hơi thở như trào qua miệng khi chú làm việc.

Chú Hunter tháo dây đeo cái áo choàng lao động khi chú đi vào nhà và tôi biết chú sẽ tiêu phí cả một ngày nghỉ ngơi trong bộ đồ lót của chú, say mê rượu ngô và nghe đài.

Đi vào không có mưa, chú ngoái đầu lại nói với tôi. Tôi ở ngoài sân cho tới khi cánh cửa đung đưa đóng lại sau lưng chú. Mặt đất trở nên mềm mại dưới đôi giày vải của tôi nhưng tôi biết đất chỉ mềm ở lớp bụi bề mặt. Mưa không kéo dài lâu và lớp đất sét vẫn khô ráo. Mưa xuống quá nhanh nên khó có thể làm ngấm nước. Tôi biết nước sẽ không thấm sâu được chút nào.

Tôi đi đến cửa và tôi có thể ngửi thấy mùi những mẫu gỗ chú Hunter đẽo ra, mùi nhựa thông hăng hắc. Chú Hunter chạm trở một cái răng giống như nanh của con lợn rừng to tướng, từ mẫu gỗ xù xì, được gọt trơn và cong. Chú đẽo rất nhiều thứ như thế.

Chú là em trai của cha tôi, sống với chúng tôi ở túp lều trên Tree Mountain. Chú là một người đàn ông to lớn; cái đầu nhỏ xíu ngự trên cơ thể ấy trông như ống khói hồng ở trên ngôi nhà. Chú ít nói. Chú Hunter già sẽ làm người ta ngạc nhiên về món hàng tuyệt hảo chú đã đẽo gọt. Chú bán những thứ ấy dưới thị trấn.

Nước dội từ mái lều xuống chảy sâu quanh mép hiên. Đứng ngoài trời mưa, quần áo ướt và nặng nề trên người tôi. Dính vào ống chân tôi, ngấm lạnh vào túi tôi, tôi sờ vào đầu mũi tên mà mình tìm thấy trong mộ cha. Đầu nhọn cứng của mũi tên với các cạnh vẫn còn sắc. Nó không còn dài lắm, chỉ khoảng hơn một tấc. Tôi không biết đó là nơi dễ dàng kiếm được đầu mũi tên. Tôi sẽ lại

cuộc lần nữa ở những chỗ đó, để tìm thêm một ít. Tôi liếm môi, thêm một hơi thuốc, có lẽ là một điếu Camel.

Chú có thuốc lá à, tôi nói khi đi vào trong nhà.

Tháo giày ra đi bờm, lại công cả mưa vào trong nhà nữa chứ, chú Hunter nói. Chú mặc quần soóc đứng trong phòng phía trước, tóc chú dựng đứng lên như thể chú đang luồn những ngón tay qua chân tóc. Chiếc đài trong phòng chú đang phát bản tin. Này, một thằng nhóc mười bốn thì cần thuốc lá để làm gì, chú nói.

Mười lăm tuổi, tôi nói. Tôi tháo giày ra khỏi chân, nước ọc ạch. Tôi không đi bít tất mà sần gỗ thì đầy dầm. Tôi biết là phải cẩn thận với đôi chân trần không thì sẽ lĩnh một miếng cửa.

Chú không có thuốc lá, chú nói.

Chú có một nhúm mà, tôi nói. Cho dù tôi biết chú không có thuốc lá vụn nhưng tôi cứ hỏi.

Chú Hunter ngồi xuống. Chú cầm chai rượu trong tay. Lạy Chúa, chú nói. Cháu mà cũng đi gặp mấy ả gái điếm à?

Đó là những điều mà một người đàn ông cần làm, tôi nói. Cháu nghĩ cháu chỉ cảm thấy thêm một hơi thuốc thôi.

Tôi cười nhưng chú Hunter không hưởng ứng. Chú nhìn tôi. Khi tôi vẫn tiếp tục nhìn chú thì chú quay đi, nhìn ra ngoài cửa sổ. Mưa to làm bắn lên một lớp bụi nước khiến người ta không thể nhìn thấy dù chỉ cách hơn hai mét. Mái lều hoàn toàn mới và kín nên không bị dột tí nào. Chú Hunter và cha tôi mới lợp nó vào mùa hè năm ngoái trước khi có trận mưa này và họ đã lợp rất cẩn thận. Tôi đưa đinh và tôn lên cho họ, cứ sợ bị trượt rơi khỏi mái lều.

Mưa như rửa trời ấy, chú Hunter nói. Người ta đứng xem dòng nước xả lũ đổ xuống thung lũng. Rác rưởi từ nhiều trang trại được cuốn ra sông, mưa vẫn không ngớt.

Chú tiếp tục nhìn ra ngoài cửa sổ, càng ngày mưa càng nặng hạt hơn. Cuối cùng bên ngoài trời tối sầm lại, mây che mất mặt trời. Chúng tôi ở trên cao và thật là kỳ lạ để thấy bóng đêm giữa ban ngày. Thường thường chúng tôi phải chống chọi với ánh sáng

chói lòa trên núi, thứ ánh sáng làm người ta chói mắt khi nhìn vào.

Cha cháu luôn tự quán thuốc cho mình đấy, chú Hunter nói.

Tôi nói là tôi biết.

Có thể cháu cứ lục hết đồ của cha lên, tìm những cái mà cháu cần, chú nói.

Thật là một ý kiến hay, tôi nói. Tôi không gây nên bất cứ xáo trộn nào trong phòng cha mà tôi đã quan tâm, chia sẻ. Tôi đứng, nước chảy thành giọt xuống sàn nhà và lắng nghe tiếng mưa. Chú Hunter nhìn tôi như nhìn một con rắn hay có lẽ một con chó như khi người ta không chắc lắm. Cơn mưa ngoài cửa sổ khiến cho trời đất trông như không có gì tồn tại trên thế giới này, mà chỉ có căn lều và chúng tôi trong đó. Chúng tôi cô độc ở đây. Tôi nghĩ có lẽ trời chưa thể ngớt mưa ngay được.

Chú Hunter nói, cháu cứ làm bất cứ điều gì cháu muốn. Dù sao cháu vẫn luôn làm theo cách đó phải không.

Chú đứng vắn vẹo đôi vai của mình. Chú bị đau bởi cuộc đất nên tôi biết chú muốn được xoa bóp. Trong những ngày này trời mưa làm chú ê ẩm.

Chú sẽ nghe đài một lát, chú nói.

Tôi tự đánh cuộc là chú đã ngủ trước đấy một lúc lâu.

Cánh cửa phòng chú Hunter không đóng hẳn nên khi chú đóng cửa tôi vẫn có thể nghe được âm thanh từ chiếc đài trong phòng chú. Có một trạm phát thanh trong thung lũng. Người phát thanh viên nói đang quan sát dòng nước lũ trong những nhánh sông hẹp có bờ cao đổ xuống chân núi. Anh ta nói nó như thể cát phẳng qua quả núi.

Tháp phát thanh đặt trên đỉnh núi cách không xa căn lều. Nơi người ta dựng tháp cao hơn chỗ chúng tôi ở khoảng bảy mươi mét và bạn có thể trông thấy nó từ mái hiên khu lều vào một ngày đẹp trời. Người ta đốn trụi những cây vân sam xanh lớn đi để dựng tháp.

Từ nơi chúng tôi ở trông nó như một cái sân vì người ta đã thu dọn sạch sẽ, sáng sủa, mát mẻ và gọn gàng; tôi đã lên đó hai lần- không đến nỗi khó trèo như người ta tưởng, chỉ mất hai tiếng bò lên – quanh chân tháp cây cối mọc um tùm. Dây nho và các giống cây leo bò quanh chân tháp, còn cỏ thì mọc cao ngang đầu gối. Cụm vân sam xanh cũng đang mọc lại, chúng là loài cây lớn rất nhanh.

Chú Hunter tắt đài và tôi nghe thấy chú đuổi người ra trên giường. Chú vẫn trở mình như thể chú sẽ không ngủ.



Đồ đạc của cha tôi ngổn ngang khắp phòng không theo một trật tự nào cả. Giống như ông vẫn còn ở đó cùng với tất cả những đồ dùng cá nhân này, dù tôi biết rằng ông bị lạnh, đã chết và đang nằm sâu dưới đất cách tôi chừng mười hai mét.

Những thứ đó bây giờ là của mình tôi, nói thế nhưng chúng hình như không thuộc về tôi chút nào cả. Vài thứ trong số đó sẽ là của chú Hunter. Tôi không chắc rằng tôi muốn chú Hunter lấy chúng, dù tôi sẽ khá khó khăn để giải thích tại sao.

Tôi nhắc khẩu súng đang nằm trên giường cha, một khẩu Marlin tự động, nặng, dây đai đạn cũng đang nằm ở đó. Những ngón tay tôi sờ vào cái nòng thép xanh lạnh và tôi biết rồi sẽ phải lau chỗ thép đó bằng một miếng vải dầu. Không có gì tệ hơn đối với một miếng thép tốt khi bị tay người chạm phải, cha tôi luôn nói như vậy.

Trong nhà tôi có hai khẩu súng, cả hai đều của cha, khẩu Marlin cũ là của cha và khẩu Colt.38 là khẩu mà cụ tôi thỉnh thoảng đã dùng từ khởi nghĩa Philippin. Tôi đặt khẩu Colt xuống giường bên cạnh khẩu kia, lôi ổ đạn ra. Khi sờ vào, trong ổ không còn nhiều đạn, nó đã thủng lỗ chỗ và rất cũ. Ngoài những khẩu súng và quần áo, cha không còn gì nhiều trong phòng.

Trên nóc tủ quần áo cũ tôi tìm thấy cái bao tải nhỏ đựng thuốc lá của ông. Trong bao không còn nhiều thuốc lá, tôi có thể chắc rằng nó đã hơi cũ và khô. Cha không phải là người hút nhiều; với túi thuốc ấy ông đã dùng cả đời. Có một thùng giấy đựng diêm còn đầy, đã dùng hết hai hộp đặt cạnh bao thuốc lá. Nó được mua từ Pioneer, quán bar dưới thung lũng mà tôi đã từng thấy. Còn có cả hai tờ giấy bạc, một tờ năm đôla và một tờ một đô. Tôi đút tiền vào túi.

Tôi lôi đồ đạc đã bị nén chặt của ông trong ngăn kéo ra – một cái còi điều khiển chó và hai băng đạn chừng 410 viên cho một loại súng mà chúng tôi không có; những cây kim và cuộn chỉ ở trong túi may vá; một ít tiền Việt Nam mà ông đã thường xuyên giữ bên mình để đùa nghịch – lấy ra con dao gấp Barlow cũ của ông và cuốn sách của Gideon. Tôi lẳng con dao gấp xuống đóng đồ mà tôi nghĩ mình sẽ lấy đi. Nó đập vào nòng khẩu Colt đánh cạnh một cái, để lại một vết xước trên thép. Đó là vết xước mà tôi không thể nào xóa nổi.

Cuốn Gideon đã cũ, trơn tuột trong tay tôi và đã bị mất nhiều trang. Cha đã dùng nó trong nhiều năm. Giấy rất mỏng và tốt để cuộn thuốc; nếu khéo tay thì một tờ giấy bạn có thể cuộn được hai điếu thuốc. Như tôi đã nói ông không phải là người nghiện thuốc và thậm chí ông còn chưa đựng tới cuốn Tân Ước, chỉ mới xé đến cuốn Jeremiah¹.

Tôi xé trang tiếp theo và cuộn cong nó bằng ngón giữa rồi đồ thuốc lá vào. Thuốc lá đã nát vụn thành những mẩu nhỏ vì để lâu, màu nâu sẫm và trông rẻ tiền. Một vài sợi bám vào da tôi. Tôi nằm xuống giường, đặt điếu thuốc vào miệng. Vụn thuốc lá dính vào lưỡi tôi. Tôi phì ra rồi châm điếu thuốc.

Lạy Chúa, tôi nói. Thuốc chẳng có vị ngon gì cả, như thuốc móc ấy. Tôi búng điếu thuốc xuống sàn nhà, những tia lửa bắn ra khỏi nó. Chúng bám vào sàn gỗ và cháy âm ỉ ở đó, từng tia lửa một tự cháy dần đến hết.

¹ Dạng kinh dài dòng như Cung oán ngâm khúc.



Cháu nghĩ cháu phải đi xuống thị trấn một lát, tôi nói với cái lưng chú Hunter.

Chú nằm úp mặt xuống cái giường nhỏ của mình ở trong phòng và tôi nghĩ chú buồn ngủ. Chai rượu ở cạnh giường đã bị uống hết độ vài ngón tay. Lưng chú Hunter trắng nhợt và rộng, có một nốt ruồi mà trước đó tôi chưa bao giờ trông thấy nằm ở giữa chỗ lõm của đường xương sống.

Chú nói, đi đâu? Và đột nhiên trở mình lại làm tôi giật nảy mình. Mặt chú ướt đầm nước mắt và tôi ngạc nhiên ông già này lại đang khóc chứ. Ngay lúc đó tôi không nhớ được tại sao. Chiếc giường võng xuống dưới cơ thể chú.

Xuống núi, tôi nói. Để cháu có thể hút vài điếu thuốc.

Chú lau mặt bằng cánh tay, say rượu và lúng túng khi biết tôi thấy chú khóc. Người ta có thể khóc cho anh trai mình, tôi muốn nói thế.

Cháu sẽ không quay trở lại có phải không, chú Hunter nói. Chú đặt chân xuống sàn, cái chai đổ nhào. Tôi nhặt nó lên, để vào chỗ cũ cho chú. Cái chai lành nguyên nhưng đã rỗng không vì rượu bị đổ hết. Sàn nhà nhộp nháp, căn phòng đầy mùi rượu ngô. Tôi nhìn ra ngoài khung cửa sổ nhỏ trong phòng ngủ chú Hunter và thấy mưa đã ngớt đi chút ít. Được đấy.

Khẩu súng để ở trên giường, tôi nói. Cha muốn trao nó cho chú.

Tôi đi ra phòng trước, chú Hunter mặc đồ ngủ và đi chân trần theo tôi. Tôi đặt khẩu Colt.38, con dao gấp và tất cả hành lý vào trong túi mình, sẵn sàng ra đi.

Tại sao cháu lại đi bây giờ, chú Hunter nói. Với cơn mưa và tất cả. Hôm nay là một ngày trời xấu để đi xuống thung lũng.

Tôi nghĩ về điều đó. Đó không phải là điều mà trước đây tôi bận tâm nhiều. Tôi nhìn chú.

Bởi vì cháu mệt mỏi. Chán ngọn núi và thứ thuốc lá gớm ghiếc này. Có lẽ cháu chỉ muốn hút một điếu cho ra hồn để thay đổi.

Chú đoán là cháu muốn một chút khói thị thành, chú Hunter nói.

Tôi đáp, chắc thế.

Cũng có thể là muốn hôn tất cả bọn gái tơ dưới thung lũng, chú Hunter nói. Tôi không nói gì.

Thôi được, chú nói. Khi cháu về nhớ mang cho chú một chai.

Cháu sẽ làm điều đó, tôi nói. Chú yên chí.

Tôi đi ra ngoài, ngập trong bầu không khí mát lạnh của một ngày giữa hè. Cơn mưa đã chuyển bụi thành bùn, nước chảy thành dòng trong sân, nhờ nhờ bắn. Một cơn mưa lớn trong vòng vài giờ, tôi biết có thể nước trong các nhánh sông sẽ dâng cao tràn qua bờ và nhấn chìm những chiếc lá mục xuống đáy. Tôi không biết người ta sẽ làm gì khi tất cả số nước này đổ xuống thị trấn. Không khí ẩm thấp nhưng mưa hầu như đã tạnh.

Chú Hunter theo tôi ra sân, bàn chân chú ngập trong bùn. Làm sao cháu xuống được? Chú nói.

Đi thẳng theo đường ray, tôi nói. Đó là cách nhanh nhất.

Chú Hunter đi theo tôi thêm vài bước nữa rồi khi tôi đi qua sân bước ra hàng cây bụi lúp xúp, chú dừng lại không theo nữa. Lá cây đọng nước làm ướt áo sơ mi và bọc hành lý của tôi. Tôi biết hơi ẩm sẽ làm hỏng khẩu súng. Đừng để xảy ra chuyện như với cha cháu, Hunter nói. Chú nhìn vào bụi cây như thể chú không thấy nơi tôi đứng, nhưng chú muốn tôi nghe chú nói.

Khi cây đổ, tôi nói cách tốt nhất là người đồn cây phải tránh xa khỏi đó.

Điều ấy khó đấy, chú Hunter nói vọng đến bụi cây. Đấy, cái cách thằng bé nói như thế về cha nó, người đã nuôi dưỡng nó khôn lớn đấy.

Tôi biết chú Hunter sẽ nhìn tôi nếu tôi tiếp tục nói. Tôi không muốn chú thấy tôi. Tôi quay người và đi thẳng ra con đường xuống núi.

Chúng ta nên nhấn tên qua ai đó, chú Hunter gọi với theo tôi. Thật không phải khi không có người để nhấn tin cho chú ấy.

Tôi tiếp tục đi xuyên qua bụi rậm. Tôi nghĩ tôi sẽ nhấn nếu tôi biết ai đó. Cho dù tôi không có dự định nhấn gửi gì như chú muốn.



Lần cuối cùng tôi trông thấy cha mình là khi ông kể cho tôi một câu chuyện. Ông đặt cái cửa kếp cũ lên vai, ông biết nơi có nhiều cây đã đổ và bằng bí quyết nào đó dự tính được những cây nào sắp đổ. Cha có cần giúp không, tôi hỏi, cha không nói gì.

Rồi ông nhìn về nơi chú Hunter đang ngồi trên hiên, lần này chú đang đẽo một con cú to có sừng từ khúc gỗ sồi lớn mà nó sẽ cháy tốt trong bếp lửa vào mùa đông.

Hunter không thường xuyên béo và lười biếng, cha nói lớn để chắc rằng chú Hunter có thể nghe thấy. Chú Hunter vẫn say sưa đẽo gọt, chú đang dùng cái đục thay cho con dao Kaybar. Đây là cách chú làm những đồ vật mà chú nghĩ sẽ bán được.

Không thừa ngài, cha tôi nói, đây là dạo chú mày và tao thường lang thang và nảy ra trò quái quỷ gì đó ở nơi ấy. Khi vào khoảng bằng tuổi mày, tao nhớ lần xuống nơi ở của Seldomridge, một trang trại nhỏ nuôi thú có sừng gần nằm bên sông. Chú nhớ điều đó chú Hunter.

Chú Hunter vẫn im lặng, chú hí hoáy đục khúc gỗ dài thành lưng con cú. Tôi nghĩ con cú trông mới thảm hại làm sao.

Dòng sông đã đóng kín băng, sát hai bên bờ dày gần một mét, cha tôi nói. Băng mỏng dần ra giữa dòng nơi ở dưới sâu nước vẫn đang chảy.

Ông chuyển cái cửa xích từ vai này sang vai kia, tôi thấy ở chỗ đó một ít dầu pha dầu nhờn rớt trên áo ông. Ông dường như không quan tâm đến.

Thế là chú Hunter mày làm náo động đàn gia súc của Seldomridge và khoảng một tá thú nuôi sừng ngắn leo lên mặt băng, cha tôi nói.

Cha tôi bắt đầu cười rũ rượi, nước mắt túa ra trong khoe mắt. Tôi không thể đứng nhìn ông vì ông nghĩ câu chuyện rất buồn cười còn tôi thì cho là nó chẳng buồn cười tí nào cả.

Và ngoài đó chúng rùng mình, cha tiếp tục. Không thể đứng, tất cả giạng chân và cố đứng vững trên mặt băng. Cố đi và thở phì phò, sợ chảy dớt chảy dãi ra, mặt chúng lộ vẻ khiếp đảm. Tiếng hò hét của chú Hunter từ bờ vọng đến càng làm chúng nháo nhác lùi xa bờ hơn. Trên vùng không gian yên tĩnh phủ đầy tuyết, giọng chú Hunter dội vang.

Rồi con đầu tiên đi qua, cha tôi nói và ông không thể tiếp tục giữ cái cửa trên vai mình để cười nữa.

Khi băng nứt, một âm thanh tựa phát súng vang lên, con vật biến mất, chỉ còn những tia nước đen ngòm bắn lên từ cái lỗ trên mặt băng như suối nước nóng. Điều đó làm cả đàn gia súc kinh hoàng, chúng chạy huỳnh huých, rống lên rồi con tiếp theo chạy xuyên qua mặt băng, loạng choạng lướt đi từng con một. Có lẽ là sáu con, con nọ nối con kia, chúng tiến đến mặt băng mỏng ở giữa dòng và không có thời gian để biểu lộ cái nhìn kinh ngạc trước lúc chìm xuống.

Còn anh thì mãi cười, chú Hunter nói từ phía sau chỗ chú đang đổ.

Mẹ kiếp chú đúng, thật tôi cười nhiều quá, cha tôi nói. Tôi cười rống lên như một thằng khùng, ông nói, ông quay vào khu rừng phía sau cái cây đã đè lên người ông. Khi ông đi, tôi và chú Hunter có thể nghe thấy ông ở trong khu rừng đó, đang cười mãi về những bộ mặt kinh hãi lúc đi lên lớp băng ra giữa sông.

Chúng, đàn gia súc ấy rơi tõm hết xuống sông như chú Teaberry Hunter kể sau khi cha mất.

Chết đuối, tôi hỏi.

Chết thẳng cẳng, chú đáp. Cháu đúng đấy.

*
* *

Khoảng nửa đường xuống núi, một con lợn chạy ngang qua giữa đường chỉ cách trước mặt tôi chừng nửa mét. Giật mình khi thấy tôi, nó co cẳng lao vào bụi rậm bên đường và gần như đâm sầm vào tôi khi vượt qua. Nó chững lại một lát rồi băng qua đường ray và tôi thấy nó là một chú lợn con, chỉ là một chú lợn còn bú tí da lốm đốm đang gặp nguy hiểm. Nó khẽ kêu lên khi vượt qua đường ray sắt cao ngang bụng nó, đuôi ngoe nguẩy như đuôi một con chó. Khi đã đi cách xa đường sắt nó quay lại nhìn tôi một lát, mắt nó như trợn ngược lên. Rồi nó lẩn vào trong bụi rậm bên kia đường, đi mất.

Sau khi nó đi, có hai thằng bé ra khỏi bụi cây; chúng cũng đi thẳng lên đường ray chỗ tôi. Lạ Chúa, một trong hai đứa nói và xô vào tôi. Nó không lớn lắm nên tôi đánh ngã nó bằng cái túi của mình. Đứa kia lớn, tóc đỏ, mang súng. Nó chạy vội qua đường, nhìn trừng trừng vào bụi cây. Mẹ kiếp, đồ chó chết, nó nói.

Nó nâng khẩu súng lên, nhắm vào bụi rậm dõi theo con lợn, ngay khi ấy tôi nghĩ nó sẽ để tôi đi. Rồi tôi nhận ra bây giờ con lợn hẳn đã vào nơi ẩn nấp và thằng kia có là đàn thì mới bắn. Ngón tay nó vẫn uốn cong trên cò súng một lát, kéo mạnh gần như sắp bóp cò.

Nó đang mang khẩu cácbin Winchester nòng ngắn, đầu ruồi bọc vải để tránh va quệt vào cây. Báng súng được quấn quanh bằng dây điện màu đen và hộp đạn đã gở hết.

Bọn chúng trông nhếch nhác. Tôi nghĩ đứa lớn khoảng bằng tuổi tôi còn đứa nhỏ bé hơn một chút.

Đứa lớn đầu đỏ quay về phía tôi, ánh mắt nó lạnh lẽo. Tôi nghĩ nó điên lên vì đã để sống mất con lợn mà chúng đang bám theo. Nó nhả lại cò súng đã kéo nửa chừng, ung dung kẹp khẩu súng trong khuỷu tay. Quần áo nó bẩn thỉu và quá chật trên cái cơ thể to lớn của nó.

Chúng ta tiếp tục đuổi đi Okie, đứa bé nói. Rằng nó đã sâu rưng làm cho cách nói của nó rất kỳ quái, rõ ràng là hụt hơi như thể mồm nó bị đau. Nó nói, có thể chúng ta vẫn bắt được con lợn đó mà.

Darius mày im đi, đứa lớn nói và nó vẫn nhìn tôi. Cái nhìn làm tôi căng thẳng, tôi cúi đầu nhìn xuống lòng đường rải xỉ. Than xỉ đã trở nên mềm mịn vì mưa. Chúng dính vào đế giày tôi, làm chân tôi cảm thấy nặng nề. Dù sao, đi bộ trên những thanh tà vẹt cũng vất vả bởi vì chúng quá ngắn so với bước chân.

Khi tôi quay đi thì Okie, đứa lớn, vẫn đang nhìn tôi trừng trừng từ dưới mái tóc đỏ dài. Nó liếm môi.

Đứng lại ngay, nó nói.

Đứa bé chạy lằng xằng cách sau tôi hai bước, tôi cảm thấy chân nó bị khuyết tật gì đó, cái cách đôi chân quá ngắn phải chống cơ thể làm cho nó trở nên còi như vậy. Có lẽ nó không đến nỗi bé như tôi thoát nghĩ, có khi nó còn già hơn tôi hay cả Okie. Những thanh tà vẹt vừa với nó, nó dễ dàng bước từ thanh này sang thanh khác. Okie vẫn đứng nguyên chỗ cũ.

Chúng tao đã mất con lợn đó, Darius nói, giọng giống tiếng gào. Mày thấy đấy, nó nói.

Bây giờ Darius đứng thẳng trước mặt tôi, chỗ tôi có thể ngửi thấy nó và tôi dừng lại.

Bọn mày hãy để tao yên, tôi nói. Tao chẳng quấy rầy gì bọn mày cả.

Ai bảo là mày không quấy rầy, Okie nói với tôi.

Bây giờ hai tay nó giữ khẩu súng, nòng súng chĩa lên bầu trời u ám. Nó nhổ nước bọt xuống lớp xỉ, lấy nhúm thuốc lá vụn

bên mép phải trong mồm nó ra. Nó đi xuống đường ray, mỉm cười và tôi thấy rằng nó cũng bị sâu hết. Rõ ràng thuốc lá vụn cũng sẽ gây ra điều đó cho bất kì ai.

Mày có cái gì đấy, Darius nói, tôi thấy nó nhìn vào túi của mình. Nó chìa tay ra như một đứa trẻ xin kẹo. Tôi thả cái túi xuống đầy ra sau lưng mình. Darius nhảy lò cò tới lui từ thanh tà vẹt này tới thanh kia. Cái quần nhung sọc của nó vấy bùn tới tận gối, nhưng dường như nó không muốn chạm chân xuống lòng đường.

Nó không muốn mày lục lọi bữa bãi các thứ của nó, Okie nói với Darius. Cách nói như thể một người đàn ông nói với một đứa trẻ.

Nó nhìn tôi. Mày đang đi xuống thị trấn à, nó nói. Mày sống ở trên núi à? Nó đưa khẩu súng chỉ lên con đường phía sau mà tôi đã đi.

Ừ, tôi nói.

Nó nhìn Darius, khịt khịt mũi và lại khạc nhổ. Mẹ kiếp, một thằng người rừng, nó nói. Từ núi xuống và chẳng biết cái mẹ gì cả. Darius cười ngặt nghẽo. Mày muốn xuống thị trấn để làm gì, hả thằng người rừng? Okie nói. Đột nhiên nó thúc báng súng vào ngực tôi. Cú thúc dội vào xương sườn làm tôi đau quần quai. Tôi có thể nghe thấy Darius đang đi đến chỗ cái túi của mình nhưng tôi không nhìn thấy được.

Chẳng có việc gì để mày xuống thị trấn cả, thằng nhãi Okie nói. Tốt nhất mày hãy quay lại núi và ở đó với dòng giống người rừng của mày.

Chỉ mang toàn thứ vớ vẩn thôi, Darius nó nói, chẳng ích gì mà cứ đứng mục chân ở đó. Darius không dừng lại. Okie quay lại phía tôi.

Dốc hết túi của mày ra, nó nói và lại lấy súng nện tôi. Bọn tao có thể thịt mày, nó nói. Giết mày chỉ đơn giản như giết con lợn đó và chẳng có ai biết tí gì về chuyện ấy. Dẫu sao thì ai thêm quan tâm đến chuyện gì xảy ra với một thằng người rừng như mày.

Tao biết, tôi nói. Tôi nghĩ nó nói đúng, chúng tôi cách xa thung lũng chừng 500 mét.

Dốc hết túi của mày ra và cầm miệng lại thì mày sẽ yên ổn thôi, Okie nói. Darius vẫn lục lọi các thứ của tôi và tôi có thể nghe thấy tiếng khẩu Colt đập vào thứ gì đó kêu leng keng. Tôi cảm giận khi nghĩ về hai thằng này và những thứ đồ đặc nhưng tôi không thể làm gì được. Tôi ước chi tôi đã để chúng lại cho chú Hunter.

Cha tao đã chết, tôi nói. Tôi không biết tại sao tôi lại nói điều đó.

Nhìn này, Darius nói và giơ cao con dao Barlow lên. Nó bật con dao ra, lưỡi dao sáng loé dưới bầu trời đầy mây. Nó thử cạo vào cánh tay đầy lông của mình. Sặc đấy, nó nói. Okie chĩa thẳng khẩu súng vào tôi nhưng nó đang quay nhìn nơi nào đó, về phía con lợn đã đi. Sau đó tôi móc tiền trong túi ra.

Một cái cây đã đổ lên người ông ấy, tôi nói. Khi ông đang chặt nó.

Okie lấy sáu đôla của tôi đút vào trong quần. Tôi nghĩ việc gì xảy ra khi một khẩu cỡ 30 – 30 gây ra cho người ta ở cự ly gần này. Một dạo tôi đã từng thấy một phát súng cách chừng 200 mét tiện phẳng toàn bộ phần bụng sau của một con lợn rừng, hất tung nó lên và quãng xa nó chừng ba mét. Tôi đưa đầu mũi tên cho nó, lợn túi quần ra cho nó thấy là tôi chẳng còn gì cả. Nó cầm lấy đầu mũi tên, giơ lên bằng tay trái, nheo mắt nhìn. Nó biết tôi sẽ không còn có thể gây cho nó bất cứ rắc rối nào.

Để cho tao một ít để mua thuốc dưới thung lũng, tôi nói. Và một chai rượu cho chú tao.

Bắn, Okie nói. Nó ném mũi tên về phía sau qua vai. Mũi tên va vào đường sắt trơn, phát ra một âm thanh thú vị, giống như một nốt nhạc trên cây đàn hạc cũ của cha tôi. Đầu mũi tên cứng vỡ nát ra thành mấy mươi mảnh.

Đây là một cái đầu mũi tên cổ đẹp đẽ. Tôi không biết nó cổ như thế nào nhưng tôi muốn nói một điều gì đó.

Lấy cho tao đôi giày của nó, Darius nói.

Nó đang đứng nhìn chân tôi. Đôi giày của nó trông như hai cái bị cột bằng dây hay bằng thứ gì đó. Đôi giày của tôi không còn tốt lắm nhưng còn khá hơn đôi giày của nó, đôi giày mềm cũ này là của cha tôi.

Giày nó không vừa với mày đâu, đồ chân vẹo, Okie nói. Darius vẫn đứng trên thanh tà vẹt, nhún nhảy lên xuống. Nó cầm cái túi của tôi trong tay. Nó chỉ nhìn Okie và liếm môi. Tôi thấy nó nhún nhảy chậm lại một chút.

Tháo đôi giày của mày ra đi, Okie nói. Giờ đây dường như nó đã phát chán mọi chuyện. Mau lên, tháo nhanh, nó nói. Bây giờ thậm chí nó còn không chĩa súng vào tôi nữa.

Tôi tháo giày đưa cho Darius. Thậm chí nó cũng không đi thử nữa. Nó chỉ nhét chúng vào túi và cười to, nghe như tiếng chó sủa. Lòng đường lạnh vì mưa và than xỉ bám vào gan bàn chân tôi, bôi bẩn chúng thành màu đen kịt.

Darius đi đến lề đường bên phải nhìn vào trong bụi rậm. Okie, bây giờ chúng ta hãy thử bắt con lợn đó xem, nó nói. Nó đi vào trong bụi rậm mang theo cả cái túi của tôi. Ngay sau đó tôi không thể thấy hình dáng nó nữa, chỉ nghe tiếng nó sột soạt trong đó.

Okie nhìn tôi từ đầu đến chân, mắt nó vẫn lạnh lùng. Mùi của nó lúc đến gần thật nhờn nhụa, giống như một con gì đó béo ú đang bị quay trên lò lửa.

Mày quay lên đi, nó nói. Nơi tốt nhất cho bọn người rừng là đỉnh núi.

Tao đang xuống thị trấn, tôi nói.

Nó điên cuồng nhìn tôi và tôi nghĩ ngay bây giờ có thể nó sẽ bắn tôi nhưng thậm chí nó không chĩa súng vào tôi. Nó nhìn tôi thêm lát nữa rồi biến vào bụi rậm bám theo Darius.

Tôi đợi một chút để xem chúng có quay lại không nhưng cả hai đứa đều đã đi. Chẳng ích gì mà cố bám theo chúng vào bụi rậm

với đôi chân không giày. Tôi lại đi theo mép phải của con đường vào thung lũng. Bước đi bây giờ dễ dàng hơn khi không còn cái túi. Trời lại bắt đầu mưa, lần này mưa nhẹ hơn. Kiểu mưa ấy không có vẻ kéo dài quá lâu.

Xỉ than làm chân tôi đen ngòm và đau đớn. Tôi đi bộ trên con đường đó một lúc rồi thay đổi bằng cách đi lên những thanh tà vẹt. Thật lạ lùng khi phải đi những bước ngắn, nhưng dễ dàng hơn khi duỗi chân bước bằng qua một thanh. Tôi đã quen với cách đi ấy.

*
* *

Khi chúng tôi tìm thấy cha, ông đã chết khá lâu. Cái cây đổ một cành to đè lên ngực ông. Chắc ông đã tìm cách nhảy sang bên để tránh khi nó lao xuống. Mặt ông lộ vẻ kinh hoàng; cơ thể ông không còn gì giống như trước đó mà tôi đã từng thấy, tất cả mọi hình dạng đều thay đổi khi sự việc xảy ra, xương sườn ông bị đè nát, quần áo ông bị xé rách, thật khủng khiếp khi nhìn thấy. Chú Hunter bọc ông bằng một tấm vải dầu dày và tốt ngay sau khi chúng tôi nâng cái cây ra khỏi ông, tôi không có cơ hội nhìn thấy ông sau đó. Chúng tôi chôn ông cùng với tấm vải dầu.

Cái cửa đồn cây nằm trên mặt đất bên cạnh ông. Nó không bị cây chèn vào tí nào cả, trông nó vẫn giống như khi ông mang đi làm. Tất cả số dầu trong cửa không còn nữa nên hẳn máy đã tắt sau khi ông bị đè. Chú Hunter và tôi nói về điều đó nhưng không bao giờ hình dung nổi việc cây sồi già đó đổ xuống một cách tệ hại như vậy hay tại sao cha không nghĩ cách chạy đi khi nó đổ. Hẳn là ông đã cửa sai bằng cách nào đó và hoàn toàn không nhận ra sai lầm của mình cho tới khi quá muộn.

*
* *

Rất nhiều người mất hết cửa cái, người đàn ông chủ hiệu thuốc lá nói. Ông ta là người đàn ông nặng nề đeo tạp dề trắng, buộc dây sau lưng. Nhà cửa, hàng hoá, kho thóc, toàn bộ những

trang thiết bị cuốn xuống sông và cuốn đến hạt Mouroe. Ông ta đang nói chuyện với một người đàn ông gầy gơ xương mặc bộ quần áo công nhân đang gặt đầu.

Ông cuộc đi, người đàn ông chủ hiệu thuốc nói. Chúng ta may mắn kinh khủng vì ở chỗ cao ráo này. Ông ta quét vũng nước gần cửa hiệu thuốc của mình, hất ra ngoài phố. Ông đeo kính, chiếc kính loé lên khi ông di chuyển, đầu ông cúi chạm vào cái chổi. Bẹ chổi ướt sũng nước bẩn và ông quét như thể nó rất nặng.

Thị trấn yên tĩnh, giống như ngày chủ nhật, đường phố ướt át vì nước mưa. Khi tôi vào cửa hàng hai người đàn ông nhìn tôi. Họ nhìn đôi chân không giày của tôi.

Các thứ bị cuốn xuống dồn đống ngay dưới cầu, ông chủ hiệu thuốc lá nói. Điều kinh hoàng nhất, chưa một ai từng thấy. Giúp gì được cháu đây, ông nói với tôi. Tôi không có tiền nên tôi không đáp lại gì cả.

Tàu buôn Dodge đang ở dưới sông đấy, người đàn ông gầy nhom nói. Sim, anh biết không. Nghe nói ô tô nổi lên gần đến trần nhà. Nước lên nhanh đến nỗi không ai có thời gian di chuyển cái gì cả. Đập đất dài hai dặm cũng bị vỡ, đấy là tất cả những gì thống kê được.

Tôi không biết, ông chủ hiệu thuốc nói. Ông quét một ít nước qua chân tôi và lại nhìn tôi. Cháu cần gì, ông nói.

Cháu đang cần vài hơi thuốc, tôi nói. Thuốc lá.

Chúng tôi có thuốc lá đấy, ông chủ hiệu thuốc nói. Đủ loại. Cháu tìm loại nào.

Camels, tôi nói.

Đã đi nhiều dặm xuống núi nên tôi cảm thấy mệt mỏi, bài hoải. Tôi muốn ngồi xuống và có một điếu thuốc. Tôi ước tôi có đủ chỉ một ít tiền. Chân tôi đau nhức.

Ông Carl, ông chủ hiệu thuốc nói. Phiên ông đến sau quây đó, lấy hộ tôi gói thuốc Camels.

Được rồi, người đàn ông gầy nhom nói. Ông ta lấy gói thuốc và lẳng nó cho tôi. Tôi bắt gói thuốc bay vào ngực mình, gói thuốc hơi bị bẹp.

Cháu không có tiền.

Ông chủ hiệu ngừng quét một lát. Chỗ nước ông vừa quét ra khỏi cửa lại chảy tràn vào trong. Nước sông bắn, nâu trên nền nhà trắng.

Sẽ ổn thôi, bác nghĩ không sao đâu, ông nói. Ông nở nụ cười với tôi và tôi biết mình rất bẩn. Tôi biết người ngòm mình ra sao. Ông ấy nghĩ tôi vừa mới bị trận lụt quét sạch.

Cha cháu đã chết, tôi nói.

Ông chủ hiệu lắc đầu.

Thật là một ngày tồi tệ. Carl nói phía sau quầy hàng. Ông ta cũng lắc đầu, tự lấy cho mình một gói thuốc. Thật là một ngày tồi tệ. Tôi không nói với họ là cha tôi chết trước khi trời bắt đầu mưa.

Thật là một đứa con khốn khổ, ông chủ hiệu nói. Khốn khổ khốn nạn.

Người ta phải hoài nghi những gì Chúa ban cho con người, người đàn ông gầy nhom nói. Để lại thằng bé không cha.

Tôi nghĩ đó là điều dễ chịu nhất mà tôi từng nghe thấy. Tất cả những gì tôi muốn ngay khi ấy là ngồi xuống và khóc. Tôi bóc gói thuốc, ông chủ hiệu đưa cho tôi cái bật lửa, một chiếc bật ga nhựa. Bên cạnh đèn Coleman's Since 1942, đó là tên của ông chủ cửa hàng. Tôi bật bánh răng bằng ngón tay cái, chiếc bật lửa kia, bùng lên một ngọn lửa mạnh ngay từ lần đầu.

Tôi hút đến điếu thuốc thứ ba và vị của nó vẫn ngon như điếu đầu. Không có gì sánh bằng điếu thuốc bạn ngậm trên môi được cuộn bằng máy, không rớt lại tí thuốc vụn nào trên lưỡi.

Tôi ngồi bên ngoài gần chân cầu chỗ chắc chắn là nơi tiếp giáp của hai phần thị trấn chạy ngang qua dòng sông. Đó là một cây cầu sắt đã cũ nằm trên những đồng đá, ông chủ hiệu thuốc lá nói đúng: những cột chống đã bị cuốn đi và rầm cầu oằn xuống ở

giữa trong dòng nước sông đen ngòm đang chảy qua. Gần chỗ tôi ngồi có một bảng hiệu ghi trọng tải không quá hai tấn.

Tôi hút điều thuốc cho tới khi nó cháy đến gần ngón tay mình. Tôi thấy những người hút thuốc thường bị chai vàng ngón cái và ngón trỏ, có thể hút một điều thuốc bằng tất cả các cách nếu người ta muốn mà không bao giờ phải sờ vào nó cả. Tôi không thể làm được điều đó, hơn nữa tôi có cả một gói thuốc chưa hút hết. Chẳng ích gì khi tự làm khổ bản thân mình. Tôi búng mẩu thuốc xuống sông và nó trôi nhanh theo dòng nước chảy xiết thậm chí gần như trước khi tôi thấy nó rơi xuống.

Tôi nghe thấy nói rằng trong lũ lụt đôi khi người sẽ thấy súc vật và cây cối bị cuốn trong nước xuống hạ nguồn. Lúc này tôi không thấy gì cả và tôi nghĩ tất cả chúng hẳn đã bị dòng sông cuốn đi ngay từ lần đầu tiên khi nước dâng cao nhất. Có lẽ sẽ không có những thứ ấy cho tới lần nước sông dâng lên tiếp theo.

Trời lại bắt đầu mưa nặng hạt, bây giờ không chỉ là mưa phún nhẹ nữa và tôi phải che điều thuốc thứ tư tránh nước bắn vào để châm. Chiếc bật lửa cháy ngay từ lần bật đầu tiên. Tôi nghĩ điều thuốc sẽ cháy tốt trong mưa, tôi xoay xở để bắt đầu hút. Tôi lại ướt nhưng lần này không dễ chịu như lúc sáng. Lần này chỉ thấy lạnh và dơ dáy. Tôi không chắc điều mình sẽ làm. Chỉ có một điều chắc như đinh đóng cột là tôi sẽ không quay lên núi nữa.

Sau đó một lúc có lẽ tôi đi đến dòng sông, tìm đập đất vỡ đã gây ra tất cả những thiệt hại. Trông nó hẳn rất kinh khủng, vỡ tung ra ở giữa và nước sông rì rỉ chảy qua đến miệng hố, nâu sệt, đầy nước đặc bùn. Không giống những nhánh sông trên núi mà là một con sông thật sự, chỉ chảy theo cách nó muốn mà không gì có thể ngăn lại được. Chà, chắc chắn sẽ có một cái gì đó để xem.

Đào Thu Hằng dịch

Italo Calvino
(Italy)

CUỘC PHIÊU LƯU CỦA NGƯỜI LÍNH

Trong toa tàu, một phụ nữ đến và ngồi xuống, cao và nở nang, bên cạnh Private Tomagra. Nàng hẳn là một phụ nữ tỉnh lẻ goá chồng, nhận xét ấy dựa vào áo quần và mạng che mặt của nàng: quần áo bằng lụa đen, phù hợp với việc để tang dài ngày, nhưng lại có các đường riềm trang trí vô dụng và những vật phục sức loè loẹt không hợp cách; mạng che mặt phủ quanh mặt nàng, buông xuống từ vành mũ đồ sộ, một cũ. Nhiều chỗ khác còn trống, trong toa xe, Private lưu ý và anh chắc người đàn bà goá hẳn sẽ chọn một trong những chỗ ấy. Nhưng trái lại, bất chấp sự kề cận với một người lính lỗ mãng như anh, nàng đến và ngồi ngay đấy - chẳng nghi ngờ gì nữa trước lý do nào đó liên quan đến việc đi lại, anh lính quyết định nhanh, một sự nhờ vả hoặc hướng dẫn về hành trình.

Cơ thể nàng rực lửa thanh xuân, săn chắc, nhưng hơi vuông. Nếu những đường cong ở phần trên cơ thể không được điều tiết bởi vẻ mềm mại đoan trang thì bạn hẳn đã bảo nàng chưa quá ba mươi, nhưng khi bạn nhìn khuôn mặt nàng, nhìn làn da vừa trắng mịn vừa chùng, cái nhìn không nhanh nhẹn bên dưới mi mắt nặng và đôi mày đen rậm, nhìn đôi môi mím chặt nghiêm nghị, phủ vôi lớp son đỏ chót, thì nàng như thể thực sự đã quá bốn mươi.

Tomagra, một lính bộ binh trẻ nghỉ phép lần đầu (dịp lễ Phục Sinh), thu người lại trên ghế vì sợ rằng người đàn bà, rất thon thả và hấp dẫn, có thể không thoả mái; ngay lập tức anh thấy mình chìm trong vùng nước hoa của nàng, một mùi hương thông dụng và có lẽ rẻ tiền, nhưng lúc này, đã nhạt vì dùng lâu, trộn với mùi tự nhiên của cơ thể.

Người đàn bà ngồi xuống với dáng vẻ điềm tĩnh, phơi bày, bên cạnh anh, kích thước oai vệ nhỏ hơn anh tưởng khi nhìn thấy nàng ở tư thế đứng, tay nàng bụ bẫm, sít chặt nhấn đen; nàng cuộn tay trong lòng, trên cái ví màu sáng và chiếc jacket vừa cởi ra để lộ đôi cánh tay trắng muốt, tròn trĩnh. Với cử động đầu tiên của nàng, Tomagra xê dịch để lấy không gian cho sự di chuyển rất khéo léo của đôi tay nàng; nhưng nàng vẫn như bất động, tuồn đôi tay áo bằng vải động tác uốn éo khế tuột ra khỏi vai và cơ thể.

Ghế ngồi trên toa xe vì thế khá thoải mái cho hai người và Tomagra có thể cảm nhận được sự kề cận sát rạt của người đàn bà, tuy nhiên chẳng hề e ngại người đàn bà bức bối bởi sự tiếp xúc của mình. Mọi chuyện như cũ, Tomagra suy luận, người đàn bà mặc dù nàng là... nàng hoàn toàn không tỏ ra bất kì dấu hiệu khó chịu nào với anh, với bộ quân phục thô ráp của anh; nếu không thì hẳn nàng đã dịch xa ra. Và với ý nghĩ như thế, các cơ bắp của anh, bấy giờ vẫn co cứng và căng thẳng, tự do buông chùng ra thanh thản, thực sự, không cử động, chúng cố mở hết khả năng mở rộng của mình, và chân anh - đang co cứng hết cỡ, thoát tiên như thể hoàn toàn không tiếp xúc gì đến lớp vải quần - bỗng phình rộng ra, căng cứng lớp vải che ngoài chúng và chất len làm xước cả lớp lụa đen của người phụ nữ góa. Bây giờ, qua lớp len và lớp lụa ấy, chân của người lính đang dính vào chân người đàn bà với sự xao động lướt qua, mềm mại, tựa một con cá mập đang khế vờn một con cá mập khác, dùng vi dòng sóng đến vi của con kia.

Đây chỉ là sự đụng chạm rất khế mà mỗi cú xóc của con tàu cũng có thể chia tách và tiếp xúc trở lại; đầu gối người đàn bà đẩy và khoẻ, xương của Tomagra cảm nhận được qua từng cú xóc cái đầu gối tròn uể oải kia. Bắp chân mềm mại nâng lên với cú chạm rất khế, phải được điều chỉnh sao cho phù hợp với anh. Cuộc gặp của các bắp chân là rất quý giá nhưng phải trả giá, một thiệt thòi bởi trọng lượng cơ thể phải chuyển dịch và sự ủng hộ qua lại của các cái hông đã thôi không bắt nhịp với vẻ hoàn toàn phục tùng ngoan ngoãn. Để giữ được tư thế thoải mái và tự nhiên, thì hai người cần phải khế di chuyển trên ghế với sự trợ giúp ở mỗi chỗ

lượn trên đường ray và cũng với sự cần thiết hiểu biết để thường xuyên thay đổi tư thế.

Người đàn bà lạnh lùng bên dưới cái mũ đoan trang của mình, cái nhìn đăm đăm của nàng không thay đổi, mi mắt nặng, bàn tay để yên trên cái ví trong lòng. Nhưng cơ thể nàng, trong lúc vươn rộng, đã gặp phải cái vươn người của người đàn ông: nàng có nhận thấy điều ấy không? Hoặc nàng đang chuẩn bị bỏ đi? Hay sừng sộ?

Tomagra quyết định, dẫu sao thì cũng chuyển một thông điệp đến cho nàng: anh gồng cứng bắp chân vòng lên cả khối hình vuông rồi với khối bắp cứng ấy, như thể một bàn tay bên trong nó, muốn mở ra, anh hích nhanh vào bắp chân của bà goá. Chắc chắn đây là động tác rất nhanh nhưng cũng đủ để làm rung gân nhưng dẫu sao đi nữa thì nàng cũng không rụt lại - chí ít thì một ly như anh nghĩ nhưng không và ngay sau đó muốn điều chỉnh lại hành động lén lút ấy, Tomagra buông chùng chân như thể muốn tổng khứ sự khó khăn ra khỏi nó.

Bây giờ anh lại phải bắt đầu lần nữa; cái hành động đã được tính toán khôn khéo và kiên nhẫn ấy đã bị thất bại. Tomagra quyết định phải can đảm hơn; như thể tìm kiếm vật gì đó, anh rút tay vào túi bên phía người phụ nữ rồi như thể quên khuấy, anh cứ để tay như thế. Động tác ấy hẳn diễn ra rất nhanh, Tomagra không biết liệu anh đã chạm nàng hay chưa, điều đó không quan trọng; nhưng bây giờ anh ý thức động tác tiếp theo của mình là rất quan trọng và đây là trò chơi nguy hiểm mà anh đã tham dự. Dựa vào lưng bàn tay của anh, cái hông của người đàn bà vận đồ đen lúc này đang đè vào; anh cảm thấy nó trĩu nặng mấy ngón tay, trĩu nặng từng đốt xương; bây giờ bất kì cử động nào từ bàn tay thì cũng sẽ như một hành động chung chạ gãi gãi đối với người đàn bà goá. Nín thở, Tomagra trở bàn tay trong túi áo; nói cách khác, anh ngửa lòng bàn tay về phía người đàn bà, mở rộng chạm vào nàng, mặc dù bàn tay vẫn ở trong túi. Đây là động tác khó thực hiện, cổ tay bị xoắn. Thế nhưng vào lúc này hẳn anh đã rất quyết tâm trong việc thực hiện hành động quyết định, vậy nên anh liềm lĩnh cử động mấy ngón tay của bàn tay bị vặn xoắn đó. Chẳng còn

nghe ngờ thêm tí nào nữa; goá phụ không thể không để ý đến động tác khéo léo của anh, và nếu nàng không rút người lại mà giả vờ thản nhiên và đứng đưng thì điều đó có ý nghĩa nàng không phản đối sự dẫn tới của anh. Khi Tomagra nghĩ về điều đó, dĩ nhiên, sự không mảy may chú ý của nàng đến bàn tay phải luôn lách của anh có nghĩa nàng thực sự tin anh đang tìm kiếm cái gì đó trong túi: chiếc vé tàu, hộp diêm... Đây: nếu bây giờ mấy đầu ngón tay của người lính, đôi chân, dường như đột nhiên được ban tặng khả năng tiên đoán, có thể cảm nhận thông qua những chất liệu khác nhau này đường riềm của đồ lót và ngay cả độ nhám rất mịn của làn da, lỗ chân lông và cả nốt ruồi - nếu, như tôi đã nói, đầu ngón tay của anh sờ đến chỗ này, có lẽ là thịt da nàng, như cảm thạch và uể oải, không biết được đây là, thực sự là đầu ngón tay và chắc là không biết, chẳng hạn như, móng tay hay đốt ngón tay.

Rồi, với những bước ngấm ngấm, bàn tay rút ra khỏi túi, dừng ở đó, không quyết định và đột nhiên xóc lại quần theo đường may bên ngoài, việc ấy cứ xuôi mãi xuống đầu gối. Chính xác hơn, nó mở lối: để tiến về phía trước, bàn tay phải luôn giữa anh và người phụ nữ, một hành trình mà, ngay cả trong tốc độ của nó, đầy ắp nỗi âu lo lẫn xúc cảm ngọt ngào.

Dễ đoán rằng Tomagra đã ngã ngửa đầu ra sau ghế, để một ai đó hẳn cũng nghĩ anh đang ngủ; điều đó với anh không hoàn toàn là chứng cứ vắng mặt như đối với người đàn bà, trong trường hợp mà hành động dai dẳng của anh không làm nàng bức bối, một lý do để cảm nhận thoải mái, biết rằng hành động của anh không xuất phát từ ý thức mà chỉ xuất phát từ giấc ngủ sâu. Và thế dưới giấc ngủ trá hình phòng xa đó, bàn tay của Tomagra đang bám đầu gối, tách ra một ngón và hướng nó đến để thăm dò. Ngón tay ấy trượt dọc theo đầu gối nàng vẫn bất động và điềm tĩnh; Tomagra có thể biểu diễn những đường nét cần mẫn với ngón tay út trên lớp vải lụa của chiếc bít tất dài mà qua đôi mắt khép hờ, anh có thể thoáng thấy, màu sáng và đường cong. Nhưng anh nhận ra rằng sự liêu lĩnh của trò chơi sẽ chẳng mang lại kết quả gì, bởi ngón tay út, không đủ bề rộng và lỏng ngóng khi di chuyển,

chỉ truyền lại một phần rất nhỏ cảm xúc và không đủ khả năng tri giác hình hài hay chất liệu của những thứ nó chạm phải.

Sau đó anh chập ngón út vào các ngón còn lại của bàn tay, không rút lui mà bổ sung vào nó ngón đeo nhẫn, ngón giữa và cả ngón trỏ; bây giờ cả bàn tay anh đặt trơ trơ trên đầu gối của người đàn bà và tàu dừng đưa nó trong sự âu yếm vỗ về.

Đến khi ấy, Tomagra lại nghĩ tới những tình huống khác: nếu người đàn bà hoặc là không có khả năng nhận biết phải trái, hoặc là không có khả năng xác định hành động bí ẩn, đã không phản ứng lại sự thô lỗ của anh, đối mặt với hành động đó cứ như một ai khác đang ngồi, những người hân đã làm âm lên bởi hành vi thiếu nghiêm túc của anh. Cốt làm người đàn bà ngạc nhiên, Tomagra rút tay lại, hoặc khác đi là anh đã giấu nó như thể đây là phần phạm lỗi duy nhất. Nhưng việc giấu nó, anh nghĩ lại, chỉ là hành vi đạo đức giả: trong lúc bỏ bàn tay ở đó trên ghế anh dự định khiêm tốn là dịch nó đến sát người đàn bà hơn, người thực tế đã chiếm một phần không gian rất rộng.

Thực sự, bàn tay đã sờ soạn quanh. Đây: giống như vận may bất ngờ của một con bướm, mấy ngón tay đã cảm giác được sự hiện diện của nàng; và đây: nó vừa đủ để đưa toàn bộ lòng bàn tay tới trước dịu dàng, cái nhìn đăm đăm của bà goá bên dưới tấm mạng là không thể nào hiểu được, bộ ngực chỉ khẽ bị khuấy động bởi nhịp thở của nàng. Nhưng không! Tomagra đã rút hân tay lại, như thể một con chuột vội tháo chạy.

Nàng không cử động, anh nghĩ: Có lẽ nàng muốn thế. Nhưng anh lại nghĩ: Thời gian trôi qua và sẽ quá muộn. Hoặc có lẽ nàng ngồi đó theo dõi mình, chuẩn bị làm âm lên.

Rồi chẳng vì lý do nào ngoại trừ lý do thận trọng, Tomagra chuôi tay dọc theo lưng ghế và đợi cho đến khi tàu xóc, rất nhẹ, khiến người đàn bà chạm vào các ngón tay của anh. Nói anh chờ đợi thì không đúng; thực tế, với các đầu ngón tay của anh, như những cái nệm giữa ghế ngồi và nàng, anh thực hiện những cú chạm nhẹ mà có thể hoàn toàn phù hợp với tốc độ của con tàu. Nếu anh dừng ở một điểm nào đó, thì không phải tại người đàn bà biểu

lộ bất kì dấu hiệu nào của sự không tán thành, mà trái lại bởi Tomagra nghĩ nếu nàng chấp nhận thì với nàng sẽ rất dễ, chỉ cần khẽ trở người thì đã gặp sự đợi sẵn, thoải mái ngã ra trên cánh tay đợi chờ. Nhằm báo hiệu cho nàng mục đích hữu nghị của hành động mình, Tomagra ở tư thế bên dưới người đàn bà, cổ vung vẩy mấy ngón tay một cách khôn khéo; người đàn bà đang nhìn ra cửa sổ, tay nàng thần thờ nghịch cái khóa ví, mở ra và đóng lại. Đây có phải là dấu hiệu cảnh báo anh hãy ngừng lại? Có phải là sự nhượng bộ cuối cùng nàng tạo cho anh, một lời cảnh báo mà lòng kiên nhẫn của nàng đã hết mức chịu đựng? Thế nào nhỉ? - Tomagra thăm hỏi - Thế nào nhỉ?

Anh để ý bàn tay mình, giống như một con bạch tuộc lùn phịch, đang bấu lấy da thịt nàng. Bây giờ tất cả đã được quyết định: anh không thể kéo bàn tay lui về, không, Tomagra. Nhưng còn nàng? Nàng là một con Xphanh (con quái vật đầu người mình thú).

Với lối chạy thoăn thoắt cheo chéo của một con cua, bàn tay của người lính bây giờ lần xuống đùi nàng. Nó có phô ra khoảng trống, trước mắt bàn dân thiên hạ không? Không; lúc này người đàn bà đang kéo lại chiếc jacket ôm trong lòng, để nó buông sang bên. Nhằm giúp anh vật che hay chặn đường anh lại? Kìa: bây giờ bàn tay di chuyển tự do và không bị nhìn thấy, nó bấu chặt nàng, nó xoè ra mơn trớn vuốt ve khẽ như làn gió nhẹ. Nhưng mặt người đàn bà vẫn quay đi, xa cách; Tomagra hé nhìn phần cơ thể nàng, vùng da trần giữa tai và đường lượn từ búi tóc tròn căng của nàng. Và trong vùng trũng dưới tai, mạch máu đang đập mạnh: đây là câu trả lời nàng dành cho anh, rõ ràng, thống khổ và cấp bách. Bỗng nàng đột nhiên quay mặt lại, kiêu hãnh và lạnh lùng; tám mạng buông phía dưới mũ đựng đưa tựa bức rèm; cái nhìn đắm đắm chìm dưới đôi mi nặng. Nhưng cái nhìn ấy vượt qua anh, Tomagra, có lẽ thậm chí không liếc thoáng qua anh; nàng đang nhìn phía bên kia, vào một cái gì đó, hoặc chẳng vào cái gì cả, bằng chứng của một suy nghĩ gì đó, nhưng chắc là thứ quan trọng hơn anh. Điều này về sau anh mới nhận biết, bởi trước đó, khi vừa mới phát hiện ra sự cử động của nàng, anh lập tức rút ngay tay lại và

nhắm nghiền mắt như thể đã ngủ, cổ kìm cơn đỏ bừng đang lan khắp mặt, và vì thế mà có lẽ để mắt cơ hội bắt gặp cái nhìn đầu tiên trong ánh mắt một câu trả lời cho nỗi hoang mang tột độ của chính anh.

Bàn tay anh, giấu dưới chiếc jacket đen, nằm yên như thể đã tách rời khỏi anh, tê điếng, ngón tay co quắp về phía cổ tay: chẳng còn là bàn tay thực nữa, bây giờ chẳng còn chút cảm giác nào ngoài cảm giác của một bộ xương bám lấy thân cây. Nhưng ngay khi cuộc ngưng chiến mà người đàn bà goá ban cho chính vẻ thân nhiên của mình bằng cái liếc nhìn ngắn, mơ hồ ra xung quanh, máu và lòng can đảm lại đổ dồn vào bàn tay ấy. Và ngay lúc đó, khi lại bắt đầu tiếp xúc với chỗ thịt lưng đùi mềm mại, anh nhận ra rằng mình đã đến một giới hạn: mấy ngón tay đang lần theo gấu váy mà bên kia là mô thịt dẫn đến đầu gối và xa hơn là khoảng trống.

Đây là sự kết thúc, Private Tomagra nghĩ, của cuộc chơi bí mật này. Lại nghĩ, anh nhận thấy đây thực sự là điều thảm hại trong kí ức mình, mặc dù anh khao khát khuấy tung nó lên trong lúc khám phá: cảm giác vụng về trước bộ đồ lụa, cái mà lẽ ra không thể nào được phép cự tuyệt anh đơn giản chỉ vì vị trí thảm hại làm lính của anh và cũng là cái mà người đàn bà đã lạnh lùng hạ cố, chẳng có chút biểu lộ nào, để nhận thua cuộc.

Anh bị chặn lại, dĩ nhiên, bởi dự định buồn bã trước việc rút bàn tay về khi anh để ý thấy cách nàng giữ chiếc jacket trên đầu gối: không còn gấp lại nữa (mặt dù trước đây anh dường như đã thấy điều đó), mà rũ xuống bất cần, để tà áo phủ lên chân nàng. Bàn tay anh vì thế đã được che giấu hoàn toàn - có lẽ đây là bằng chứng cuối cùng của sự tin cậy mà người đàn bà đã trao cho anh, ý nghĩ về việc không tương hợp giữa địa vị của nàng và của mình quá lớn đã khiến anh không muốn nhận cơ hội thuận lợi ấy. Người lính cố kiểm điểm lại những gì đã xảy ra cho đến lúc ấy giữa người đàn bà goá và bản thân mình khi anh muốn khám phá ra điều gì đây trong cách cư xử của nàng mà hàm ẩn sự hạ cố dai dẳng ấy; bây giờ anh quyết định hành động của mình hoặc là vô nghĩa, tầm

thường, chỉ là lê lét, sờ mó hoặc là khác đi, đây là hành động âu yếm tình cảm và sẽ không rứt tay về nữa.

Bàn tay anh hoàn toàn nhất trí với quyết định thứ hai, bởi lẽ trước khi anh có thể điều chỉnh bản chất của hành động thì nó vượt lên rồi. Còn người đàn bà? Nàng đã ngủ. Nàng tựa đầu gối với cái mũ kênh kiệu vào góc ghế, mắt nàng nhắm chặt. Liệu anh, Tomagra, nghĩ kiểu ngủ này là thật hay giả hay chỉ sự rút lui? Hay đây là dấu hiệu biểu lộ sự cho phép của người đàn bà mà lẽ ra anh phải hiểu và theo đó để đề ra hành động đúng đắn hơn? Chỗ anh đã sờ đến lúc này không chấp nhận sự do dự: anh chỉ có thể tiến lên.

Bàn tay của Private Tomagra nhỏ và tròn trĩnh, những chỗ chai và cứng của nó hòa lẫn rất khéo vào các cơ thịt, uyển chuyển; những đốt xương khó có thể được phát hiện và cử động của nó được hình thành bởi sự căng thẳng, mặc dù dịu dàng, nhiều hơn là bởi các khớp xương. Bàn tay bé nhỏ ấy chuyển động chậm chạp thoải mái và liên tục để giữ được sự trọn vẹn của cảm giác tiếp xúc sống động và nóng bỏng. Nhưng cuối cùng, khi sự xao động đầu tiên thoáng lan trên thịt da mềm mại của người đàn bà góa, giống như chuyển động của một chiếc tàu ngầm từ xa tạo nên những luồng sóng bí mật dưới nước, người lính ngạc nhiên bởi điều đó đến nỗi, bởi dường như anh đã thực sự nghĩ rằng người đàn bà góa đã không lưu ý đến bất cứ chuyện gì cho đến khi ấy, đã ngủ say nên anh đã rứt tay lại trong cơn hoảng sợ.

Bây giờ anh ngồi yên, hai tay đặt trên đùi mình, lúi sâu vào ghế như trước, khi nàng mới bước vào. Anh đang hành động ngớ ngẩn; anh ý thức được điều đó. Với cú miết gót giày, nong rộng hông ra, anh như thể háo hức tiếp xúc trở lại nhưng sự thận trọng ấy của anh cũng là ngớ ngẩn, dường như anh muốn bắt đầu lại động tác cực kì kiên nhẫn của mình, như thể lúc này anh không chắc có đạt đến mục tiêu cao nhất hay không. Nhưng liệu anh có thể đạt được? Hoặc đây chỉ là điều tưởng tượng mà thôi?

Đường hầm trùm lấy họ. Bóng tối dần dày đặc hơn, và Tomagra, thoát tiên với động tác nhút nhát, đôi lúc rứt về như thể

anh thực sự sẵn sàng ở những bước tiến ban đầu và rồi ngạc nhiên bởi sự táo bạo của mình, rồi cứ cố thuyết phục mãi về sự hiểu biết sâu sắc mình đã có được với người đàn bà ấy, vươn rộng bàn tay, xấu hổ như một ả gà mái tơ, về phía ngực nàng, rộng và có gì đó lơ lả từ lực hấp dẫn của nó, rồi qua động tác sờ soạng háo hức, anh cố giải thích cho nàng nỗi khổ sở và hạnh phúc không thể nào nói hết từ địa vị của anh và anh chẳng cần đến bất kì thứ gì khác ngoài nàng để được ở trên khu bảo tồn của nàng.

Người đàn bà goá phản ứng, bằng động tác bất thành linh để bảo vệ bản thân và chối bỏ anh. Ngăn ấy đã đủ để Tomagra rút sâu vào góc của mình và vịn vẹo đôi tay. Nhưng lại hoá ra là, dấu hiệu báo động giả được gây ra bởi luồng sáng quét qua lối đi và nó đã khiến bà goá sợ đường hầm đột nhiên chấm dứt. Có lẽ; hoặc giả anh đã quá trớn hay lại quá thô lỗ với nàng, người đã rất hào phóng với anh? Không, bây giờ thì chẳng còn điều gì ngăn cản giữa họ; và hành động của nàng, trái lại, là dấu hiệu cho thấy, tất cả là thực, rằng nàng đã chấp nhận cuộc chơi. Tomagra lại dần tới. Biết chắc rằng, sự trùng trùng sẽ làm lãng phí rất nhiều thời gian; đường hầm đâu còn dài nữa và sẽ chẳng khôn ngoan tí nào nếu bị người ta bắt gặp khi ánh sáng đột nhiên xuất hiện. Tomagra đang ngóng chờ ánh sáng xám mờ in trên tường đường hầm; càng hồi hộp ngóng chờ thì sức cảm dỗ liều lĩnh càng tăng. Dĩ nhiên, đây là một đường hầm dài; anh nhớ tới những chuyến đi khác là nó thực sự rất dài. Và nếu anh tóm lấy cơ hội ngay lập tức thì anh hãy vẫn còn nhiều thời gian. Bây giờ tốt hơn cả là đợi cho đến lúc kết thúc, nhưng nó không hề kết thúc và ắt hẳn đây là cơ hội cuối cùng của anh. Kia: bây giờ bóng tối nhạt dần, đường hầm sắp hết.

Họ ở vào khoảng những ga cuối cùng của tuyến nội tỉnh. Tàu đang trống dần; vài hành khách trong toa xuống ga và bây giờ, những người cuối cùng đang chuẩn bị hành lý rời đi. Cuối cùng chỉ còn mình họ trên toa, anh lính và người đàn bà goá, rất gần nhưng lại đứng đưng, cánh tay họ khoanh lại, im lặng, mắt nhìn vào khoảng không. Tomagra vẫn phải nghĩ: Bây giờ tất cả ghế đều đã trống, nếu nàng muốn thoả mái và dễ chịu, nếu nàng chán ngấy mình thì nàng sẽ chuyển...

Có điều gì đó kiềm chế và làm anh ngần ngại, có lẽ là sự hiện diện của nhóm người hút thuốc ngoài lối đi hay ngọn đèn đã bật sáng bởi trời đã tối. Lúc ấy anh nghĩ đến việc kéo rèm che ở phía lối đi, giống như một ai đó cần ngủ. Anh đứng dậy vụng về bước đi, với vẻ thận trọng hết mực và chậm rãi, anh bắt đầu tháo rèm, kéo ra rồi buộc giữ lại, anh thấy nàng đuổi người ra. Như thể nàng muốn ngủ; dấu cho mắt nàng vẫn mở và đang nhìn, nàng đã trườn thấp người xuống, vẫn giữ vẻ điềm tĩnh, trong trắng, đoan trang, cái mũ kiêu hãnh vẫn đội trên đầu, lúc này đang gồng tay lên ghế.

Tomagra đang đứng phía trên nàng. Và để bảo vệ sự tượng tượng về giấc ngủ, anh muốn che kín cửa sổ bên ngoài; anh chồm người lên nàng để kéo rèm. Nhưng đây chỉ là cách biểu lộ hành động kì quặc của anh trên bà goá không xúc động. Rồi lúc anh dừng việc hành hạ cái khóa rèm thì anh biết mình phải làm một việc khác; bày tỏ cho nàng thấy tất cả nỗi khao khát nóng bỏng của chính mình, nếu chỉ giải thích cho nàng sự hiểu lầm mà với nó nàng hẳn sẽ mỉm lòng, như thể để nói với nàng: Cô thấy đấy, cô tử tế với tôi bởi cô nghĩ chúng ta có một nhu cầu thôi thúc về tình cảm, chúng ta những quân nhân cô đơn tội nghiệp, nhưng đây là cảnh ngộ thực của tôi, đây là cách tôi nhận được phép cư xử lịch sự từ cô, đây là cấp độ tham vọng không thể thực hiện mà tôi đã vươn đến, cô hiểu chứ, đây.

Và vì thế, bây giờ nó là bằng chứng cho thấy không có bất cứ điều gì có thể làm người đàn bà ngạc nhiên, và thực tế, mọi thứ bằng cách nào đó đã được nàng tiên liệu. Private Tomagra chỉ có thể khẳng định chẳng còn nghi ngờ gì nữa, điều đó là có thể, cuối cùng sự cấp bách từ cơn cuồng điên của anh cũng đã giúp ôm chầm lấy vật thể câm lặng của nó: nàng.

Khi Tomagra đứng dậy, bên dưới anh, người đàn bà goá vẫn nằm với cái nhìn bình thản nghiêm trang, trong sáng (mắt nàng xanh) với cái mũ và mạng che vẫn ngay ngắn trên đầu, và con tàu không ngửi thấy tiếng rít của nó qua cánh đồng, và bên ngoài những hàng nho bắt tận trái dài, và cơn mưa, cứ bám riết lấy hành trình vẫn không ngừng quét lên các ô kính cửa sổ bây giờ lại bắt đầu cơn

cuồng nộ mới, anh lại có một cơn sợ ngấn, và đang nghĩ bằng cách nào mà anh, Private Tomagra, đã quá liều lĩnh đến thế.

Lê Huy Bắc dịch

Onelio Jorge Cardoso
(Cuba)

CHÚ NGỰA SAN HỒ

Bốn chúng tôi sống bằng nghề câu tôm lênh đênh trên mặt nước. Con tàu Eumêlia có độc một cột buồm. Về đêm, khi một người giữ tay lái giữa hai đèn thì ba người còn lại nằm úp thìa ngủ ở trên boong tàu mà cảm thấy nước bắn ở dưới khoang theo nhịp sóng đung đưa xô lên liếm mát cá chân mình.

Bốn chúng tôi đã gắn chặt với cuộc sống này. Bởi vì khi con người đã chọn hướng đi và chiếc tàu đã nhổ neo khởi hành rồi thì lúc ấy không thể trở lại phía sau được nữa. Con tàu đã có lộ trình được sắp đặt và nó không thể có một lộ trình khác. Chúng tôi đã quen với nếp nghĩ ấy. Cho tới khi có người thứ năm nhập cuộc đã làm đảo lộn ý nghĩ đó của chúng tôi, và chúng tôi không thể nào quên được với việc ông ta hiện diện trên con tàu này. Không có nghề đã đành, ông ta cũng chẳng có lý do gì để phải sống cuộc sống này của chúng tôi. Và điều này mới tệ hại hơn: so với bất kỳ ai trong chúng tôi, ông ta cũng gấp đôi tuổi. Ngoài ra, ông ta là người giàu có, do đó chẳng phải vạ gì vất vả như chúng tôi để rồi cùng chia nhau mấy đồng pêxô còm. Đó là một việc không thể hiểu được, nó làm chúng tôi khó chịu. Và tôi cảm thấy rằng sớm hay muộn sự khó chịu đó, vẫn ẩn sâu trong những cái nhìn và những lời cổ nhin, vào một ngày nào đấy sẽ bùng ra ngoài. Và quả vậy, đến ngày thứ ba, tôi không nén được, hỏi:

- Này Mônggô! Cái ông nhà giàu ở đây để làm gì vậy? Cậu hãy nói tớ nghe nào.

- Nhìn đáy biển!

- Nhưng ông ta không phải là người đánh tôm.

- Nhìn để mà nhìn thôi.
- Cái ấy chẳng giúp chúng ta xua mối vào lưới được.
- Đúng thế! Nhưng đối với chúng mình thì cứ coi như đã có tôm bán rồi.
- Nghĩa là ông ta trả tiền phải không?
- Đúng thế!
- Trả bao nhiêu?
- Muốn bao nhiêu ông ta cũng trả.

Mônggô chăm chăm nhìn tôi và rồi còn cười nữa, như thể cậu ta đợi cho tôi hiểu những ý nghĩ dí dỏm của mình không cần thêm những lời giải thích.

- Ông ta có biết là đôi lúc chúng mình ở lì ngoài biển vài ba tuần liền không?

- Biết.

- Và thứ nước uống của chúng mình không phải là nước ướp trong tủ lạnh, cũng không phải nước lọc trong bình thủy tinh?

- Biết.

- Và giường nằm thay cho nệm là những tấm ván cứng?

- Biết, biết, nhưng ông ta chẳng đòi hỏi gì cả. Mà thôi, cậu hỏi in ít thôi, kéo sau này muốn hỏi lại chẳng biết đằng nào mà lần. ở ngoài biển, câu hỏi nó cũng như thuốc lá ấy, có khi cần lại hết mất rồi.

Thuyền trưởng Mônggô quay đi đúng lúc sao Hôm hiện lên trên đảo Caduêlô.

Đêm ấy tôi nghĩ mông lung về con người đó. Suốt ngày, khi mọi người hí húi làm việc, ông ta cứ nằm vục mặt xuống sát mặt nước để làm gì? Hay là ông ta không muốn người trên các tàu khác trông thấy? Vì sao ông ta để lại sau lưng mình nào đất đai, nào tiền của? Ông ta tìm kiếm cái gì trên con tàu Eumêlia này mà chẳng biết rằng những đêm như đêm nay cơn gió bắc có thể sẽ cuốn nó đi bất cứ phương trời nào? Tôi ngủ với đôi mắt nóng ran vì

suốt ngày cứ phải nhìn đáy biển và tay vỗ nhịp lừa tôm vào lưới. Tôi ngủ say như một dân chài thực thụ, ngủ từ trong sâu thẳm của tâm tư cho đến đầu ngón tay.

Vào lúc trời rạng, như một tia nắng, tôi bắt gặp câu trả lời: hay là ông ta đợi một con tàu khác có tốc độ lớn hơn con tàu này sẽ tới đón ông ta? Có lẽ ông ta sẽ sang Dutacăng, đất nước của Mêhicô. Vì một tội lỗi nào đó không thể lấy tiền của mà che đậy được, và ông ta phải bỏ cửa mà chạy lấy người. Bởi vậy mà thuyền trưởng Mônggô bảo rằng muốn lấy bao nhiêu ông ta cũng trả. Có Pêđritô cầm mái chèo, cả ngày hôm ấy tôi cứ úp mặt xuống nước đánh tôm trên chiếc xuồng con, con tàu Enmêlia thả neo trên biển lặng không một gợn sóng nhỏ, để mặc mặt trời soi bóng.

- Cái nhà ông ấy cứ cúi đầu nhìn đáy biển cả ngày, - Pêđritô cười nói, còn tôi vẩy tay cho khô để khỏi ướt điều thuốc thứ hai trong ngày. Tôi bảo chú em:

- Chú không thấy là ông ta đang đợi tàu khác sao?

- Tàu nào kia?

- Tàu nào, tao biết à! Có lẽ ông ta sẽ sang cư trú ở Dutacăng.

Đôi mắt trong xanh của Pêđritô, trong suốt như tuổi mười bốn và xanh như nước biển quê chú, nhìn tôi bằng cái nhìn rất thiên thần.

- Thực em không hiểu anh nói gì?

- Ông ta muốn trốn khỏi Cuba.

- Ông ta bảo rằng ông ta sẽ trở về cảng mà, rằng khi nào biển nổi gió là ông ta trở về đất liền ngay.

- Chú nghe thấy thế à!

- Hiển nhiên rồi! Ông ta bảo với anh Mônggô thế này: khi biển im gió tôi ở với các anh. Sau đó tôi sẽ trở về nhà mình.

- Sao?

- Anh Luxiô ạ, hai bên thoả thuận với nhau thế này: Chúng mình sẽ đưa ông ta trở lại cảng khi nào có gió, dù chỉ là gió nhẹ lúc đang trưa.

Rõ ràng là ông ta không có ý định chạy trốn, mặc dù ông ta có tiền. Phải là một anh dân chài mới hiểu đó là điều không thể hiểu được. Bởi vì bất cứ một người đàn độn nào cũng sẵn sàng làm bất cứ việc gì để có lấy ngày hoàn toàn thoát khỏi cái cảnh đêm nằm trên boong tàu và ngày úp mặt xuống biển.

Tôi giật lấy mái chèo trong tay Pêđritô và không nói không rằng với nhau lấy nửa lời, chúng tôi bơi về phía con tàu Eumêlia. Khi đi qua trước mũi tàu, tôi thấy ông ta hầu như nằm úp mặt xuống nhìn biển. Không nhìn thấy thuyền chúng tôi và cũng chẳng nghe thấy tiếng mái chèo khua trên mặt nước, ông ta chỉ hơi nhả mặt khó chịu khi sóng nước xô tới xóa nhoà mặt nước phẳng lì trong gương, nơi ông ta đang dán mắt vào nhìn đáy biển.

Người ta có thể tính được số tiền sẽ có, nhưng còn việc này quan trọng hơn: đó là việc cần phải biết cái gì hấp dẫn con người có đôi mắt mở to, vàng trán rộng lại im lặng như một pho tượng đá ấy. Bởi vậy, tôi chạy tới nói với thuyền trưởng Mônggô:

- Này Mônggô, ông ta muốn gì? Ông ta tìm kiếm cái gì? Vì sao ông ta lại trả tiền cho chúng mình?

Mônggô đang vá lưới, miệng mấp máy định nói, nhưng chỉ có làn khói thuốc lá phả ra rồi tan ngay vào trong không khí của biển.

- Không nghe thấy tớ hỏi hay sao?
- Có
- Còn đợi gì mà cậu không trả lời đi?
- Mình biết cậu định hỏi cái gì rồi và mình đang tìm cách trả lời cậu đây.
- Bằng lời nói.
- Đã đành là bằng lời nói, nhưng sao cho nó dễ hiểu hơn...

Mônggô quay lại phía tôi và đặt cần lưới xuống bên cạnh. Tôi cố nhẫn nại chờ đợi, nhưng rồi cũng phải thúc giục cậu ta:

- Câu hỏi của tớ không có gì là lạ lùng cả.

- Nhưng câu trả lời có không ít điều lạ lùng, Luxiô ạ! - Cậu ta nói với vẻ rất trịnh trọng. Nhưng khi tôi chưa kịp lấy hơi để nói thì đã nghe Pêđritô gào to:

- Tàu chúng ta mắc cạn rồi!

Chúng tôi nhảy ào xuống nước, đứng ngập đến cổ, hùng hục đẩy bụng con tàu Eumêlia cho đến khi nó nổi lên vượt qua chỗ cạn, kéo theo những luồng nước xoáy cát ở dưới đáy biển lên đục ngầu. Mônggô đi kiểm tra lại lưới, còn tôi phải chuẩn bị bữa sáng - hôm đó đến lượt tôi. Vậy là cả ngày hôm đó không có dịp ngồi nói chuyện với thuyền trưởng. Ngược lại, tôi có điều kiện để nhìn rõ hơn khuôn mặt của ông ta. Lần đầu tiên tôi nhận thấy đôi mắt to và sáng của ông ấy không nhìn ra phía xa lâu được. Ông ta không nói chuyện với tôi một lời, nằm cạnh buồng lái và ngủ say không còn biết đến trời đất là gì nữa. Khi đêm tới, thuyền trưởng Mônggô đánh thức ông ta dậy. Ngồi trong bóng tối, ông sì sụp húp xúp rồi sau đó lại nằm lăn ra ngủ.

Cơn gió nhẹ từ những lùm nho biển trên đảo Caduêlê thổi tới. Tôi rửa nhoáng nhoàng cho chóng xong các bát đĩa trong nước mặn để tới đầu tàu nơi thuyền trưởng đang nằm phơi bụng dưới ánh trăng tròn. Thuyền trưởng vẫn giữ thái độ im lặng, buộc tôi phải mở đầu câu chuyện từ chỗ bị bỏ lửng:

- Này Mônggô, câu hỏi của tớ chẳng có gì lạ lùng cả.

Dưới ánh trăng, cậu ta nhoẻn miệng cười. Nằm lại cho thoải mái, và trong lúc châm thuốc lá, thuyền trưởng bảo tôi:

- Ngồi xuống đi, Luxiô. Tớ đã tìm ra cách trả lời cậu rồi.

Dựa lưng vào cột buồm, tôi từ từ trượt lưng cho tới khi ngồi sệt trên sàn tàu.

- Hãy nghe tớ nhé. Hãy cứ tưởng tượng là đầu óc ông ta không được bình thường lắm, và ông ta phải trả tiền cho bọn ngư dân chúng mình để được ở trên tàu này chữa bệnh.

- Bằng cách suốt ngày cứ vực mặt xuống nhìn nước biển!

- Không phải. Nhìn đáy biển.

- Dù nhìn nước hay nhìn đáy biển thì chẳng nhẽ cái đó không phải là một trò đùa.

- Thế thì với cậu quan trọng cái nổi gì, khi mà người ta đã trả tiền cho trò chơi của họ?

- Quan trọng hẳn đi chứ!

- Vì sao?

Tự nhiên tôi bị tắc tị, nhưng dù sao tôi cũng liều mạng trả lời:

- Bởi không chỉ bằng lòng với đồng tiền bỗng dưng mà có, mà còn muốn biết cái bàn tay vung tiền ra ấy muốn gì.

- Thì hãy cứ cho đó là một cơn điên chẳng hạn.

- Và ở cùng với thằng điên trên một con tàu lênh đênh giữa biển khơi là hay ho lắm sao?

- Luxiô ạ, đó là một cơn điên đặc biệt, nó lặng lẽ và chỉ hơi khó chịu khi có gió thổi.

Câu trả lời ấy khiến tôi bực mình, xẵng giọng hỏi:

- Thế gió gì sao hả? Điều cậu vừa nói chính Pêđritô đã nói với tớ rồi. Nhưng mà tớ muốn được biết, vì sao cái ông ấy lại cứ mong biển phẳng lặng như một vũng nước con?

- Tớ đã bảo cậu rồi: đó là một cơn điên.

- Láo toét! - Tôi xẵng giọng trả lời, và sợ hãi quay nhìn về phía mũi tàu, nghĩ rằng ông ta đã bị đánh thức; nhưng mắt tôi chỉ thấy đôi chân trần của ông ta lòi ra ngoài tấm trong ánh trắng. Tôi quay lại phía Mônggô, bắt gặp khuôn mặt cậu ta đang nhăn nhó cười.

- Người anh em, chớ nên giật mình như vậy. Đó là một cơn điên dần dần động động, và vì nó mà ông ta phải trả tiền. Cơn điên này chẳng ảnh hưởng tới những người xung quanh.

- Nhưng cần phải đề phòng chứ, - tôi nói nhanh với thuyền trưởng, và tôi tin rằng lúc này thuyền trưởng sẽ nói thực với tôi.

- Thôi được, tớ trả lời vào câu hỏi của cậu đây: ông ta tin là có người sống ở biển.

- Có người?

- Không! Một con ngựa!

- Sao?

- Một con ngựa hồng, ông ta bảo thế, hồng như san hô.

Mônggô bật cười ha hả, cười to đến mức khiến tôi tin điều cậu ta nói. Bỗng nhiên tôi thấy cái ông ấy đứng giữa chúng tôi; và để đánh trống lảng, Mônggô vờ hỏi.

- Thế nào ông bạn? Ông bị mất ngủ à?

- Anh vừa nói tới con ngựa và chớ nghĩ rằng tôi bịp anh nhé! Trong những chuyện như thế này tôi không bịp bợm ai cả.

Tôi lặng lẽ đứng dậy để nhìn cho rõ khuôn mặt ông, vì lúc này tôi chỉ nhìn rõ ánh trăng viền quanh đầu ông ta. Tôi nghĩ thế nào trên khuôn mặt ông cũng hiện rõ vẻ bực dọc, mặt dù giọng nói của ông vẫn rất điềm nhiên. Nhưng không, ông ta vẫn trầm tĩnh như biển. Mônggô phớt lờ ông, chậm rãi đứng dậy và nói:

- Tôi chẳng bảo ai là đồ bịp bợm cả, nhưng tôi sẽ không bao giờ đi tìm con ngựa sống ở dưới đáy biển. - Cậu ta chui qua chiếc cửa vuông để vào trong buồng đi ngủ.

- Vâng. Không bao giờ anh ta sẽ đi tìm nó, - ông ta nói, - và dù anh ta có cất công đi tìm cũng sẽ không thấy.

- Sao lại không nhỉ? - Tôi thốt lên, bởi vì tin tưởng rằng không ai thông thạo biển bằng Mônggô. Ông ta day mặt về phía tôi và ánh trăng chiếu thẳng vào mắt ông.

- Bởi vì phải có mắt mới nhìn thấy được. Ai có mắt người ấy mới thấy.

- Thấy gì kia?

- Thấy cái mà mắt muốn nhìn khi nó nhìn chán những cái cứ lặp đi lặp lại.

Không còn nghi ngờ gì nữa, đó là một cơn điên hiền lành và dịu dàng.

Mônggô có lý; nhưng tôi, tôi không thích lộ tiền của những thằng điên kiểu này, và cũng chẳng muốn ở cùng với họ. Bởi thế tôi bỏ đi, và đã đi được vài bước về phía mũi tàu thì bỗng nghe ông ấy nói chuyện với tôi:

- Này anh bạn kia, khoan khoan đã nào... Phải biết đề phòng...

Đó chính là những lời của tôi vừa nói, và tôi cảm thấy cần phải bảo vệ chúng:

- Đúng rồi! Thế thì đã sao nào?

- Anh đề phòng tôi?

- Tôi thì chẳng việc gì cả. Anh có thể để cả đời mình vào cái việc nhìn nước hoặc nhìn đáy biển, tôi cũng chẳng sao.

- ừ nhỉ. Nhưng mà anh lại muốn biết vì sao.

- Bây giờ thì tôi biết rồi.

- Một cơn điên chứ gì?

- Đúng thế. Một cơn điên.

Ông bật cười và nói trong tiếng cười:

- Với cái mà ta chưa hiểu thì cần phải đặt cho nó một cái tên.

- Nhưng ai có thể nhìn thấy cái không có bao giờ? Một con ngựa sinh ra là để mũi nó thở hít không khí, là để bờm nó bay trong gió và để vó nó khua lộp cộp trên những tảng đá.

- Nhưng con ngựa cũng được làm ra cho trí tưởng tượng nữa chứ.

- Ông bảo sao kia?

- Tức là để nó phi ở nơi mà nó làm phẩn chấn sự suy nghĩ của con người.

- Vì thế mà ông đã cho nó phi ở dưới nước?

- Anh hãy hiểu cho là nó vốn ở dưới nước chứ tôi không cho nó phi ở dưới nước. Tôi nghe thấy nó và nhìn thấy nó. Trong lúc trời yên biển lặng, tôi có thể phân biệt những tiếng động của nó từ rất xa, nghe rõ tiếng vó nó gõ lách cách trên những tảng đá, sau đó nhìn thấy bờm nó và toàn thân hồng của nó, hồng như san hô, hồng như máu trong huyết quản khi chưa kịp tiếp xúc với không khí.

Đích thị là ông ta đang hứng chí, và tôi lại muốn bỏ đi. Nhưng tự trong đáy lòng mình, tôi phải thú nhận rằng, kể cả ra cũng thích khi được ngắm một chú ngựa san hô như thế, dù nó chỉ qua miêu tả bằng lời của một người đang cao hứng. Dĩ nhiên là phải giữ kín cái ý nghĩ này, bởi vì tôi ngại phải thú nhận rằng ông ta đã thuyết phục được mình qua cuộc đối thoại.

- Thôi được, ông cứ việc tìm kiếm chú ngựa ấy, vì ông không phải lo kiếm miếng ăn.

- Tất cả mọi người, ai cũng như ai, đều cần chú ngựa san hô ấy.

- Nhưng nhiều người cần cái ăn hàng ngày hơn.

- Và tất cả đều có nhu cầu xem chú ngựa san hô.

- Hãy để yên cho tôi đi kiếm miếng ăn hàng ngày, vì cái cuộc sống này là một thứ nợ đời mà chúng tôi phải gánh chịu.

- Khi nào đã có miếng ăn hàng ngày, lúc đó anh sẽ thích thú chú ngựa ấy mà.

Có thể tôi chưa hiểu nổi những lời này, nhưng chúng cũng loé sáng và để lại ấn tượng trong trí não tôi. Vấn đề thật hóc búa và nặng nề đối với tôi, còn nặng nề hơn cả cái công việc hàng ngày úp mặt xuống nước dõi nhìn những con tôm. Bởi thế tôi bỏ đi, lần

này đi thật nhanh để không cho phép ông ta gọi tôi, và nếu có gọi thì tôi không cũng không quay trở lại.

Như thường lệ, ngày lại bắt đầu khi mặt trời hiện ra trên đảo. Caduêlô và cơn gió mang tới tiếng kêu quang quác của bầy côrua¹. Khi Mônggô cùng với Pêđritô bước lên thuyền con, tôi gặp riêng Mônggô để nói nhỏ với cậu ta mà không cần phải trả lời:

- Đừng chia tiền cho tớ nhé vì tớ chẳng muốn lột tiền của ông ấy đâu.

Chúng tôi lại bắt đầu công việc hàng ngày. Chúng tôi bơi xuống ra chỗ nước sâu nhìn rõ đáy biển mọc đầy rong rêu với lưới đánh tôm sẵn trong tay. Chính tại đây, lần đầu tiên, tôi bỗng bật cười quay đầu lại nói với Pêtritô.

- Chú em nghĩ thế nào nếu anh cũng lùa vào lưới được một chú ngựa san hô ấy?

Chú đưa đôi mắt ngây thơ nhìn tôi, không trả lời vào câu hỏi của tôi, mà lại nói những lời sau đây khiến tôi phải giật mình:

- Anh Luxiô, cẩn thận, kéo ông mặt trời đốt nóng đầu anh rồi đấy.

“Không phải mặt trời mà chính là ông ấy đấy”, - tôi nghĩ như vậy và thoáng cảm thấy một nỗi buồn băng quơ.

Ba ngày nữa trôi đi, vẫn những ngày giống nhau như đúc. Ông ta vẫn lầm lì ăn ít nhìn nhiều và thường phớt lờ những câu châm chọc của Vixênhtê để lộ trong những cái cười và vừa mới đây cả trong những lời nói:

- Này ông bạn, ở phía Bắc rong rêu cứ mọc um tùm, hình như chúng mọc tốt như thế nhờ phân của chú ngựa san hô thì phải!

Tôi không cho những lời ấy là độc địa nhưng quả có hơi thô thiển. Trước đây tôi vẫn thường cười phụ họa theo những lời đùa tếu của Vixênhtê, nhưng giờ đây thì những lời ấy quá ư hèn kém và tẻ nhạt bên cạnh ý nghĩ về một chú ngựa san hô tự do, rung

¹ Côrua - một loại chim có chân màng sống ở vùng biển Caribê.

bờm, mỗi bận phi qua gõ vó lách cách trên những tảng đá nơi đáy biển. Những lời ấy khiến tôi nhức nhối trong tim tới mức tự mình phải tìm đến bên ông ta vào một đêm, mặt dù trong bụng đã tự nhủ là không được nhượng bộ.

- Hãy cứ cho là chú ngựa san hô ấy có thật đi, cứ cho là nó phi ở dưới đáy biển đi. Vậy nó tồn tại để làm gì? Phận sự của nó là gì?

- Phận sự của nó là phi qua trong nước, là làm rực sáng tâm tưởng ta, hoặc giả là nó chẳng có phận sự gì cả.

- Vậy thì có đáng phải tốn công tốn sức như ông trong những ngày vừa qua để nhìn nó phi qua rồi mất hút đi không?

- Muốn có cái mới phải dày công tốn sức, muốn có cái kì diệu sẽ tới trong tương lai thì phải biết hy sinh.

- Toàn chuyện tầm phào. Chú ngựa ấy không có thực, nó sẽ chẳng bao giờ phi dưới đáy biển và không một ai đã nhìn thấy nó.

- Chính tôi đã nhìn thấy và rồi tôi sẽ lại nhìn thấy nó.

Tôi định trả lời ông ta ngay; nhưng nhìn vào mắt ông, tôi im bật. Trong con mắt ông toát ra sức mạnh kỳ diệu của đức tính chân thành, trong thái độ ông toát ra vẻ cao thượng hiếm người có. Những thứ ấy đã ngăn lại, không cho phép tôi được láo xược bác bỏ ông. Tôi thấy cần phải nhìn đi nơi khác, qua vai ông tôi thấy vòng lượn gần kề của con bói cá bông khép cánh lại rồi lao tùm xuống biển.

Ông đặt bàn tay mềm mại lên vai tôi và bảo:

- Anh sẽ cùng nhìn thấy. Chiều nay nhớ hãy ở cạnh tôi nhé.

Gần như nổi cáu, tôi gạt phắt bàn tay ông đi. Ông ta không được phép làm tôi nóng đầu thêm. Mặt trời hiện đang ở phía trái ông đã làm tôi đủ nóng đầu rồi, ông không được phép buộc tôi cũng phải thấy cái ảo ảnh ông ta thấy, dù cho cái ảo ảnh ấy thuộc thế giới này hoặc thế giới khác.

- Đối với tôi những con tôm biển đủ rồi. Tôi chẳng có nhu cầu những thứ khác, - Tôi quay đi nhưng vẫn nghe thấy ông ấy nói vọng theo:

- Cũng như tôi, anh có vô khối nhu cầu. Anh có mắt để nhìn kia mà.

Ngày hôm ấy tôi không ăn trưa, phần vì không cảm thấy đói, phần vì công việc nhiều; lúc hết giờ nghỉ, tôi cùng đánh tôm với Pêđritô trên một chiếc xuồng, và tôi mãi mê làm việc cho đến năm giờ chiều, cái giờ hầu như không còn đủ ánh sáng để nhìn thấy con vật bình thường ở dưới đáy biển. Tôi trở lại tàu, và điều tai hại đối với tôi là cả ba người đều đi vắng hết. Vixênhtê, Mônggô, Pêđritô lên đảo để tìm quả dừa lửa. Lẽ ra tôi cùng đi với họ, nhưng khi họ bơi thuyền đi thì tôi không biết. Tôi đành phải làm bất kì công việc nào đấy cốt tránh tiếp xúc với con người ấy. Chiếc tàu bỏ neo ở phía Nam hòn đảo Caduêlô, nơi nước sâu nhất. Lúc này cả trời lẫn biển đều im ắng một cách lạ thường. Ngay cả rong rêu dưới bụng con tàu Eumêlia cũng không hề động đậy. Bầu trời cao và thanh lặng để ta nghe rõ tiếng thở nhẹ nhàng của không khí. Tôi đang ở trong khung cảnh ấy thì nghe:

- Hãy tới đây mau lên!

Tay lướt tuột khỏi tay tôi và hai chân như muốn hất tôi ngã xuống biển. Nhưng tôi vẫn ngồi yên.

- Hãy lại đây mau lên, nó đang phi tới đây!

- Ông không có quyền lây bệnh điên của mình cho người khác nhé.

- Anh sợ phải đối mặt với sự thật hay sao?

Tôi không thể chịu đựng được nữa. Chẳng nói chẳng rằng, gạt chiếc lưới sang bên, tôi chạy ào tới bên ông.

- Tôi không sợ, - tôi nói.

- Hãy nghe... tiếng nó đang tới đây...

Cổ nín thở lắng nghe, sau đó tôi quay lại phía ông:

- Đó là tiếng sóng chứ.

- Không phải.

- Đó là tiếng nước chảy ở dưới gầm tàu...

- Anh nhớ cho là không phải đâu.

- Vậy là tiếng gì ấy chứ không thể là tiếng động do chú ngựa san hô gây ra.

- Nghe! Nghe!... Đôi lúc tôi nghe rõ cả tiếng vó nó gõ trên các tảng đá.

Tôi nghe thấy gì? Cái mà tôi nghe thấy có phải chính lỗ tai tôi nghe thấy hay tôi nghe bằng lỗ tai ông ta? Tôi không biết cả người tôi đang nóng ran lên và máu cứ rần rật chạy nơi cổ.

- Bây giờ anh bạn hãy nhìn xuống, nhìn cho tinh vào.

Ông ta nói cứ như ra lệnh cho tôi ấy và không biết rằng người ta chỉ để mắt tới cái mà người ta thích. Tôi nhìn ra biển, lặng lẽ nhìn tàu lá mănggiê¹ nổi trên mặt nước ngay gần chỗ chúng tôi.

- Nó đến kia, nó đến! - Ông ta nói với tôi bằng một giọng gần như ra lệnh và cầm lấy cánh tay tôi chắc tới mức tôi cảm thấy móng tay ông cắm vào da thịt mình. Nhưng mắt tôi vẫn điem nhiên ngắm tàu lá mănggiê và tai tôi vẫn chênh mảng nghe ngóng tận đâu đâu ấy. Tôi cứ để mặc cho ông ta muốn làm gì thì làm, cho tới khi toàn thân ông ta run lên, run từ đầu tới chân, và bỗng ông ta gào tướng lên:

- Kia!... Kia!... Kia, nó đến!

Tôi day mặt lại, hướng cái nhìn từ tàu lá mănggiê vào thẳng mắt ông ta. Thú thực, tôi chẳng muốn nhìn ảo ảnh có liên quan tới thế giới này hoặc thế giới khác. Hãy giết quách đi còn hơn bắt buộc tôi phải làm cái việc tôi không thích. Nhưng rồi bỗng ông ta quên tôi đi. Ông buông cánh tay tôi. Mắt ông mở ngày một to hơn. Trong lúc tôi chẳng muốn nhìn gì hết, thì tôi lại thấy quanh cảnh đáy biển được phản chiếu trong mắt ông ta, thấy một chú ngựa san hô,

¹ Mănggiê: một loài dây leo mọc ở bờ biển châu Mỹ nhiệt đới.

hồng tuyền một màu từ tai tới đuôi, và rồi chú ngựa ấy lại biến khỏi mắt ông.

Từ đấy đến nay đã không ít thời gian trôi qua, và giờ đây thỉnh thoảng tôi lại thích thú đi đánh cá và cả đánh tôm nữa. Tôi không còn phải vật lộn với miếng ăn hàng ngày và cũng không lẩn tránh những cuộc đàm đạo về những sự việc cao siêu có liên quan tới thế giới này hoặc thế giới khác. Tôi không biết đích xác là chú ngựa ấy có phi thật ở phía dưới bụng con tàu Eumelia không hay là tôi chỉ thấy trong đôi mắt ông là một chú ngựa được tạo nên bởi cơn sốt cảm thức của ông từng đốt nóng vầng trán của tôi. Sự thật là trong lúc càng trầm trở suy nghĩ, tôi càng giác ngộ điều này, và chỉ điều này thôi: đó là con người luôn luôn có hai đòi hỏi.

Nguyễn Đức Trung dịch

Bo Carpelan
(Phân Lan)

CƠN BÃO

Tôi nhớ, mình mơ thấy cơn bão lớn, đã từng làm rung chuyển ngôi trường cũ kỹ nằm bên cạnh Công viên Đại dương của chúng tôi vào một buổi tối tháng Mười hơn bốn mươi năm về trước. Giấc mơ đầy những tiếng ầm ĩ, kêu van, những tiếng nổ rền vang, và những cuộc gặp gỡ kỳ lạ, cả một món hủ lớn của thầy phù thủy vẫn đang tiếp tục sôi và bốc hơi khi tôi nhớ lại ngày hôm đó và những đám mây lớn màu vàng.

Cô giáo dạy toán của chúng tôi - một phụ nữ nhỏ nhắn gầy gò, trông giống như người đã từng nuốt phải dầu hỏa và luôn luôn ngạc nhiên tìm kiếm xem dấu chấm lạc đi đâu, vì thế mà cô luôn nói bằng giọng trầm trầm, mắt nhìn xuống đất như thể những đứa học trò chúng tôi không hề tồn tại, mặc dù đôi mắt nhỏ màu đen của cô vẫn nhìn thấy tất cả những gì xảy ra trong lớp, và trong nháy mắt cô đã đứng ngay cạnh đứa nào không vâng lời - đang viết lên bảng đen bảy bảng cửu chương, thì có luồng sáng màu vàng kỳ lạ tràn vào trong lớp. Chúng tôi quay nhìn ra cửa sổ: có cảm giác như cả ngôi trường trong nháy mắt biến thành ga xe lửa. Toà nhà rung chuyển và lung lay, tiếng hú lạnh lạnh xuyên qua những bức tường đá dày lạnh lẽo và những luồng khí đậm đặc như khói lao vun vút qua ngay trước những khung cửa sổ cao tí; chúng lao nhanh đến mức cả lớp học cũng lao về phía trước như thể chúng tôi đang ngồi trong khoang máy bay. Cô giáo ngừng tay viết và ngẩng cái đầu nhỏ nhắn với mái tóc đen lên. Không nói một lời nào, cô đi đến bên cửa sổ và đứng nhìn chằm chằm những đám mây bay.

Từ phía hành lang vang lên những tiếng cửa đập chát chúa và những tiếng kêu the thé. Những hàng ghế nhè nhẹ rung, và như nghe hiệu lệnh tất cả chúng tôi bao người như một lao về phía những chiếc cửa sổ, trèo lên trên thành cửa và ngồi đó dõi theo cơn lốc. Từ đó trở đi hai loại âm thanh, âm đục và trầm, âm cao và sắc, cả hai xoắn bện vào nhau như dây chảo liên tục quất vào thân những cây thích già nua và bứt sạch những cái lá cuối cùng, làm cho cả công viên trông như một đồng những cành cây trơ trụi đen thui. Những cây thích uốn cong như những cánh cung đang chống trả từng đợt sóng lớn ào ào lao vào từ phía biển.

- Trở về chỗ ngay! Cô giáo hét lên bằng giọng sắc lạnh, nhưng chúng tôi vẫn bám chặt vào cửa sổ, những đám mây lao vun vút biến mất. Một sự yên lặng âm ì bao trùm bên ngoài, và cả sáu chiếc đèn trần màu trắng trong lớp nhất loạt sáng bừng lên rồi vụt tắt - trở về chỗ ngay! Cô giáo hét lên và chúng tôi miễn cưỡng quay lại ghế ngồi. - Làm bài tập đi! Giọng nói vang lên từ hành lang. Đột nhiên đèn bật sáng chói chang và cánh cửa bật tung. Chúng tôi đứng phắt dậy, chen lấn xô đẩy nhau lao ra hành lang tối om về phía cửa ngoài.

Bỗng nhiên một tiếng âm rung chuyển vang lên, nhấn chìm tiếng kính vỡ và hàng ngàn âm thanh hỗn độn của đám mây màu vàng khổng lồ đang tiến lại. Chúng tôi nhìn thấy qua khung cửa sổ nơi cầu thang mái thiếc lấp loáng của ngôi trường vừa kêu xoảng vừa bứt khỏi khung xà dọc ngang và uốn lượn như tấm khăn trải giường bay ra phía biển. Trên quãng đường đi nó phạt ngang các ngọn cây thích dọc con đường nhỏ và rú rít vụt qua phía sau đài thiên văn đang nghiêng ngả cái mái nhọn đen thẫm của mình trên khuôn công viên đung đưa. Và một đám mây trắng tiếp ngay sau mái thiếc: bằng tốt nghiệp cùng các bài kiểm tra được tồn lưu lại qua gần trăm năm trên tầng áp mái. Như những chiếc lông chim bay tung ra từ một chiếc gối khổng lồ, những mảnh giấy trắng bị cuốn lên phía trên ngôi trường trông như một cơn bão tuyết và bay vút ra mặt biển hoặc với một vận tốc khủng khiếp biến mất vào sâu trong đất liền. Thiên nhiên quả là kỳ lạ! Sau này mới biết rằng, những bài luận chủ đề tự do như: “Nhà nghỉ hè của

chúng tôi”, “Một buổi bình minh”, “Đại dương với tôi có ý nghĩa như thế nào”, “Nhà văn tôi yêu thích”, “Hoa cảnh và hoa đồng nội” và một loạt bài có chủ đề tựa tựa như vậy đã bay ra biển và sau đó đem đến cho bao thế hệ dân chài lưới món ăn tinh thần vào những tối mùa thu bên cạnh ngọn đèn dầu. Họ phải mất bao thời gian và rất cần trọng để phơi khô - mẹ kể thế - những cuốn vở bìa xanh sũng nước từ trên trời cao bất ngờ rơi xuống rải khắp các hòn đảo và ghềnh đá, và rồi hăng hái gắng phồng đoán những dòng chữ đẹp nhấp nhô lên xuống của các cuốn vở ấy. Còn những người thợ săn và nông dân sống trên phương Bắc xa xôi lại được nhận những “Đức vua Các lốt XII anh hùng”, “ảnh hưởng của châu Âu đến văn hóa Mỹ”, “Mussolini, nhà lãnh đạo”, và “Điện năng như nguồn năng lượng” để đọc.

Khi những bài luận văn và bằng tốt nghiệp - những giấy tờ sau này thì đúng ra không có ai để mất tới, chúng cứ thế biến mất, hoặc giả có ai đó dùng chúng làm mỗi nhóm lửa - cứ thế bay lên trên mái trường trông trơ xấu xí của chúng tôi, thì thầy hiệu trưởng - một người đàn ông gầy cao, có khả năng uốn thân mình vào những tư thế kỳ quặc nhất - lao vọt lên cầu thang dẫn lên tầng áp mái, và cả trường rầm rập theo sau. Ông gác cổng già cố sức ngăn chúng tôi lại, nhưng vô ích: như một dòng sông người khổng lồ cuộn cuộn chảy qua và đánh chiếm tầng mái, đúng lúc xung quanh đột nhiên yên lặng như tờ. Trường chúng tôi đã rơi vào tâm bão, và một sự câm lặng rợn người bao trùm lên những vật ít ỏi còn sót lại. Nhưng bên các bờ tường vẫn còn hàng tủ, tủ sắt tủ đứng cạnh nhau và trong đó có niềm kiêu hãnh của nhà trường: những con chim nhồi bông do thầy hiệu trưởng cũ của trường tặng lại. Thầy hiệu trưởng leo lên trên bàn và kêu to: “Chúng ta phải mang chim vào nơi an toàn. Bão ập đến ngay bây giờ đây!” - Ông kêu, mái tóc trắng dựng ngược trông hết một bức tranh thánh mà tôi đã nhìn thấy trong nhà thờ. Nhưng ông già trong tranh tay cầm kiếm, còn thầy hiệu trưởng chỉ có gậy chỉ bàn đồ.

Sao thầy nói đúng thế! Chúng tôi vừa kịp mở các cánh cửa tủ để cứu các con chim nhỏ, vịt trời và sẻ ngô, thiên nga và chim anca, những con ibis và con cò, những con quạ và cú đất, những

con hải âu và đại bàng, thì gió lại ập đến. Trên bầu trời vừa quang đãng sáng sủa đó thấy xuất hiện một luồng sáng đỏ như lửa, và một cơn gió xoáy rú rít lồng lộn quét ào qua tầng mái tan hoang, giật phăng những con chim ra khỏi tay chúng tôi.

Và những con chim! Cứ như bao nhiêu năm tháng bụi bặm tĩnh lặng này chỉ chờ có hiệu lệnh xuất phát này đây! Cả một bầy chim cùng nhau hót vang như một cây đàn thụ cầm khổng lồ. Và bay vào khoảng không. Chúng quét ngang những bức tường quen thuộc và vừa líu ríu, líu lo, vừa gù gù và chiêm chiêm, vừa rú rít và rền rĩ, vừa the thé và chín chít bay dần lên cao, cao mãi ra ngoài tầm với của chúng tôi. Những đôi cánh đập bành bịch, những đôi cánh vẫy chập chới, những đôi cánh kêu vun vút; những đôi mắt lấp lánh và những cái cổ vươn dài ra phía trước, những đôi chân duỗi thẳng về phía sau và những cái móng chân co quắp, đàn chim bay xung quanh thầy hiệu trưởng của chúng tôi, người giơ tay về phía chúng bắt lực, rồi biến mất như những chiếc lá cây, biến mất, về phía chân trời xa. Cả những tiếng kêu của chúng hoà lẫn với những tiếng vọng thưa thớt cũng dần tắt ngấm, trong khi chúng tôi vừa vật lộn với cơn gió mạnh vừa lần lần xuống cầu thang.

Đột nhiên chúng tôi nhận ra là chúng tôi chỉ còn nghe thấy tiếng nói và những bước chân của chính mình, vì gió cũng bất chợt lặng đi như khi nó nổi lên lần thứ hai, và ở phía ngoài kia một sự tĩnh lặng khủng khiếp và trắng như tuyết đang bao trùm. Những cánh cửa dẫn ra sân trường mở toang. Những cột đèn thâm thấp nằm ngổn ngang trên sân trường trong những hình dáng uốn éo rất kỳ cục, và thầy dạy thể dục nghiêm khắc của chúng tôi hét gào: - Các em nhìn gì những cột điện ấy, có nghe không đấy! Nhưng tiếng hét của thầy thật cô đơn và yếu ớt trong im lặng... Hơn nữa, ai có thể cấm được chúng tôi nhìn sự đổ vỡ tan hoang đang chế ngự xung quanh, những bức tường đầy rạn nứt, bản thiêu của ngôi trường cũ kỹ, những chiếc cột trên mái như những chiếc xương sườn của một con cá voi già chĩa lờm chờm lên bầu trời có màu hồng phớt nhạt, những cây to lá rụng cành gãy, thế giới vừa trải qua cuộc tàn phá và bây giờ vừa sống lại? Nhắm mắt lại tôi vẫn nhìn thấy tất cả mọi người, những đứa con trai trong những

chiếc quần chơi golf và những chiếc áo khoác đã quá ngắn, những đứa con gái mặc những chiếc váy bông kẻ ô, những chiếc quần tất nhãn nhúm, và những chiếc áo len tóc tết cao - nhắm mắt lại tôi vẫn nhìn thấy tất cả mọi người, họ đứng trong sân trường, khuôn mặt lấp loá, khi cơn bão đã qua đi, cơn bão màu vàng khủng khiếp. Sau này tôi có nghe rằng đó chỉ là một cơn bão cục bộ. Nó bỏ qua tất cả các trường học và các khu phố khác, trừ ngôi trường của chúng tôi.

Tôi tỉnh dậy, thấy cô giáo dạy toán đang đứng ngay cạnh ghế của mình trong tay là chiếc thước kẻ mềm. Tôi đứng lên, đầu óc vẫn mụ mị vì giấc mơ.

- Em ngủ trong giờ học phải không, Carpelan? Em có biết điều gì sẽ xảy ra khi ngủ trong giờ không? Trả lời đi!

Cả lớp im phăng phắc. Tất cả mọi người nhìn chằm chằm vào tôi. Tôi thì thào:

- Nằm mơ ạ.

- Nói to vào. - Cô giáo dồn hết sức gào lên. - To vào!

- Nằm mơ! - Tôi hét.

- Nằm mơ. Cả lớp đồng loạt vừa reo hò vừa gào lên nhắc lại. - Nằm mơ! Nằm mơ! - Và tiết học trôi qua trong tiếng cười đùa gào hét. Còn tôi bị phạt ở lại sau giờ học.

Nhưng trên đường về nhà tôi nhặt được trên sân trường tôi mù một cuốn vở bài tập đầm màu xanh, trong đó có những dòng chữ viết nắn nót: “Cơn bão lớn màu vàng”. Tôi đứng dưới cột đèn đường, dưới ánh sáng im lìm bất động của nó, xung quanh tôi là những cây thích vàng rực, mà mỗi một cái lá của chúng chỉ chờ đợt băng giá đầu tiên đến để bình thản rơi xuống đất. Tim tôi đập thình thịch, và tôi bắt đầu đọc: “Tôi nhớ, mình mơ thấy cơn bão lớn, đã từng làm rung chuyển ngôi trường cũ kỹ của chúng tôi vào một buổi tối tháng Mười hơn bốn mươi năm về trước” - Những trang vở sau đập vào mắt tôi trắng xoá, trống rỗng. Trên bìa vở không có cái tên nào. Tôi mang vở về và giấu nó vào trong ngăn tủ

của bàn viết. Còn sổ liên lạc tôi buộc phải đưa cho mẹ tôi. “Cháu ngủ trong giờ học và trả lời rất bướng bỉnh”.

Mẹ tôi vô cùng lúng túng:

- Nay, mẹ phải làm gì với cái này đây?
- Mẹ ký xuống dưới.
- Nhưng con trả lời thế nào mới được chứ?
- Là con nằm mơ

- VẬY à, nhưng ai ngủ mà chẳng nằm mơ, phải vậy không?

Tôi không biết trả lời làm sao. Tôi và mẹ nhìn nhau bất lực.

- Con nằm mơ thấy gì?

- Thấy một cơn bão lớn màu vàng.

- VẬY à. - Mẹ gật đầu và viết: - "Chính tôi cũng đã từng nhìn thấy một cơn bão lớn màu vàng".

Và mẹ ký tên xuống dưới.

Nhưng cứ mỗi lần gió nổi lên và những đám mây lấp lánh trên bầu trời, tôi lại nhớ đến ngày mái lợp của ngôi trường bay mất và đàn chim cũng biến mất, khi Công viên Đại dương trở nên đen kịt đầy đe dọa và cả thế giới kêu gào và run rẩy dưới áp lực của luồng gió lớn; cơn bão cho đến bây giờ vẫn còn lang thang đâu đó và chỉ chờ để làm mọi vật xung quanh nó thay đổi và đổ vỡ trên đường nó đi qua.

Bùi Việt Hoa dịch